ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

Quyển 1/2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901046432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2016, được Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 11 năm 2025)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 337/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 8 năm 2026)

Bản Cáo Bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày: ... / ... /2026 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Địa chỉ: 15 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Điện thoại: +84 26 9222 2249

Website: https://hagl-invest.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

Địa chỉ: Tầng 26 The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7108 8848

Website: https://ocbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: +84 26 9222 2249

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901046432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2016, được Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 11 năm 2025)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số .../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm .....)

Bản Cáo Bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày: ... / ... /2026 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Địa chỉ: 15 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Điện thoại: +84 26 9222 2249

Website: https://hagl-invest.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

Địa chỉ: Tầng 26 The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7108 8848

Website: https://ocbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: +84 26 9222 2249

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901046432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2016, được Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 11 năm 2025)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	:	60.600 đồng/cổ phiếu (Bằng chữ: Sáu mươi nghìn sáu trăm đồng một cổ phiếu)
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	18.800.000 cổ phiếu (Bằng chữ: Mười tám triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	:	188.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ đồng)

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

Địa chỉ: Tầng 26 The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7108 8848

Website: https://ocbs.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

Địa chỉ: Tầng 26 The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7108 8848

Website: https://ocbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3824 5252

Website: https://www.ey.com/vi_vn

Tổ chức kiểm toán vốn điều lệ đã góp

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: Số 2, Đường Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3547 2970

Website: https://a-c.com.vn/vn

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

MỤC LỤC

Trang

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 10
1. Tổ chức phát hành 10
2. Tổ chức tư vấn 10
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 10
1. Rủi ro về kinh tế 11
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 11
1.2. Rủi ro về lạm phát 12
1.3. Rủi ro về lãi suất 13
1.4. Rủi ro về tỷ giá 13
2. Rủi ro về luật pháp 14
3. Rủi ro về đặc thù ngành 14
3.1. Rủi ro về biến đổi thời tiết 14
3.2. Rủi ro về sâu bệnh trái cây 15
3.3. Rủi ro về lĩnh vực hoạt động của Tổ Chức Phát Hành 15
4. Rủi ro về đợt chào bán 16
5. Rủi ro pha loãng 17
5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) 17
5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) 18
5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu đối với cổ đông hiện hữu không tham gia đợt chào bán.. 18
6. Rủi ro quản trị công ty 18
7. Rủi ro khác 19
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT 20
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 23
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành 23
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành 26
2.1 Quá trình hình thành và phát triển 26
2.2 Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi 28
2.3 Các giải thưởng và thành tích 28
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành 29
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành 30
4.1. Đại hội Đồng Cổ đông 31
4.2. Hội đồng Quản trị 31
4.3. Ban kiểm soát 33
4.4. Giám đốc và các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng 34

4.5. Các bộ phận chức năng 35
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 37
5.1. Công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành 37
5.2. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành 37
5.3. Công ty con và những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục gần nhất 38
5.4. Công ty liên kết 43
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát hành 44
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác 52
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 52
8.1. Cổ phiếu phổ thông 52
8.2. Cổ phiếu ưu đãi 53
8.3. Các loại chứng khoán khác 53
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 53
10. Hoạt động kinh doanh 53
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh 53
10.2. Tài sản 71
10.3. Thị trường hoạt động 73
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính 75
10.5. Các hợp đồng lớn 76
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn 80
10.7. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành 83
10.8. Hoạt động Marketing 88
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế 89
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển 89
10.11. Chiến lược kinh doanh 90
10.12. Trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan 91
11. Chính sách đối với người lao động 92
11.1. Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán 92
11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp 92
12. Chính sách cổ tức 93
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành 94

13.1. Trái phiếu chưa đáo hạn 94
13.2. Các hợp đồng thuê đất 94
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 98
15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 98
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 99
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 99
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 99
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành 102
2. Tình hình tài chính 104
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản 104
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 121
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành 124
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 127
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN. GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 129
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 129
2. Thông tin về cổ đông lớn 129
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng 136
3.1. Hội đồng Quản trị 136
3.2. Ban Kiểm soát 144
3.3. Ban Giám đốc 149
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 155
1. Loại cổ phiếu 155
2. Mệnh giá cổ phiếu 155
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 155
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 155
5. Giá chào bán dự kiến 155
6. Phương pháp tính giá 155
7. Phương thức phân phối 155
8. Đăng ký mua cổ phiếu 157
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 158

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 159
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 159
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành .. 159
13. Hủy bỏ đợt chào bán 159
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 160
15. Các loại thuế có liên quan 161
15.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân 161
15.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức 161
16. Thông tin về các cam kết 162
16.1. Cam kết của cổ đông lớn 162
16.2. Các cam kết của Tổ Chức Phát Hành 162
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 163
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 163
1. Mục đích chào bán 163
2. Phương án khả thi 163
3. Thông tin về tình hình triển khai dự án 163
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 163
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 168
1. Tổ chức tư vấn 168
2. Tổ chức kiểm toán 168
3. Tổ chức kiểm toán vốn 168
4. Đại lý phân phối 169
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 169
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN 170
XIII. PHỤ LỤC 171
1. Phụ lục I 171
2. Phụ lục II 171
3. Phụ lục III 171
4. Phụ lục IV 171
5. Phụ lục V 171

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2015-2025 11
Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2015-2025 12
Hình 3. Cơ cấu tổ chức 29
Hình 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý 30
Hình 5. Trang trại chuối 55
Hình 6. Đóng gói chuối xuất khẩu 56
Hình 7. Sản phẩm chuối của Công ty được bày bán trên kệ siêu thị 56
Hình 8. Các sản phẩm chuối của Công ty 57
Hình 9. Trang trại sầu riêng 59
Hình 10. Sản phẩm sầu riêng của Công ty được bày bán trên kệ siêu thị 59
Hình 11. Trang trại dâu tằm 61
Hình 12. Vườn ươm cà phê 64
Hình 13. Trang trại cà phê 64
Hình 14. Trang trại macca 66
Hình 15. Tổng sản lượng và giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam 87
Hình 16. Tỷ trọng top 10 thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam theo sản lượng năm 2025 87

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Ngành nghề đăng ký kinh doanh 23
Bảng 2. Quá trình hình thành và phát triển 26
Bảng 3. Cơ cấu sản lượng lĩnh vực trồng trọt (Hợp nhất) 69
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần (Hợp nhất) 69
Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp (Hợp nhất) 69
Bảng 6. Tài sản của Công ty (Hợp nhất) 71
Bảng 7. Tài sản của Công ty (Riêng lẻ) 72
Bảng 8. Doanh thu theo thị trường hoạt động 74
Bảng 9. Lợi nhuận theo thị trường hoạt động 74
Bảng 10. Các Dự án lớn đang triển khai của Công ty 75
Bảng 11. Một số hợp đồng có giá trị lớn Công ty đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện 77
Bảng 12. Một số khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty 80
Bảng 13. Kết quả kinh doanh và quy mô vốn, tài sản trong năm 2025 của HGI và công ty niêm yết trong ngành nông nghiệp 83
Bảng 14. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty 92
Bảng 15. Các hợp đồng thuê đất 94
Bảng 16. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất) hai thời kỳ kế toán trong năm 2025 99
Bảng 17. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất) 99
Bảng 18. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ) hai thời kỳ kế toán trong năm 2025 101
Bảng 19. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ) 102
Bảng 20. Chi tiết vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất) 105
Bảng 21. Chi tiết vốn kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ) 105
Bảng 22. Tình hình sử dụng vốn của Công ty (Hợp nhất) 106
Bảng 23. Tình hình sử dụng vốn của Công ty (Riêng lẻ) 107
Bảng 24. Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty 109
Bảng 25. Tình hình công nợ Công ty (Hợp nhất) 110
Bảng 26. Tình hình công nợ Công ty (Riêng lẻ) 110
Bảng 27. Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất) 111
Bảng 28. Các khoản phải thu của Công ty (Riêng lẻ) 113
Bảng 29. Các khoản phải trả Công ty (Hợp nhất) 116
Bảng 30. Các khoản phải trả Công ty (Riêng lẻ) 117
Bảng 31. Chi tiết dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất) 118
Bảng 32. Chi tiết dư nợ vay của Công ty (Riêng lẻ) 118
Bảng 33. Chi tiết tình hình thanh toán gốc, lãi năm trong 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 (mã trái phiếu: HTL12501) 119
Bảng 34. Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (Hợp nhất) 120
Bảng 35. Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (Riêng lẻ) 120
Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty (Hợp nhất) 121
Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty (Riêng lẻ) 122
Bảng 38. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 127
Bảng 39. Phân bổ số tiền TCPH thu được từ đợt chào bán theo từng mục đích sử dụng 163

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

- **Ông Đoàn Nguyên Đức** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- **Bà Võ Thị Mỹ Hạnh** - Chức vụ: Giám đốc
- **Ông Nguyễn Đình Tình** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

Đại diện theo pháp luật: Ông: Nguyễn Đức Quân Tùng - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 02/2026/OCBS/HĐTV ngày 29 tháng 01 năm 2026 với Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Bên cạnh các thông tin đã được trình bày tại những phần khác của Bản Cáo Bạch, nhà đầu tư khi mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (sau đây gọi là "CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai" hoặc "Tổ Chức Phát Hành" hoặc "Công ty" hoặc "HGI") cần thận trọng đánh giá các nhân tố rủi ro được đề cập dưới đây. Việc một hoặc nhiều rủi ro này xảy ra có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, đồng thời tác động tiêu cực đến đợt chào bán, mức giá chào bán Cổ Phiếu cũng như kế hoạch sử dụng vốn thu được. Ngoài những nhân tố rủi ro đã được đề cập, vẫn có khả năng tồn tại các rủi ro khác chưa được Công ty nhận diện hoặc chưa được đánh giá là trọng yếu, nhưng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư vào Cổ Phiếu của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

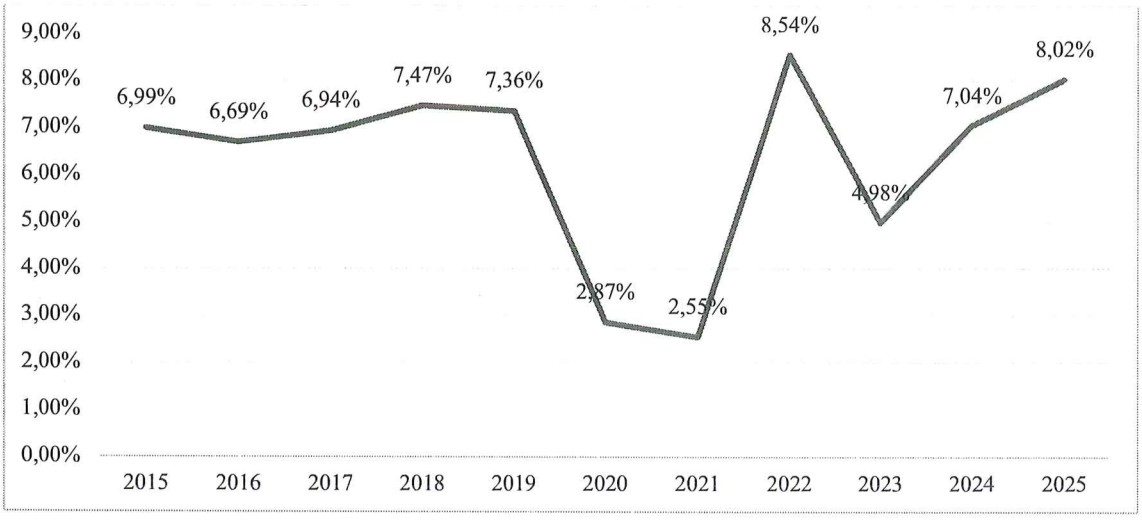
Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá,… là những yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó, kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng tiêu cực lẫn tích cực bởi các biến động của nền kinh tế nói chung.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố vĩ mô quan trọng, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế tốt sẽ làm tăng thu nhập của cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế, từ đó thúc đẩy nhu cầu chi tiêu, đầu tư và gia tăng sản xuất. Đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ dẫn đến nhu cầu chi tiêu thực phẩm gia tăng, qua đó tác động tích cực đến doanh thu chính của Công ty, vốn đến từ kinh doanh các loại trái cây và vật tư nông nghiệp.

Đối với nền kinh tế Việt Nam, việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu đã trở thành động lực quan trọng, giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm liên tiếp, so với các quốc gia trong khu vực. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân năm 2025 của Việt Nam tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,54% của năm 2022 trong giai đoạn 2015-2025. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Đây là một tín hiệu tốt đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2015-2025



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đối với nền kinh tế thế giới, chủ nghĩa bảo hộ sản phẩm nội địa, căng thẳng địa chính trị và chiến tranh thương mại đang ngày càng gia tăng, đặc biệt là nửa sau năm 2025 khi các quyết sách về thuế quan của các nền kinh tế lớn bắt đầu có hiệu lực. Các sản phẩm nông nghiệp nhập

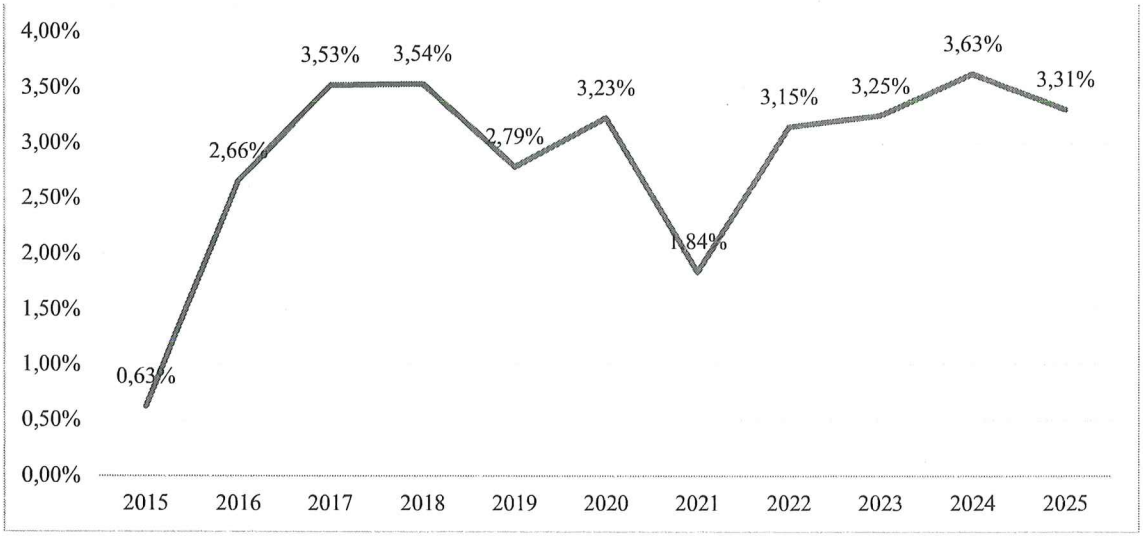
khẩu tại các thị trường lớn ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn cả về giá cả và chất lượng với các sản phẩm nội địa hoặc từ các quốc gia khác. Những khó khăn đó trong thương mại toàn cầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và nhu cầu đối với các sản phẩm xuất khẩu của Công ty.

1.2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát là nhân tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến giá cả và nhu cầu đối với hàng hóa của người dân. Khi lạm phát tăng cao, giá cả hàng hóa cũng gia tăng nhanh chóng khiến sức mua của người dân theo đó cũng giảm mạnh. Trong khi mức tăng của thu nhập không thể bắt kịp mức tăng của hàng hóa, người dân sẽ có xu hướng thắt chặt chi tiêu và kéo nhu cầu đối với nhiều mặt hàng suy giảm. Đối với Công ty, tại bất cứ thị trường nào, lạm phát cao sẽ làm suy giảm nhu cầu đối với các sản phẩm nông nghiệp, đồng thời kìm hãm hoạt động sản xuất trong lĩnh vực này, qua đó tác động đến doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, sự gia tăng của chi phí vận chuyển, chi phí nhân công cũng như giá nguyên vật liệu đầu vào theo xu hướng lạm phát chung sẽ làm gia tăng áp lực chi phí, từ đó sẽ khiến biên lợi nhuận của Công ty thu hẹp.

Tại Việt Nam, theo Tổng cục Thống kê công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31%, lạm phát cơ bản tăng 3,21%. Kết quả lạm phát năm 2025 theo đó thấp hơn nhiều so với mục tiêu của Quốc hội đề ra cả năm 2025 là 4,5% – 5%. Như vậy, lạm phát chung của Việt Nam vẫn được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, rủi ro lạm phát gia tăng vẫn hiện hữu trong bối cảnh các bất ổn địa chính trị toàn cầu tiếp tục kéo dài. Cụ thể, căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc với các biện pháp thuế quan đang tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Đồng thời, xung đột giữa Nga và Ukraina vẫn kéo dài, tiếp tục gây ảnh hưởng đến nguồn cung năng lượng và lương thực. Bên cạnh đó, căng thẳng từ Hoa Kỳ và Iran đã làm gián đoạn các tuyến vận chuyển dầu mỏ quan trọng, đẩy giá năng lượng toàn cầu tăng mạnh và làm gia tăng áp lực lạm phát. Các bất ổn địa chính trị trên làm gia tăng chi phí đầu vào và gây áp lực suy giảm sức mua không những tại Việt Nam mà còn tại các thị trường xuất khẩu, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2015-2025



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Để ứng phó với rủi ro lạm phát, Công ty luôn có đội ngũ theo dõi, đánh giá sát sao tình hình lạm phát của thị trường Việt Nam và các thị trường xuất khẩu chủ yếu nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh và phân bổ thị trường xuất khẩu hợp lý. Ngoài ra, Công ty cũng có các biện pháp, xây dựng hệ thống trồng trọt khép kín trong toàn Tập đoàn nhằm kiểm soát chi phí, ổn định giá thành sản phẩm và bảo vệ biên lợi nhuận trước những biến động của lạm phát.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro liên quan đến việc lãi suất đi vay tăng lên khiến chi phí đi vay của doanh nghiệp tăng cao và khả năng tiếp cận nguồn vốn vay trở nên khó khăn hơn. Với mô hình kinh doanh cần có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án trồng trọt, việc sử dụng vốn vay của Công ty là khó tránh khỏi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí tài chính, giảm biên lợi nhuận ròng của Công ty.

Nửa đầu năm 2025, mặt bằng lãi suất diễn biến theo hướng có lợi cho doanh nghiệp. Lãi suất cho vay tiếp tục có xu hướng giảm, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nền kinh tế có thể tiếp cận đồng vốn với chi phí rẻ hơn năm 2024. Tuy nhiên, bước vào nửa cuối năm 2025 và đầu năm 2026, trong bối cảnh áp lực lạm phát và sự gia tăng của tỷ giá đã khiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thận trọng hơn trong việc tiếp tục giảm lãi suất. Thực tế, từ cuối năm 2025 đến những tháng đầu năm 2026, lãi suất huy động và lãi suất cho vay tại các ngân hàng thương mại đã có xu hướng nhích lên. Xu hướng lãi suất cho vay đi lên là một rủi ro tiềm ẩn làm gia tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tính đến hết ngày 31/12/2025, hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản hợp nhất của Công ty là 0,60 lần. Riêng về các khoản nợ vay có phát sinh lãi, Công ty có hơn 3.973 tỷ đồng nợ vay, chiếm 37,3% tổng tài sản. Trong năm 2025, Công ty phát sinh hơn 324 tỷ đồng chi phí lãi vay.

Với kỳ vọng tình hình mặt bằng lãi suất sẽ diễn biến theo hướng ổn định dưới sự nỗ lực kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước, Công ty sẽ kiểm soát tốt chi phí lãi vay trong thời gian tới và tỷ trọng nợ vay trên tổng tài sản được duy trì. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn chủ động theo dõi sát sao tình hình biến động lãi suất cho vay nhằm kịp thời đề ra các chính sách và kịch bản để chuẩn bị nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro về biến động tỷ giá hối đoái là rủi ro lớn đối với doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa hoặc đi vay với các quốc gia khác. Biến động tỷ giá theo chiều hướng xấu có thể làm tăng chi phí nhập khẩu hoặc chi phí đi vay bằng đồng ngoại tệ. Đến hết năm 2025, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở mức 25.121 VND/USD, tăng khoảng 3,2% tính từ đầu năm.

Với mô hình kinh doanh hiện tại, Công ty đầu tư phát triển các vùng trồng cây ăn trái tại Lào, đồng thời xuất khẩu trái cây tới các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc với doanh thu xuất khẩu đạt 1.504 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30,7% tổng doanh thu thuần năm 2025. Biến động tỷ giá USD/VND năm 2025 nhìn chung mang lại tác động tích cực cho Công ty: khi USD

mạnh lên so với VND, doanh thu quy đổi sang VND tăng, trong khi chi phí sản xuất chủ yếu nội địa giúp biên lợi nhuận của Công ty được cải thiện. Tuy nhiên, giá trị đồng Kíp Lào (LAK) mất giá trong những năm gần đây so với VND có ảnh hưởng đến giá trị đầu tư bằng đồng LAK tại Lào khi quy đổi về VND. Trong năm 2025, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của Công ty là 33,2 tỷ đồng, chiếm phần rất nhỏ trong chi phí của Công ty và tuy có ảnh hưởng nhất định đến lợi nhuận của Công ty, nhưng vẫn nằm trong tầm kiểm soát và không làm thay đổi bức tranh tăng trưởng tích cực tổng thể của doanh nghiệp.

Để giảm thiểu các rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá, Công ty luôn có bộ phận đánh giá sát sao về tác động của tỷ giá lên hoạt động kinh doanh thường xuyên, có các biện pháp kiểm soát chi phí khi đầu tư ra nước ngoài và các chiến lược kinh doanh linh hoạt với biến động của tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro pháp luật là một trong những yếu tố quan trọng mà Công ty đặc biệt chú ý, bởi yếu tố này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, chiến lược phát triển, cũng như sự tồn tại của doanh nghiệp trên thị trường.

Tổ Chức Phát Hành là công ty cổ phần được thành lập theo pháp luật Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh sản xuất thực phẩm, chịu sự chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, … và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh sao cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể làm phát sinh những rủi ro pháp lý tiềm ẩn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, Công ty cũng hoạt động tại Lào, và xuất khẩu trái cây sang một số quốc gia khác nên Công ty cần phải tuân thủ các quy định của các nước sở tại mà Công ty đang hoạt động. Vì hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp nên Công ty cần phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là các rào cản thuế quan và phi thuế quan.

Để giảm thiểu rủi ro pháp luật, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh luôn phù hợp với các quy định mới nhất. Đồng thời, Công ty luôn tiến hành kiểm tra định kỳ các quy trình nội bộ nhằm phát hiện sớm các vấn đề pháp lý và xử lý kịp thời các rủi ro tiềm ẩn.

3. Rủi ro về đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về biến đổi thời tiết

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, với các cây trồng chủ lực gồm chuối, sầu riêng, macca, dâu tằm và cà phê. Do đặc thù ngành, kết quả hoạt động chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố tự nhiên và biến đổi khí hậu. Cụ thể, rủi ro phát sinh từ thời tiết bất thường, nhiệt độ tăng cao và suy giảm mực nước ngầm có thể dẫn đến hạn hán, ảnh

hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng cây trồng. Ngoài ra, hiện tượng mưa trái mùa có thể làm gián đoạn quá trình sinh trưởng, ví dụ như có thể gây hư hại hoa cà phê, làm giảm tỷ lệ đậu quả hoặc ảnh hưởng đến chất lượng sầu riêng.

Ngoài các yếu tố trên, đặc điểm chu kỳ sinh trưởng dài của các cây trồng lâu năm như sầu riêng và cà phê đòi hỏi thời gian đầu tư kéo dài trước khi tạo ra dòng tiền. Điều này làm gia tăng rủi ro về hiệu quả đầu tư trong trường hợp điều kiện tự nhiên không thuận lợi có thể ảnh hưởng đến năng suất, khả năng thu hồi vốn và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro liên quan đến biến động thời tiết, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp như: Trước mùa nắng nóng thì làm vành đai, hành lang chống cháy, trước mùa mưa lũ thì vét lại kênh mương để thoát nước nhanh, có biện pháp chống đổ ngã cho cây và trồng vành đai cây chắn gió để giảm tác động của gió.

3.2. Rủi ro về sâu bệnh trái cây

Các nhóm cây trồng chủ lực của Công ty bao gồm chuối, sầu riêng, cà phê và dâu tằm, luôn tiềm ẩn rủi ro bị tấn công từ các tác nhân sinh học như nấm Fusarium (gây héo rũ Panama trên chuối), Phytophthora (gây xì mủ trên sầu riêng), rệp sáp trên cây cà phê, … Sự bùng phát dịch bệnh không chỉ làm suy giảm năng suất mà còn gây rủi ro hư hại tài sản vườn cây, dẫn đến việc phải trích lập dự phòng. Bên cạnh đó, việc không kiểm soát tốt dịch hại có thể khiến Công ty bị thu hồi mã số vùng trồng hoặc vi phạm các rào cản kỹ thuật về dư lượng chất cấm, gây đứt gãy chuỗi cung ứng xuất khẩu và ảnh hưởng trực tiếp đến triển vọng doanh thu dài hạn của Công ty.

Để chủ động kiểm soát và giảm thiểu rủi ro từ sâu bệnh, Công ty đã tăng cường đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển giống cây trồng. Đồng thời, Công ty tăng cường hợp tác nhằm nhận chuyển giao giống, kỹ thuật phát triển cây trồng có đặc tính kháng sâu bệnh cao từ các chuyên gia, các cơ quan, trung tâm nghiên cứu uy tín.

Trong năm 2025, thông qua hỗ trợ từ công ty mẹ – HAGL – Công ty đã hợp tác chiến lược với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI), cơ quan nghiên cứu và triển khai trồng cà phê uy tín hàng đầu thế giới, nhằm tư vấn kỹ thuật và cung ứng khoảng 30 triệu cây giống cà phê chất lượng cao. Sự hợp tác này cho phép Công ty từng bước tái cơ cấu danh mục giống, theo hướng ưu tiên các giống có khả năng kháng bệnh tốt và thích ứng cao với biến đổi khí hậu. Song song đó, Công ty đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp canh tác tiên tiến, hướng tới phát triển vùng cà phê quy mô lớn, triển khai các quy trình quản lý nông nghiệp bền vững, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành, ổn định năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm trong trung và dài hạn.

3.3. Rủi ro về lĩnh vực hoạt động của Tổ Chức Phát Hành

a. Rủi ro về biến động giá cả và chi phí đầu vào

Hoạt động sản xuất, dịch vụ trồng trọt của Công ty phụ thuộc vào nhiều loại nguyên vật liệu đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, thức ăn chăn nuôi và chi phí

nhiên liệu. Giá của các nguyên vật liệu này có thể biến động do nhiều yếu tố như tình hình cung cầu trên thị trường, biến động giá năng lượng, chi phí vận chuyển hoặc các yếu tố kinh tế vĩ mô. Việc tăng giá nguyên vật liệu đầu vào có thể làm gia tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty. Đối với các sản phẩm của Công ty bao gồm chuối và sầu riêng, chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm khoảng 57,6% trong giá thành sản phẩm. Vì vậy, biến động chi phí nguyên vật liệu sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận gộp của các mảng kinh doanh chính của Công ty.

Để giảm thiểu biến động chi phí đầu vào, Công ty thực hiện các biện pháp tối ưu hóa quy trình sản xuất, đa dạng hóa nguồn cung, ký kết hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp chiến lược và nâng cao hiệu quả quản lý chi phí.

b. Rủi ro khác về các điều kiện xuất khẩu và áp lực cạnh tranh

Áp lực đào thải từ các đối thủ và sự dịch chuyển tiêu chuẩn ESG, đòi hỏi chi phí tái đầu tư cao để duy trì thị phần. Để giảm thiểu, doanh nghiệp cần tập trung vào công nghệ kiểm soát an toàn sinh học, đa dạng hóa nguồn cung và tối ưu hóa chuỗi giá trị.

Ngành nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm như cà phê, chuối và sầu riêng, đang thu hút sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Mức độ cạnh tranh có thể gia tăng trong các khâu từ sản xuất, thu mua nguyên liệu, đến tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm. Đối với thị trường xuất khẩu, Công ty cạnh tranh gay gắt với các nguồn hàng từ các cường quốc sầu riêng như Thái Lan, Malaysia.

Ngoài ra, sự cạnh tranh về giá bán, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, cũng như các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc ngày càng khắt khe từ các thị trường nhập khẩu có thể ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Tiêu chuẩn khắt khe từ các thị trường lớn như Nhật Bản yêu cầu tiêu chuẩn GlobalG.A.P, trong khi Trung Quốc siết chặt Nghị định thư về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và kiểm dịch thực vật. Những thay đổi chính sách đột ngột, như việc Trung Quốc yêu cầu phân tích các hoạt chất mới tại các phòng thí nghiệm được họ chỉ định có thể làm ngưng trệ các lô hàng xuất khẩu bất cứ lúc nào.

Công ty đã và đang tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp bền vững, mở rộng thị trường xuất khẩu và xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác chiến lược nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Mức độ thành công của đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố kinh tế vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phiếu Công ty. Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng có nhiều biến động về kinh tế vĩ mô, do đó không thể loại trừ hoàn toàn các rủi ro liên quan đến nhu cầu thị trường và tâm lý của nhà đầu tư.

Trong trường hợp tỷ lệ phân phối sau chào bán không đáp ứng điều kiện tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán, hoặc các trường hợp khác dẫn tới việc UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán cổ phiếu. Theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba số liên tiếp và thu hồi số cổ phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

Căn cứ vào diễn biến thị trường nói chung và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng, ban lãnh đạo Công ty tin tưởng vào khả năng thành công của đợt chào bán. Mức giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được Đại hội đồng cổ đông Công ty xác định và đáp ứng nguyên tắc không thấp hơn giá trị sổ sách cổ phiếu HGI tại thời điểm 31/12/2025 (theo Báo cáo tài chính 2025 hợp nhất được kiểm toán) và đem lại lợi ích hài hòa cho Công ty, cổ đông.

5. Rủi ro pha loãng

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) của Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ giảm do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu mới chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận tương ứng.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X * 12 + Z * T}{12}$$

- X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ, tức bằng 168.500.000 cổ phần
- Z: Số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của Cổ Phiếu chào bán lần đầu ra công chúng (tháng)

Giả định Công ty chào bán thành công 18.800.000 cổ phiếu lần đầu ra công chúng (Z= 18.800.000) và thời gian lưu hành thực tế trong năm của Cổ Phiếu chào bán lần đầu ra công chúng là 03 (ba) tháng, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là 173.200.000 cổ phiếu.

STT	Nội dung	ĐVT	Không phát hành	Phát hành
1	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch 2026 (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 của Công ty)	Tỷ đồng	1.815	1.815
2	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Cổ phiếu	168.500.000	173.200.000
3	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	Đồng/ Cổ phiếu	10.772	10.479

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và giả định việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2026. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 18.800.000 cổ phiếu từ đợt chào bán, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên. Tuy nhiên, nguồn vốn thu được từ đợt chào bán được sử dụng chủ yếu cho mục đích cơ cấu tài chính và thanh toán các khoản vay, qua đó góp phần giảm chi phí tài chính và cải thiện hiệu quả kinh doanh. Nhờ vậy, rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ được hạn chế.

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

Công thức tính pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) dự kiến như sau:

$$\text{BVPS} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ có thể bị thay đổi do có sự tăng lên về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì BVPS sẽ giảm và ngược lại.

5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu đối với cổ đông hiện hữu không tham gia đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng lần này không giới hạn đối tượng là cổ đông hiện hữu của Tổ Chức Phát Hành, do đó, sau đợt chào bán tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông có thể bị giảm so với thời điểm trước đợt chào bán nếu cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Trong bất kỳ doanh nghiệp nào, cơ cấu tổ chức và năng lực quản trị là nền tảng quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động và sự phát triển bền vững. Rủi ro quản trị được Công ty xác định có thể do (i) việc quản trị công ty không tốt, thiếu nhất quán giữa các cấp quản trị và điều hành, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài của Công ty; (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị và (iii) sự thiếu minh bạch, kém hiệu quả trong hoạt động quản lý,

kiểm soát rủi ro dẫn đến việc không kịp thời phát hiện những hành vi sai phạm của Ban điều hành, gây thiệt hại nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty. Những rủi ro về quản trị nếu không được nhận diện và ngăn chặn sớm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành và năng suất lao động, phản ánh lên kết quả kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật hệ thống quy chế, quy trình nội bộ, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn và ý thức tuân thủ cho toàn đội ngũ nhân sự, bao gồm cả Ban điều hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn củng cố công tác giám sát, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan, chuẩn mực quản trị, chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã nêu trên, Công ty vẫn có thể chịu ảnh hưởng từ những sự kiện bất khả kháng hoặc yếu tố ngoài tầm kiểm soát như biến động địa chính trị, thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh, khủng bố hay chiến tranh. Các sự kiện này tuy ít có khả năng xảy ra nhưng khi phát sinh sẽ gây ra những gián đoạn trong hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính và sự tồn tại của doanh nghiệp.

Để chủ động ứng phó, Công ty đã có những chính sách quản trị rủi ro hoạt động như tuân thủ đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, phòng chống dịch bệnh tại các nông trường, đồng thời tham gia mua các bảo hiểm cần thiết cho các tài sản quan trọng. Tuy vậy, Công ty không thể đảm bảo rằng các biện pháp trên sẽ đủ để phòng ngừa hoàn toàn hoặc bù đắp hoàn toàn thiệt hại khi các sự kiện bất khả kháng xảy ra.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT

1. Từ ngữ viết tắt

-	Bản Cáo Bạch	:	Là Bản Cáo Bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Phát Hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định mua cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng
-	Công ty, Tổ Chức Phát Hành, TCPH, HGI	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
-	Cổ Phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
-	ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
-	HĐQT	:	Hội đồng quản trị
-	BKS	:	Ban kiểm soát
-	CP	:	Cổ phiếu, cổ phần
-	CTCP	:	Công ty Cổ phần
-	TNHH	:	Trách nhiệm Hữu hạn
-	TMCP	:	Thương mại Cổ phần
-	MTV	:	Một thành viên
-	Giấy CN ĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
-	VĐL	:	Vốn điều lệ
-	Hợp đồng BCC	:	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh
-	HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
-	BCTC	:	Báo cáo tài chính
-	BCTC Hợp nhất GĐ 01/01-17/11/2025 kiểm toán	:	BCTC Hợp nhất vào ngày 17/11/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 17/11/2025 được kiểm toán

-	BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán	:	BCTC Hợp nhất vào ngày 31/12/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 18/11/2025 đến 31/12/2025 được kiểm toán
-	BCTC Riêng lẻ GĐ 01/01-17/11/2025 kiểm toán	:	BCTC Riêng lẻ vào ngày 17/11/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 17/11/2025 được kiểm toán
-	BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán	:	BCTC Riêng lẻ vào ngày 31/12/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 18/11/2025 đến 31/12/2025 được kiểm toán
-	ĐVT	:	Đơn vị tính
-	DT	:	Doanh thu
-	DTT	:	Doanh thu thuần
-	LNG	:	Lợi nhuận gộp
-	LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
-	LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
-	TTS	:	Tổng tài sản
-	VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
-	ROA	:	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản bình quân
-	ROE	:	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân
-	HAGL		CTCP Hoàng Anh Gia Lai
-	Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
-	NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
-	Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp
-	Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán

2. Khái niệm và định nghĩa

Vào ngày 18/11/2025, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo Giấy CNĐKDN thay đổi lần thứ 17 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18/11/2025.

Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, khi doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp phải lập BCTC tại thời điểm chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Do đó, BCTC kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ của Công ty năm 2025 được lập theo hai kỳ kế toán, gồm: từ ngày 01/01/2025 đến ngày 17/11/2025 (trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần) và từ ngày 18/11/2025 đến ngày 31/12/2025 (sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần). Nhằm cung cấp thông tin tài chính rõ ràng, liền mạch và giúp nhà đầu tư dễ dàng đánh giá kết quả hoạt động cả năm 2025, Công ty đã lập BCTC năm 2025, bao gồm: BCTC Hợp nhất năm 2025 và BCTC Riêng lẻ năm 2025. Các báo cáo này được xây dựng dựa trên số liệu của hai giai đoạn đã được kiểm toán, cụ thể:

- **BCTC Hợp nhất năm 2025:**
    - Giai đoạn 1: BCTC Hợp nhất vào ngày 17/11/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 17/11/2025 được kiểm toán (BCTC Hợp nhất GĐ 01/01-17/11/2025 kiểm toán).
    - Giai đoạn 2: BCTC Hợp nhất vào ngày 31/12/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 18/11/2025 đến 31/12/2025 được kiểm toán (BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán).
- **BCTC Riêng lẻ năm 2025:**
    - Giai đoạn 1: BCTC Riêng lẻ vào ngày 17/11/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 17/11/2025 được kiểm toán (BCTC Riêng lẻ GĐ 01/01-17/11/2025 kiểm toán).
    - Giai đoạn 2: BCTC Riêng lẻ vào ngày 31/12/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 18/11/2025 đến 31/12/2025 được kiểm toán (BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán).

Theo đó, các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh năm 2025 trình bày trong Bản Cáo Bạch này là số liệu tổng hợp của hai kỳ kế toán trên, đảm bảo phù hợp, chính xác và nhất quán với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI
- Tên tiếng Anh : HOANG ANH GIA LAI INTERNATIONAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : HAGL INVESTMENT JSC
- Trụ sở chính : 15 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Số điện thoại : +84 26 9222 2249
- Website : hagl-invest.com.vn
- Biểu tượng (logo) :
- Ngành nghề kinh doanh chính : Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Vốn điều lệ : 1.685.000.000.000 đồng

  (Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm tám mươi lăm tỷ đồng)
- Người đại diện pháp luật : Bà Võ Thị Mỹ Hạnh – Chức vụ: Giám đốc
- Giấy CN ĐKDN : Số 5901046432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12/10/2016, được Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 18/11/2025

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chi tiết bao gồm:

Bảng 1. Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	**Hoạt động dịch vụ trồng trọt**	**0161 (Chính)**
2	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162

STT	Tên ngành	Mã ngành
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
4	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
5	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
6	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Lúa mỳ, ngô, hạt, quả có dầu, hoa và cây, động vật sống; Bán buôn đậu nành; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc; Kinh doanh giống cây trồng các loại; Kinh doanh giống vật nuôi các loại chuồng (trừ: thực hiện các hoạt động thuộc Danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài)	4620
7	Bán buôn thực phẩm trừ: thực hiện các hoạt động thuộc Danh mục A Phụ lục I nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	4632
8	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ bắp, khoai lang, mỳ, đậu đen, đậu xanh, đậu nành, đậu phộng	1079
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn thuốc thú y và dụng cụ thú y; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, văn phòng. (trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.)	4649
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12	Bốc xếp hàng hóa trừ bốc xếp hàng hoá hàng không	5224
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển (trừ: thực hiện các hoạt động thuộc Danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; trừ hoạt động hoa tiêu hàng hải)	5229
14	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Bán buôn đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc	
15	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối	4652
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối	4653
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (trừ: thực hiện các hoạt động thuộc Danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài)	4659
18	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
19	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
20	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
21	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4651
22	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi (trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có	4679

STT	Tên ngành	Mã ngành
	vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	
23	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
24	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319
25	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Gas); Buôn bán các loại khí công nghiệp: oxy, nitơ, argon, điôxit các bon (CO2), hê li, khí hoá lỏng LPG, khí oxy y tế	4671
26	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
27	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác (trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4672
28	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa, sản xuất tấm xốp, bao bì xốp từ hạt nhựa, sản xuất bao định hình và các sản phẩm khác từ vải không dệt filament polyethylene, sản xuất ống nhựa các loại	2220
29	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng Chi tiết: Bán buôn thảm	4642

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

2.1 Quá trình hình thành và phát triển

Bảng 2. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Những cột mốc quan trọng
Năm 2016	▪ Công ty được thành lập ngày 12/10/2016 với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng.
Năm 2017	▪ Đến 24/7/2017, Công ty tăng vốn điều lệ lên 785 tỷ đồng thông qua các đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích tăng quy mô vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh Công ty. ▪ Đồng thời, tháng 7/2017, Công ty chính thức vươn ra thị trường quốc tế bằng việc đầu tư vào Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại

Thời gian	Những cột mốc quan trọng
	Thắng (Đại Thắng) tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, đặt nền móng cho các dự án nông nghiệp tại thị trường nước ngoài.
Năm 2020	▪ Công ty Đại Thắng - Công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng 100% VĐL Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay nhằm tiếp tục mở rộng vùng trồng tại Lào.
Năm 2023	▪ Ngày 02/10/2023, Công ty tăng vốn từ 785 tỷ đồng lên 1.285 tỷ đồng. ▪ Đồng thời, trong năm 2023, Đại Thắng đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven.
Năm 2025 - 2026	▪ Tháng 6/2025, Đại Thắng tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang. ▪ Tháng 10/2025, Công ty tăng vốn từ 1.285 tỷ đồng lên 1.685 tỷ đồng. ▪ Tháng 11/2025, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH có hai thành viên trở lên thành CTCP và đổi tên Công ty thành CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai. ▪ Tháng 12/2025, Công ty hoàn tất mua 99% vốn điều lệ tại CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai (Phú Quý). Qua đó, Công ty chính thức nắm quyền kiểm soát hai pháp nhân tại Lào là Công ty TNHH Phát triển Nông - Lâm nghiệp SanamXay và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Lâm Nghiệp Saysettha. Thông qua đó, Công ty tiếp tục mở rộng diện tích đất canh tác thêm 42,45 ha tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam và 1.085 ha tại Attapeu, Lào, tạo đà bứt phá về quy mô sản xuất. ▪ Cũng trong năm 2025, Công ty huy động thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu để hợp tác kinh doanh với các đối tác nhằm thực hiện các chương trình vùng trồng cà phê và dâu tằm. ▪ Ban lãnh đạo Công ty xác định năm 2025 là năm chuẩn bị then chốt, tạo nền tảng vững chắc về cả tài chính lẫn quản trị Công ty để sẵn sàng cho lộ trình chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và niêm yết trên thị trường chứng khoán trong thời gian tới. ▪ Tháng 01/2026, CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai chuyển nhượng vốn điều lệ của CTCP Dâu Tằm Tơ Hàm Rồng. Theo đó, CTCP Dâu Tằm Tơ Hàm Rồng không còn là công ty trong nhóm các công ty liên quan của CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

2.2 Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi

a. Tầm nhìn

Trở thành Công ty nông nghiệp quy mô lớn trong khu vực, dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu nông sản chất lượng cao theo định hướng bền vững.

b. Sứ mệnh

Phát triển các vùng nguyên liệu bền vững, cung cấp sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế và tạo ra giá trị lâu dài cho khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.

c. Giá trị cốt lõi

- ***Hiệu quả – tối ưu hóa quy mô sản xuất***

  Công ty hướng đến tối ưu hóa quy mô sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng và hiệu quả vận hành nhằm đảm bảo khả năng cung ứng ổn định và tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.

- ***Bền vững – phát triển nông nghiệp lâu dài***

  Công ty phát triển nông nghiệp theo định hướng lâu dài, chú trọng sử dụng tài nguyên hiệu quả, bảo vệ môi trường và xây dựng các vùng trồng ổn định, phù hợp với điều kiện tự nhiên.

- ***Minh bạch – truy xuất nguồn gốc rõ ràng***

  Công ty cam kết minh bạch trong hoạt động quản trị và sản xuất, đảm bảo quy trình kiểm soát chất lượng rõ ràng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

- ***Hợp tác – phát triển cùng đối tác và khách hàng***

  Công ty xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với đối tác, khách hàng và nhà đầu tư trên cơ sở tin cậy và cùng phát triển, nhằm mở rộng thị trường và nâng cao giá trị chuỗi cung ứng nông sản.

d. Triết lý kinh doanh

Công ty định hướng phát triển nông nghiệp trên cơ sở khai thác hiệu quả lợi thế về quỹ đất, điều kiện tự nhiên và quy mô sản xuất. Thông qua việc áp dụng kỹ thuật canh tác hiện đại, tối ưu hóa chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả quản lý vận hành, Công ty hướng tới nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm và duy trì khả năng cung ứng ổn định cho thị trường.

2.3 Các giải thưởng và thành tích

Không có.

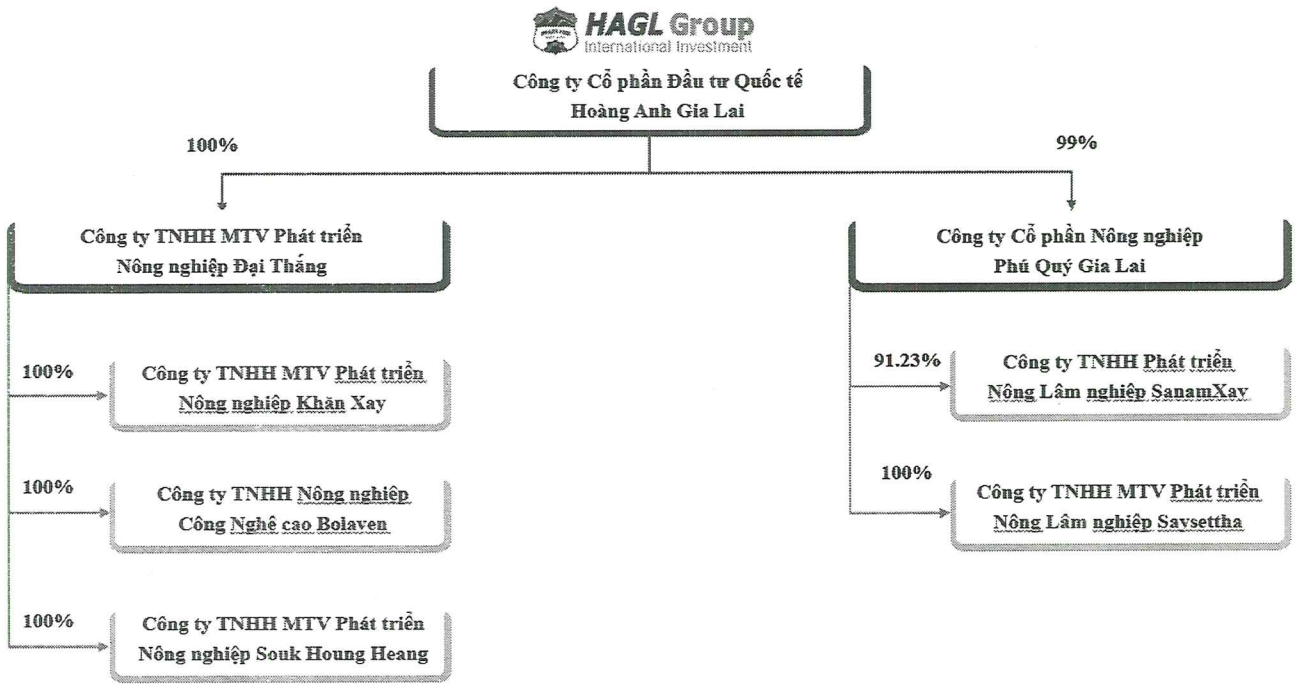
[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Cơ cấu của Tổ Chức Phát Hành và công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua. Tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp và năm (05) công ty con sở hữu gián tiếp.

Cơ cấu tổ chức của Công ty cụ thể như sơ đồ bên dưới:

Hình 3. Cơ cấu tổ chức



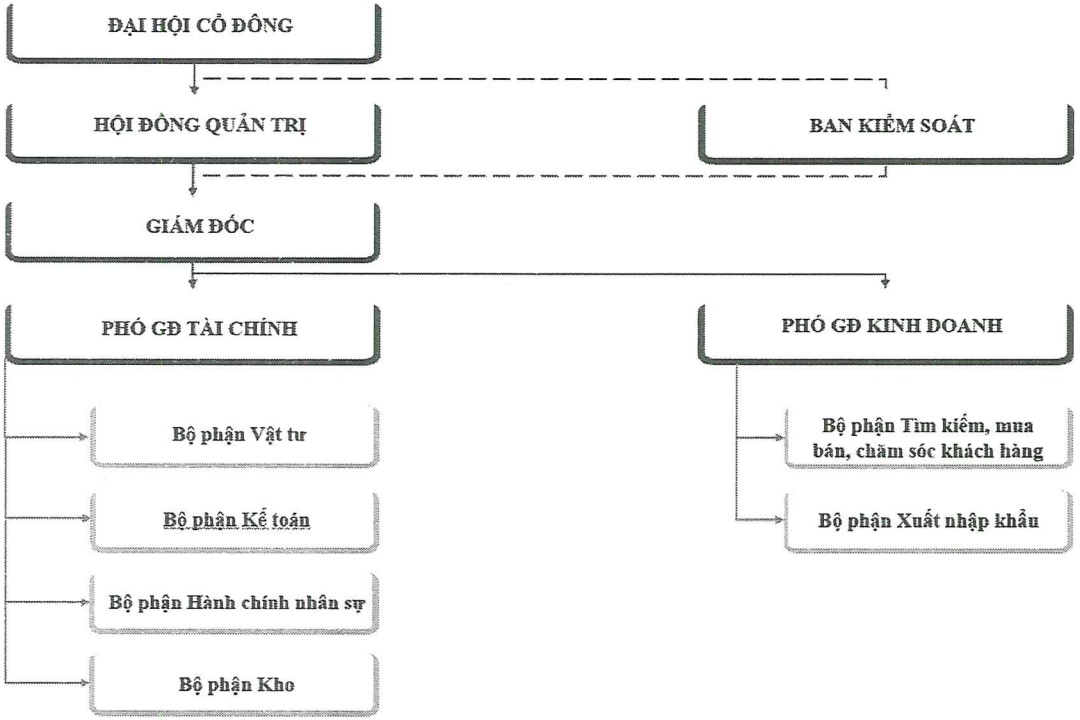
Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Diễn giải chi tiết sơ đồ xem tại mục 5 trang 37 Bản Cáo Bạch này.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua. Tính đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:

Hình 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

4.1. Đại hội Đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo Điều lệ công ty cụ thể như sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Lựa chọn hình thức tổ chức, duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Số lượng thành viên HĐQT của Công ty tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 (năm) năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Danh sách thành viên HĐQT tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên độc lập HĐQT

4.3. Ban kiểm soát

BKS được ĐHĐCĐ bầu ra. BKS tổ chức, hoạt động theo quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua và các văn bản nội bộ khác của BKS đã ban hành phù hợp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định;
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Số lượng thành viên BKS của Công ty tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này là 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS là 05 (năm) năm, thành viên BKS có thể được bầu lại với

số nhiệm kỳ không hạn chế. Danh sách thành viên BKS tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng BKS
2	Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên BKS

4.4. Giám đốc và các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc tổ chức quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty theo Điều lệ Công ty cụ thể như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, Ban Giám đốc Công ty có 03 (ba) thành viên trong đó có 01 (một) Giám đốc, 02 (hai) Phó Giám đốc và Công ty có 01 (một) Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc
2	Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc tài chính
3	Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc kinh doanh
4	Ông Nguyễn Đình Tình	Kế toán trưởng

4.5. Các bộ phận chức năng

a. Bộ phận Vật tư:

- Lập kế hoạch và tổ chức mua sắm vật tư, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty;
- Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp phù hợp; thực hiện đàm phán, ký kết và quản lý các hợp đồng cung ứng vật tư;
- Theo dõi tiến độ cung ứng vật tư, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất;
- Kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào, phối hợp với các bộ phận liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng;
- Thực hiện quản lý danh mục vật tư và phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc kiểm soát chi phí sản xuất.

b. Bộ phận Kế toán:

- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán – thống kê; quản lý tài chính theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ Giám đốc về công tác kế toán tài chính; Tổ chức hạch toán, phản ánh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình luân chuyển các loại vốn trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ phận kế toán tại các đơn vị;
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước, phản ánh trung thực kết quả hoạt động của Công ty.

c. Bộ phận Hành chính nhân sự:

- Hành chính nhân sự là phòng ban chịu trách nhiệm quản lý và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời đảm bảo các hoạt động hành chính diễn ra suôn sẻ trong doanh nghiệp;
- Quản lý hồ sơ lao động, hợp đồng lao động và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư – lưu trữ, quản lý tài sản và trang thiết bị văn phòng của Công ty;
- Phối hợp xây dựng và triển khai các quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động quản lý và điều hành hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến an toàn lao động, bảo hộ lao động và các hoạt động hành chính khác.

d. Bộ phận Kho:

- Quản lý nhập – xuất hàng hoá: tiếp nhận, kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hoá đầu vào và soạn hàng, đóng gói để đi giao hàng đúng hạn;
- Lưu trữ và bảo quản: sắp xếp hàng hoá khoa học, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ và tránh hư hỏng, thất thoát;
- Kiểm soát hàng tồn: theo dõi số liệu trên sổ sách so sánh với thực tế để kịp báo cáo hàng sắp hết hoặc hàng tồn lâu ngày, giúp tối ưu hoá dòng vốn;
- Phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc kiểm soát chất lượng, bảo quản và luân chuyển vật tư, hàng hóa;
- Thực hiện các báo cáo liên quan đến tình hình nhập – xuất – tồn kho theo quy định.

e. Bộ phận tìm kiếm, mua bán, chăm sóc khách hàng:

- Phát triển thị trường và khách hàng: Tìm kiếm, mở rộng và duy trì mối quan hệ với khách hàng tiềm năng;
- Tăng doanh số bán hàng: Xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch bán hàng để đạt mục tiêu doanh thu;
- Quản lý và phân tích thị trường: Thu thập thông tin về thị trường, đối thủ cạnh tranh để đề xuất chiến lược phù hợp;
- Hỗ trợ khách hàng: Giải đáp thắc mắc, tư vấn sản phẩm/dịch vụ và chăm sóc khách hàng sau bán hàng;
- Phối hợp với các bộ phận khác: Làm việc với phòng kế toán, kho vận để đảm bảo quá trình bán hàng diễn ra suôn sẻ.

f. Bộ phận xuất nhập khẩu:

Bộ phận xuất nhập khẩu đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và thị trường quốc tế. Nhiệm vụ chính của bộ phận xuất nhập khẩu gồm:

- Tìm kiếm nhà cung cấp/khách hàng nước ngoài, đàm phán giá cả, soạn thảo và ký kết hợp đồng ngoại thương; Phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác, khách hàng quốc tế nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu của Công ty, đặc biệt tại các thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc;
- Chuẩn bị hồ sơ vận chuyển và thực hiện các thủ tục thanh toán quốc tế;
- Thuê xe/tàu vận chuyển, mua bảo hiểm hàng hoá và thực hiện các thủ tục khai báo hải quan để thông quan hàng hoá ra/vào lãnh thổ Việt Nam. Tổ chức thực hiện các hoạt động xuất khẩu của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;

- Chuẩn bị và quản lý các chứng từ xuất khẩu theo quy định của pháp luật và yêu cầu của khách hàng;
- Phối hợp với các đơn vị vận chuyển, hãng tàu, đơn vị logistics và cơ quan hải quan trong việc thực hiện thủ tục xuất khẩu và vận chuyển hàng hóa;
- Theo dõi và cập nhật các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu kiểm dịch của các thị trường nhập khẩu nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu liên quan;
- Phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc kiểm soát chất lượng, đóng gói, bảo quản và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trước khi xuất khẩu.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2024 và năm 2025) và đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, HAGL là công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể như sau:

- Tên công ty : CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Ngày thành lập : 01/6/2006
- Giấy CN ĐKDN : Số 5900377720 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 01/6/2006, được Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 35 ngày 01/10/2025
- Hoạt động kinh doanh chính : Trồng cây ăn quả
- Địa chỉ : 15 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai

STT	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của HAGL tại TCPH	Tỷ lệ biểu quyết của HAGL tại TCPH
1	31/12/2024	98,78%	98,78%
2	31/12/2025	93,13%	93,13%
3	22/4/2026	84,43%	84,43%

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

5.2. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Ngoài công ty mẹ được nêu trên, không có công ty nào khác nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty trong vòng 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2024 và năm 2025) và đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này.

5.3. Công ty con và những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục gần nhất

a. Công ty con trực tiếp:

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	31/12/2024		31/12/2025		30/6/2026	
						Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	19/7/2017	Mã số doanh nghiệp 16-00011075 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0099/PĐK, được cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Công thương Tỉnh Champasak, CHDCND Lào	Nong Ey Oiy, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, CHDCND Lào	268.635	100%	100%	100%	100%	100%	100%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	31/12/2024		31/12/2025		30/6/2026	
						Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty
2	CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai (*)	06/4/2023	5901199277, được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai	Quốc lộ 14, xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai	173.000	-	-	99%	99%	99%	99%

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

(*) Vào ngày 11/12/2025, TCPH đã hoàn tất mua 99% vốn góp của CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai. Theo đó, Công ty này đã trở thành công ty con của TCPH. Ngoài ra, TCPH cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát các Công ty con do CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai sở hữu bao gồm Công ty TNHH Phát triển Nông - Lâm nghiệp Sanamxay và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Lâm Nghiệp Saysettha.

Hoạt động kinh doanh chính của các Công ty con trực tiếp là trồng, kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị nông nghiệp và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

b. Công ty con gián tiếp:

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa chỉ	VĐL thực góp (Triệu đồng)	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
						Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty
Công ty con của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng											
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	20/11/2018	Mã Số doanh nghiệp 17-00000806 theo Giấy đăng ký Kinh doanh số 0021/PĐK, được cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Công thương, tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	Bản Hatxan, huyện Saysettha, tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	334.192	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Bolaven	29/03/2023	Mã số doanh nghiệp 16-00010765 theo Giấy đăng ký Kinh doanh số 0077/PĐK, được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Công thương, tỉnh Champasak, CHDCND Lào	Bản Houykong, huyện Paksong, tỉnh Champasak, CHDCND Lào	179.049	100%	100%	100%	100%	100%	100%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa chỉ	VĐL thực góp (Triệu đồng)	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
						Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty
3	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	23/08/2023	Mã số doanh nghiệp 16-00010343 theo Giấy đăng ký Kinh doanh số 0219/PĐK, được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Công thương, tỉnh Champasak, CHDCND Lào	Huyện Paksong, Champasak, CHDCND Lào	233.536	-	-	100%	100%	100%	100%
Công ty con của CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai											
1	Công ty TNHH Phát triển Nông - Lâm nghiệp Sanamxay	11/07/2022	Mã số DN 17-00001711 theo Giấy Đăng ký Kinh doanh số 0042/ĐKDN, được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Công thương, tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	Bản Matka, huyện Sanamxay, tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	413.285	-	-	90,32%	90,32%	90,32%	90,32%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa chỉ	VĐL thực góp (Triệu đồng)	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
						Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty
2	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Lâm Nghiệp Saysettha	24/07/2024	Mã số DN 410288228-000 theo Giấy ĐKKD số 0088/PĐ, được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Công thương, tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	Bản Kengnhay, huyện Saysettha, tỉnh Attaleu, CHDCND Lào	390.486	-	-	90,32%	90,32%	90,32%	90,32%

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Hoạt động kinh doanh chính của các Công ty con gián tiếp là trồng, kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị nông nghiệp và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

5.4. Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	31/12/2024		31/12/2025		30/6/2026	
						Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ sở hữu của TCPH tại Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của TCPH tại Công ty
1	CTCP Dâu tằm tơ Hàm Rồng (*)	18/01/2025	5901216331, được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai	Thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất sợi	-	-	50%	50%	0%	0%

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

(*) Tháng 01/2026, Công ty đã thoái vốn tại CTCP Dâu tằm tơ Hàm Rồng và Công ty này không còn là Công ty liên kết.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát hành

Thời điểm	Lần tăng/ giảm	VĐL trước khi tăng / giảm (triệu đồng)	VĐL tăng / thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng / giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn/ giảm vốn	Đơn vị cấp phép
Tháng 10/2016	Thành lập	-	100.000	100.000	Góp vốn thành lập công ty	- Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai đăng ký lần đầu ngày 12/10/2016. - Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 04/10/2016.
Tháng 05/2017	Lần 1	100.000	190.000	290.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu 19.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng	- Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30/05/2017. - ĐHĐCĐ Công ty.
Tháng 06/2017	Lần 2	290.000	410.000	700.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu 41.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng	- Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/06/2017. - ĐHĐCĐ Công ty.
Tháng 07/2017	Lần 3	700.000	85.000	785.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu 8.500.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần	- Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/7/2017.

Thời điểm	Lần tăng/ giảm	VĐL trước khi tăng / giảm (triệu đồng)	VĐL tăng / thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng / giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn/ giảm vốn	Đơn vị cấp phép
						- ĐHĐCĐ Công ty.
Tháng 10/2023	Lần 4	785.000	500.000	1.285.000	Tăng VĐL thông qua hình thức chuyển đổi 500.000.000.000 đồng nợ thành vốn góp của HAGL	- Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 02/10/2023. - Hội đồng thành viên Công ty.
Tháng 10/2025	Lần 5	1.285.000	400.000	1.685.000	- Tăng VĐL thông qua hình thức chuyển đổi 300.000.000.000 đồng nợ thành vốn góp của HAGL. - Tăng VĐL thông qua phát hành cho thành viên góp vốn.	- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2025. - Hội đồng thành viên Công ty.

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chi tiết quá trình tăng VĐL của Tổ Chức Phát hành kể từ thời điểm thành lập đến nay:

Góp vốn thành lập: Góp vốn thành lập CTCP Hưng Thắng Lợi Gia Lai với số vốn góp là 100 tỷ đồng theo Giấy CN ĐKDN do Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12/10/2016

- Số lượng cổ đông sáng lập: 03 cổ đông.
- Cơ sở pháp lý:
  - Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 04 tháng 10 năm 2016.
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0201/NQ-ĐHCĐ ngày 02 tháng 01 năm 2017.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5901046432 ngày 12 tháng 10 năm 2016 được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 VND.
  - Điều lệ Công ty ngày 04 tháng 10 năm 2016, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 100.000.000.000 VND.

Tăng vốn lần 1: Tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 290 tỷ đồng theo Giấy CN ĐKDN thay đổi lần thứ 1, ngày 30 tháng 05 năm 2017 của Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

- Vốn điều lệ trước phát hành: 100.000.000.000 VND.
- Vốn điều lệ tăng thêm: 190.000.000.000 VND.
- Vốn điều lệ sau phát hành: 290.000.000.000 VND.
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu.
- Phương án tăng vốn:
  - Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
  - Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu chào bán: 19.000.000 cổ phiếu.
  - Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu.
  - Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 190.000.000.000 VND.
  - Mục đích chào bán: bổ sung vốn điều lệ để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các kế hoạch đầu tư của Công ty.
  - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông Công ty vào thời điểm chốt danh sách.
  - Tỷ lệ chào bán: 1:1,9 (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được quyền mua thêm 1,9 cổ phần mới).
  - Ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 13 tháng 5 năm 2017.

- Thời gian đăng ký mua: từ ngày 13 tháng 5 năm 2017 đến ngày 28 tháng 5 năm 2017.
- Thời gian nộp tiền dự kiến: từ ngày 28 tháng 5 năm 2017 đến ngày 29 tháng 5 năm 2017.

- Phương thức góp vốn: tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 03 cổ đông.
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 03 cổ đông.
- Thời điểm bắt đầu tăng vốn: ngày 02 tháng 6 năm 2017.
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn: ngày 26 tháng 6 năm 2017.
- Cơ sở pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1205/NQĐHĐCĐ-HTLGL ngày 12 tháng 5 năm 2017 về phương án chào bán cổ phần.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 5901046432 ngày 30 tháng 5 năm 2017 được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 290.000.000.000 VND.
  - Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 1) ngày 29 tháng 5 năm 2017, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 290.000.000.000 VND.

<u>Tăng vốn lần 2</u>: Tăng vốn từ 290 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng theo Giấy CN ĐKDN thay đổi lần thứ 2, ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

- Vốn điều lệ trước phát hành: 290.000.000.000 VND.
- Vốn điều lệ tăng thêm: 410.000.000.000 VND.
- Vốn điều lệ sau phát hành: 700.000.000.000 VND.
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu.
- Phương án tăng vốn:
  - Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
  - Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu chào bán: 41.000.000 cổ phiếu.
  - Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu.
  - Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 410.000.000.000 VND.
  - Mục đích chào bán: bổ sung vốn điều lệ để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các kế hoạch đầu tư của Công ty.
  - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông Công ty vào

thời điểm chốt danh sách.

- Tỷ lệ chào bán: 1:1,4137931034 (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được quyền mua thêm 1,4137931034 cổ phần mới).
- Ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 07 tháng 6 năm 2017.
- Thời gian đăng ký mua: từ ngày 08 tháng 6 năm 2017 đến ngày 22 tháng 6 năm 2017.
- Thời gian nộp tiền dự kiến: từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến ngày 27 tháng 6 năm 2017.

- Phương thức góp vốn: chuyển khoản.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 03 cổ đông.
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 03 cổ đông.
- Thời điểm bắt đầu tăng vốn: ngày 22 tháng 6 năm 2017.
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn: ngày 18 tháng 7 năm 2017.
- Cơ sở pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0506/NQĐHĐCĐ-HTLGL ngày 05 tháng 6 năm 2017 về phương án chào bán cổ phần.
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 5901046432 ngày 27 tháng 6 năm 2017 được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 700.000.000.000 VND.
  - Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 2) ngày 27 tháng 6 năm 2017, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 700.000.000.000 VND.

<u>Tăng vốn lần 3</u>: Tăng vốn từ 700 tỷ đồng lên 785 tỷ đồng theo Giấy CN ĐKDN thay đổi lần thứ 3, ngày 24 tháng 07 năm 2017 của Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

- Vốn điều lệ trước phát hành: 700.000.000.000 VND.
- Vốn điều lệ tăng thêm: 85.000.000.000 VND.
- Vốn điều lệ sau phát hành: 785.000.000.000 VND.
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu
- Phương án tăng vốn:
  - Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
  - Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu chào bán: 8.500.000 cổ phiếu.

- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 85.000.000.000 VND.
- Mục đích chào bán: bổ sung vốn điều lệ để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các kế hoạch đầu tư của Công ty.
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông Công ty vào thời điểm chốt danh sách.
- Tỷ lệ chào bán: 1:0,1214285714 (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được quyền mua thêm 0,1214285714 cổ phần mới).
- Ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 02 tháng 7 năm 2017.
- Thời gian đăng ký mua: từ ngày 03 tháng 7 năm 2017 đến ngày 18 tháng 7 năm 2017.
- Thời gian nộp tiền dự kiến: từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017.

- Phương thức góp vốn: chuyển khoản.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 03 cổ đông.
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 03 cổ đông.
- Thời điểm bắt đầu tăng vốn: ngày 19 tháng 7 năm 2017.
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn: ngày 19 tháng 7 năm 2017.
- Cơ sở pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0207/NQĐHĐCĐ/2017-HTLGL ngày 02 tháng 7 năm 2017 về phương án chào bán cổ phần.
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2107/NQĐHĐCĐ/2017-HTLGL ngày 21 tháng 7 năm 2017 thông qua kết quả chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ của Công ty.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số 5901046432 ngày 24 tháng 7 năm 2017 được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 785.000.000.000 VND.
  - Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 3) ngày 21 tháng 7 năm 2017, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 785.000.000.000 VND.

<u>Tăng vốn lần 4</u>: Tăng vốn từ 785 tỷ đồng lên 1.285 tỷ đồng theo Giấy CN ĐKDN thay đổi lần thứ 14, ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai

- Vốn điều lệ trước phát hành: 785.000.000.000 VND.
- Vốn điều lệ tăng thêm: 500.000.000.000 VND.

- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.285.000.000.000 VND.
- Phương án tăng vốn:
  - Thành viên Công ty góp thêm vốn: Thành viên là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai góp thêm 500.000.000.000 VND bằng hình thức chuyển đổi từ nợ vay gốc; Các thành viên là Ông Thủy Ngọc Dũng và Bà Lê Thị Liễu không có nhu cầu góp thêm và nhường quyền góp vốn cho HAGL.
  - Đến thời điểm 31 tháng 8 năm 2023, Công ty đang nợ HAGL với số tiền là 704.725.648.272 VND (bao gồm nợ gốc và lãi phải trả theo Hợp đồng vay vốn 1402-2022/HTL ngày 14 tháng 02 năm 2022 và các khoản nợ khác), trong đó số dư nợ gốc theo theo Hợp đồng vay vốn 1402-2022/HTL được chuyển thành vốn góp của Công ty là 500.000.000.000 VND. Giá trị tài sản góp vốn được Hội đồng thành viên thống nhất xác định bằng giá trị của dư nợ là 500.000.000.000 VND.
  - Mục đích Công ty vay HAGL theo Hợp đồng vay vốn 1402-2022/HTL là để cơ cấu lại nguồn vốn, thực hiện các hoạt động đầu tư.
- Phương thức góp vốn: bằng hình thức chuyển đổi từ nợ vay gốc.
- Số lượng thành viên trước khi tăng vốn: 03 thành viên.
- Số lượng thành viên sau khi tăng vốn: 03 thành viên.
- Thời điểm bắt đầu tăng vốn: ngày 29 tháng 9 năm 2023.
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn: ngày 29 tháng 9 năm 2023.
- Cơ sở pháp lý:
  - Nghị quyết Hội đồng thành viên số 2809/NQHĐTV-HTLGL.23 ngày 28 tháng 9 năm 2023 thông qua việc tăng vốn điều lệ bằng hình thức các thành viên góp vốn tăng thêm và chuyển đổi khoản nợ thành vốn góp của Công ty.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 5901046432 ngày 02 tháng 10 năm 2023 được cấp bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.285.000.000.000 VND.
  - Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 10) ngày 28 tháng 9 năm 2023, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.285.000.000.000 VND.

<u>Tăng vốn lần 5</u>: Tăng vốn từ 1.285 tỷ đồng lên 1.685 tỷ đồng theo Giấy CN ĐKDN thay đổi lần thứ 16, ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai

- Vốn điều lệ trước khi tăng: 1.285.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm: 400.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 1.685.000.000.000 VND

- Phương án tăng vốn:
  - Thành viên Công ty góp thêm vốn: Thành viên là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai góp thêm 300.000.000.000 VND bằng hình thức chuyển đổi từ nợ vay gốc; Các thành viên là Ông Thủy Ngọc Dũng và Bà Lê Thị Liễu mỗi thành viên góp thêm 50.000.000.000 VND bằng hình thức chuyển khoản.
  - Mục đích tăng vốn: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán công nợ của Công ty.
- Phương thức góp vốn: bằng hình thức chuyển đổi nợ vay gốc và chuyển khoản.
- Số lượng thành viên trước khi tăng vốn: 03 thành viên.
- Số lượng thành viên sau khi tăng vốn: 03 thành viên.
- Thời điểm bắt đầu tăng vốn: ngày 13 tháng 10 năm 2025.
- Thời điểm hoàn thành tăng vốn: ngày 13 tháng 10 năm 2025.
- Cơ sở pháp lý:
  - Nghị quyết Hội đồng thành viên số 131/25/NQ-HĐTV-HTL ngày 13 tháng 10 năm 2025 thông qua phương án chuyển đổi nợ vay thành vốn góp, tăng vốn điều lệ của Công ty.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 số 5901046432 ngày 22 tháng 10 năm 2025 được cấp bởi Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể Sở Tài chính tỉnh Gia Lai, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.685.000.000.000 VND.
  - Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 12) ngày 13 tháng 10 năm 2025, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.685.000.000.000 VND.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với các đợt tăng vốn trên:

Những đợt tăng vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày thành lập (ngày 12/10/2016) đến ngày 31/12/2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C phát hành. Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 1.1036/26/TC-AC ký ngày 08/5/2026 về Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cho giai đoạn từ ngày thành lập (ngày 12/10/2016) đến ngày 31/12/2025, ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

"Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu về vốn điều lệ đã góp từ ngày thành lập (ngày 12 tháng 10 năm 2016) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như mô tả tại thuyết minh số 4 của Bản thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp."

Vấn đề cần nhấn mạnh

"Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đến:

- *Mục số 6.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp về việc thanh toán cổ phần đã đăng ký mua của các cổ đông khi đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, các cổ đông góp vốn sau 90 ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chưa tuân thủ quy định tại khoản 1, Điều 112 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.*
- *Mục số 6.2.1 và 6.2.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp về việc góp vốn của các cổ đông. Theo đó, các cổ đông góp vốn sau ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chưa tuân thủ quy định tại khoản 4, Điều 122 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội."*

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác

- Năm 2024, TCPH không có các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của TCPH tại thời điểm thực hiện.
- Vào ngày 11/12/2025, TCPH đã hoàn tất mua 99% vốn góp tại CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai bằng tiền với giá trị đầu tư là 1.344.469.500.000 đồng. Theo đó, Công ty này đã trở thành công ty con của TCPH. Ngoài ra, TCPH cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát các Công ty con do CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai sở hữu bao gồm Công ty TNHH Phát triển Nông - Lâm nghiệp Sanamxay và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Lâm Nghiệp Saysettha.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 22/4/2026:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %/VĐL
1	**Cổ đông trong nước**	**5**	**164.226.496**	**97,46%**
	- Cá nhân	3	14.775.130	8,76%
	- Tổ chức	2	149.451.366	88,70%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**1**	**4.273.504**	**2,54%**
	- Cá nhân	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %/VĐL
	- Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% VĐL	1	4.273.504	2,54%
3	**Cổ phiếu quỹ**	-	-	-
TỔNG CỘNG (1+2+3)		**6**	**168.500.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 22/4/2026 của Công ty

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty có 01 (một) trái phiếu đang lưu hành như sau:

- Mã trái phiếu: HTL12501
- Giá trị phát hành (Mệnh giá): 1.000.000.000.000 đồng
- Lãi suất: cố định 10,5%/năm
- Kỳ trả lãi: 3 tháng
- Kỳ hạn: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành: 08/8/2025
- Ngày đáo hạn: 08/8/2028
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức tín dụng
- Mục đích phát hành: Thực hiện chương trình đầu tư vào các dự án trồng cà phê Arabica và dâu tằm dưới hình thức hợp tác kinh doanh với các tổ chức pháp nhân.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định pháp luật: 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ Công ty *(nếu có):* không quy định
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ Chức Phát Hành hiện tại: 2,54% (theo Danh sách cổ đông tại ngày 22/4/2026).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ

Công ty được thành lập nhằm triển khai các hoạt động đầu tư và phát triển các dự án nông nghiệp. Qua gần 10 năm hình thành, phát triển, Công ty từng bước xây dựng chuỗi giá trị nông

nghiệp bền vững từ sản xuất đến thương mại, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững của HAGL, với 2 mảng kinh doanh chính bao gồm: lĩnh vực trồng trọt và lĩnh vực kinh doanh thương mại.

a. Lĩnh vực trồng trọt

Trong lĩnh vực trồng trọt, Công ty sở hữu toàn bộ vùng trồng tại Lào với tổng diện tích khoảng 7.032 ha (tại thời điểm tháng 02/2026). Danh mục sản phẩm hiện bao gồm nhóm cây ăn trái (chuối, sầu riêng) và cây công nghiệp (dâu tằm, macca, cà phê), tạo nền tảng đa dạng hóa nguồn thu và tối ưu hóa biên lợi nhuận. Công ty định hướng phát triển theo mô hình nông nghiệp xanh – quy mô lớn, tập trung nâng cấp tiêu chuẩn sản phẩm theo các chuẩn mực an toàn và thông lệ quốc tế. Chiến lược này nhằm gia tăng giá trị gia tăng, củng cố vị thế cạnh tranh và đáp ứng xu hướng tiêu dùng ngày càng khắt khe của thị trường trong nước và cũng như xuất khẩu.

❖ **Chuối**

Hoạt động trồng và kinh doanh chuối là một trong những mảng kinh doanh chủ lực của Công ty. Công ty đã hình thành hệ thống vùng trồng chuối quy mô lớn và vận hành ổn định với tổng diện tích lên tới 2.670 ha. Đây là dòng sản phẩm có tính thương mại cao, vòng quay vốn nhanh và khả năng tạo dòng tiền ổn định, là nguồn doanh thu chủ lực của Công ty. Doanh thu chuối đạt 2.455 tỷ đồng năm 2024 với sản lượng: 212.946 tấn, chiếm tỷ trọng 60,72% doanh thu thuần và 3.661 tỷ đồng năm 2025 với sản lượng: 254.397 tấn, chiếm tỷ trọng 74,95% doanh thu thuần.

Sản phẩm chủ lực là chuối tươi xuất khẩu (Chuối già Nam Mỹ). Đây là dòng chuối có năng suất cao, chất lượng đồng đều, được ưa chuộng tại các thị trường khó tính như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Toàn bộ vùng trồng được quản lý theo tiêu chuẩn GlobalG.A.P. và tuân thủ triệt để các quy định của mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói, đảm bảo sản phẩm an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường và có thể truy xuất nguồn gốc đầy đủ.

Với diện tích chuối hơn 2.670 ha được trồng trên nhiều khu vực thổ nhưỡng và khí hậu khác nhau, sản lượng chuối của Công ty luôn ổn định, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu những đơn hàng lớn.

Hiện tại, Công ty có các dòng chuối nổi tiếng như: HAHA Banana, chuối Cao nguyên Bolaven, 365 FRESH. Trong đó, chuối trồng ở cao nguyên Bolaven là sản phẩm khác biệt độc đáo và ưu việt. Công ty có diện tích lớn trồng chuối siêu ngọt, thời gian thu hoạch sinh trưởng dài hơn. Ở Lào, chuối được trồng tại cao nguyên Bolaven, tỉnh Champasak, khu vực còn sót lại của núi lửa hoạt động từ hàng triệu năm trước, giàu dinh dưỡng, chất khoáng, vi sinh vật. Loại chuối này có kích thước lớn, thuôn dài, vỏ nhẵn, màu vàng thẫm khi chín, hương vị thơm, có độ dẻo và vị ngọt đặc trưng.

Sản phẩm chuối sau thu hoạch được bảo quản lạnh theo tiêu chuẩn, duy trì độ tươi ngon trong suốt quá trình vận chuyển đến tay người tiêu dùng. Quy trình đóng gói được chuẩn hóa và kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế tối đa hư hỏng, qua đó nâng cao tỷ lệ hàng đạt chuẩn xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty có năng lực đáp ứng linh hoạt các yêu cầu riêng biệt từ khách hàng, bao gồm:

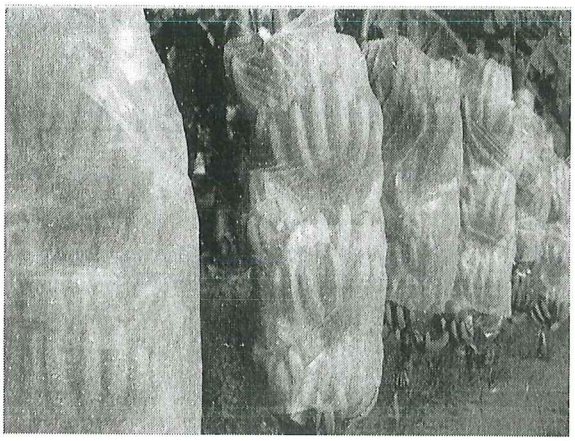
cung cấp đa dạng quy cách sản phẩm (chuối chùm, chuối nải), thiết kế và in ấn bao bì theo thương hiệu riêng, tùy chỉnh quy cách đóng gói về khối lượng và kích thước, cũng như áp dụng các phương thức thanh toán linh hoạt. Những yếu tố này góp phần gia tăng giá trị sản phẩm, mở rộng tệp khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Đối với thị trường quốc tế, sản phẩm chuối của Công ty đang được bày bán tại các siêu thị tại Trung Quốc phân phối bởi Pagoda, Yonghui market, Dili Fresh, Xianfeng fresh; siêu thị Aeon tại Nhật Bản; siêu thị Lotte tại Hàn Quốc. Tại Việt Nam, chuối được bán tại các siêu thị lớn như Lotte Mart, Co.opmart, Go!, Tops Market, Mega Market, Annam Gourmet, Kingfoodmart, Winmart. Các sản phẩm này đều được phân phối thông qua các đối tác chiến lược của Công ty.

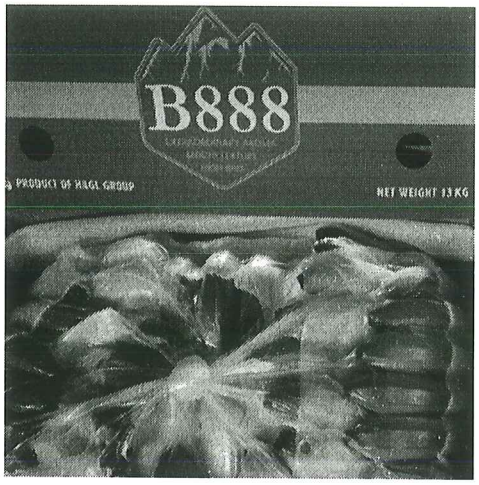
Hình 5. Trang trại chuối







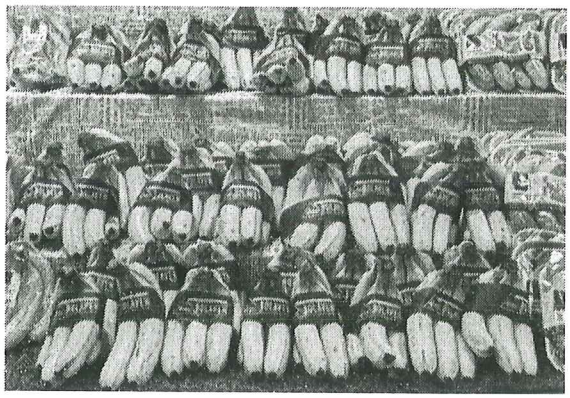
Hình 6. Đóng gói chuối xuất khẩu

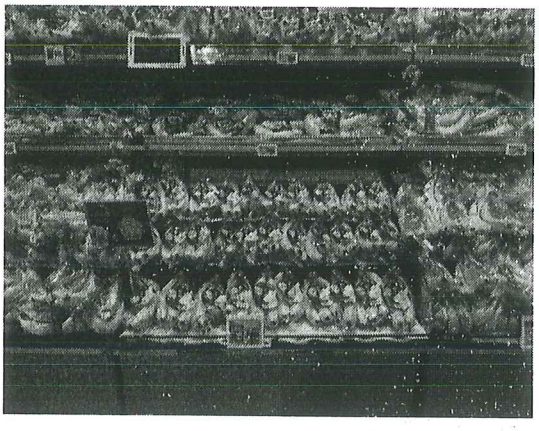




Hình 7. Sản phẩm chuối của Công ty được bày bán trên kệ siêu thị







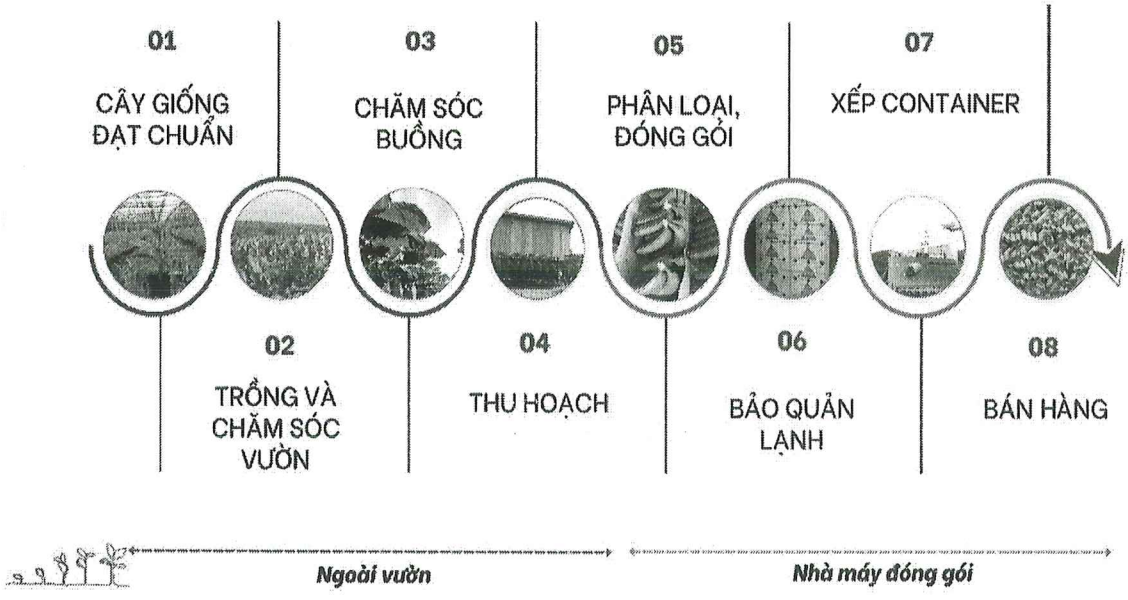


[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

Hình 8. Các sản phẩm chuối của Công ty



Lưu đồ quy trình trồng và kinh doanh chuối của Công ty



Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Công nghệ áp dụng:

Hệ thống tưới tiêu: Công ty áp dụng hệ thống tưới phun mưa và tưới nhỏ giọt trong quá trình canh tác nhằm cung cấp nước và dinh dưỡng phù hợp cho cây chuối. Hệ thống này có thể kết hợp với việc bón phân qua nước tưới, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và cải thiện năng suất cây.

Sản xuất và bảo quản: Trong quá trình sản xuất, các biện pháp như bao buồng chuối, sử dụng túi bao trái và các vật liệu bảo vệ được áp dụng nhằm hạn chế sâu bệnh và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Sau khi thu hoạch, sản phẩm được bảo quản trong hệ thống kho lạnh trước khi vận chuyển và xuất khẩu nhằm duy trì chất lượng và độ tươi của trái cây.

Tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp: Hoạt động sản xuất nông nghiệp của Công ty được triển khai theo các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalG.A.P. Đồng thời, Công ty chú trọng việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kiểm soát việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật theo danh mục

được phép sử dụng.

Quản lý thông tin và truy xuất nguồn gốc: Công ty áp dụng các hệ thống quản lý thông tin để theo dõi hoạt động sản xuất, quản lý kho và diện tích vùng trồng. Các sản phẩm được quản lý theo mã số vùng trồng nhằm đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu. Việc ứng dụng các công nghệ và quy trình nêu trên góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp của Công ty trên thị trường.

❖ **Sầu riêng:**

Công ty đang sở hữu vùng trồng sầu riêng với diện tích 1.647 ha, tập trung chủ yếu tại cao nguyên Bolaven, tỉnh Champasak, khu vực Nam Lào. Các vùng trồng sầu riêng của Công ty được quy hoạch theo vùng trồng tập trung và áp dụng các tiêu chuẩn canh tác GlobalG.A.P nhằm đảm bảo chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc nhằm phục vụ mục tiêu chinh phục thị trường xuất khẩu – đặc biệt là Trung Quốc, nơi đang gia tăng mạnh mẽ nhu cầu về sầu riêng.

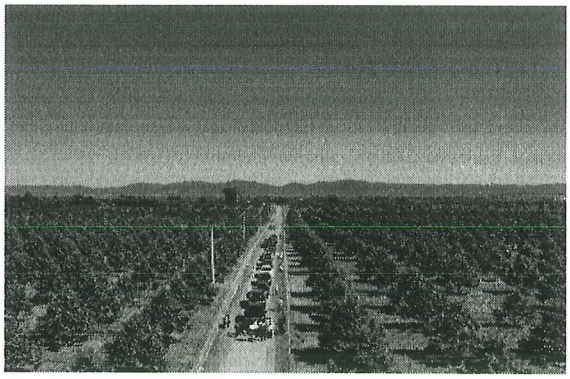
Sản phẩm sầu riêng của Công ty chủ yếu là giống Musangking và Monthong – là 2 giống sầu riêng cơm vàng hạt lép nổi tiếng thơm ngon, có giá trị kinh tế cao và được thị trường ưa chuộng nhất hiện nay. Với điều kiện thổ nhưỡng tốt kết hợp với lợi thế trái vụ tại Lào, sầu riêng được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng quan trọng bên cạnh chuối.

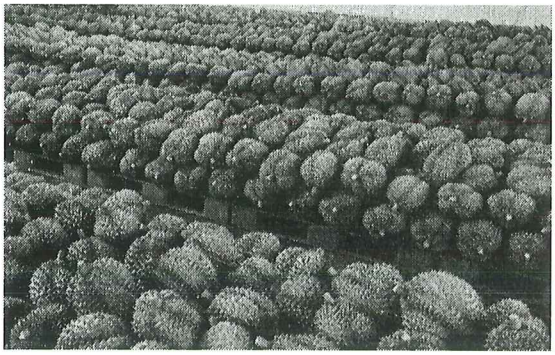
Sản lượng sầu riêng đạt 2.542 tấn vào năm 2024 và tăng lên 3.722 tấn trong năm 2025, mang lại doanh thu lần lượt 241 tỷ đồng và 368 tỷ đồng. Dù đóng góp tỷ trọng nhỏ 5,95% năm 2024 và 7,53% năm 2025 trong tổng doanh thu, sầu riêng đang được định hướng trở thành mảng tăng trưởng quan trọng khi các vườn cây bước vào giai đoạn khai thác ổn định từ năm 2028 trở đi.

Tại Việt Nam, sầu riêng được bán tại các siêu thị lớn như Lotte Mart và Kingfoodmart.

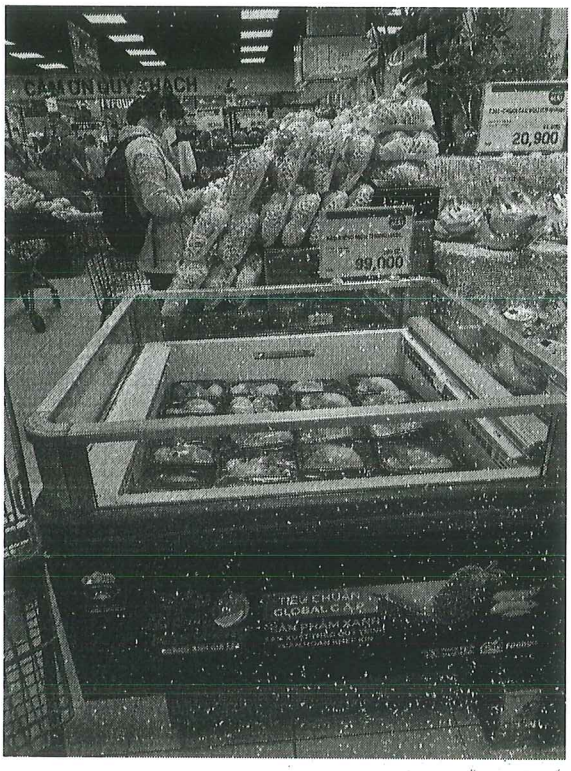
[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

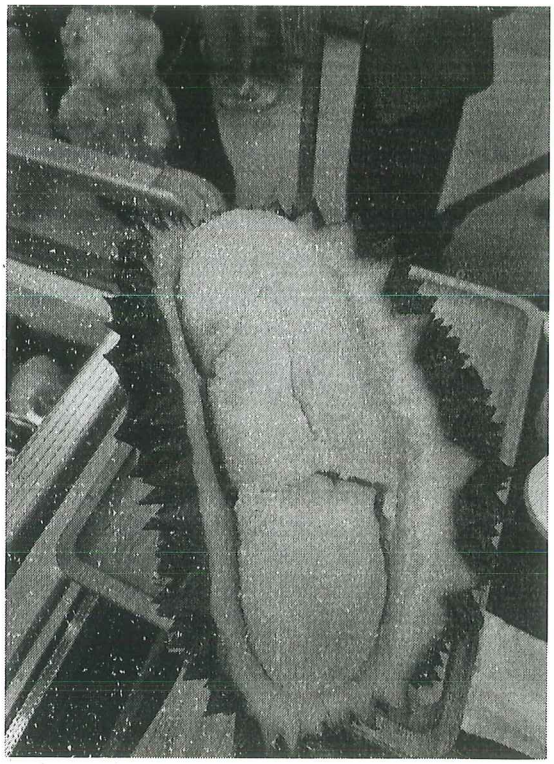
Hình 9. Trang trại sầu riêng



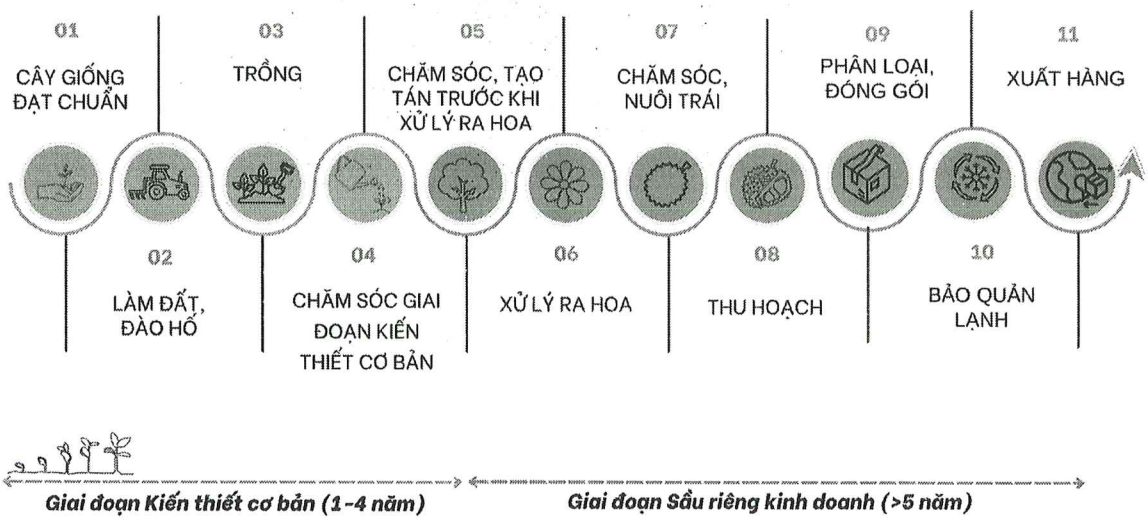



Hình 10. Sản phẩm sầu riêng của Công ty được bày bán trên kệ siêu thị





Lưu đồ quy trình trồng và kinh doanh sầu riêng của Công ty



Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Công nghệ áp dụng

Hệ thống tưới tiêu: Tưới nước bằng hệ thống tưới nhỏ giọt và phun mưa cục bộ nhằm đáp ứng "đúng" và "đủ" lượng nước từng giai đoạn sinh trưởng cây sầu riêng yêu cầu. Đặc biệt, công ty chủ động vun luống cao 40-50 cm để trồng sầu riêng, nhằm đảm bảo công tác thoát nước triệt để vào mùa mưa. Giảm thiểu đáng kể tác hại của việc dư nước ảnh hưởng đến chất lượng cơm sầu riêng.

Sản xuất và bảo quản sau thu hoạch: Trong quá trình canh tác, Công ty áp dụng các biện pháp như tỉa trái, neo cành chống gió rụng được áp dụng nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng trái đồng nhất. Đối với đầu ra sản phẩm, Công ty linh hoạt triển khai các phương án nhằm tối ưu hóa giá trị thương mại. Đối với sản phẩm sầu riêng tươi, Công ty ưu tiên phân phối nguyên quả đối với các lô hàng đạt chuẩn xuất khẩu. Để phục vụ mục tiêu bán trái mùa, Công ty áp dụng kỹ thuật cấp đông nguyên quả để duy trì chất lượng ổn định.

Đối với sản phẩm sầu riêng bóc múi, Công ty thực hiện bóc múi và ứng dụng công nghệ cấp đông giúp bảo toàn cấu trúc tế bào, hương vị đặc trưng và hàm lượng dinh dưỡng như trái tươi. Thành phẩm sau đó được bảo quản trong hệ thống kho lạnh chuyên dụng ở mức -18°C, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và kéo dài thời gian cung ứng ra thị trường.

Áp dụng tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp: Hoạt động canh tác sầu riêng tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn GlobalG.A.P và các quy định về an toàn thực phẩm của nước sở tại. Công ty đặc biệt chú trọng việc kiểm soát dư lượng hóa chất thông qua việc quản lý danh mục thuốc bảo vệ thực vật theo quy định. Các quy trình bón phân hữu cơ và vi sinh được ưu tiên nhằm cải tạo đất và đảm bảo cây phát triển bền vững, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn cho người tiêu dùng.

Quản lý thông tin và truy xuất nguồn gốc: Công ty áp dụng các hệ thống quản lý thông tin để theo dõi hoạt động sản xuất, quản lý kho và diện tích vùng trồng. Các sản phẩm được quản lý theo mã số vùng trồng nhằm đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu. Việc ứng dụng các công nghệ và quy trình nêu trên góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp của Công ty trên thị trường.

❖ **Dâu tằm:**

Cây dâu tằm (tên khoa học: Morus alba L.) là loài thực vật có giá trị kinh tế cao, được khai thác và ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Từ lâu, cây dâu tằm gắn liền với nghề trồng dâu nuôi tằm, trong đó lá dâu được sử dụng làm nguồn thức ăn chính cho tằm, phục vụ ngành sản xuất tơ lụa.

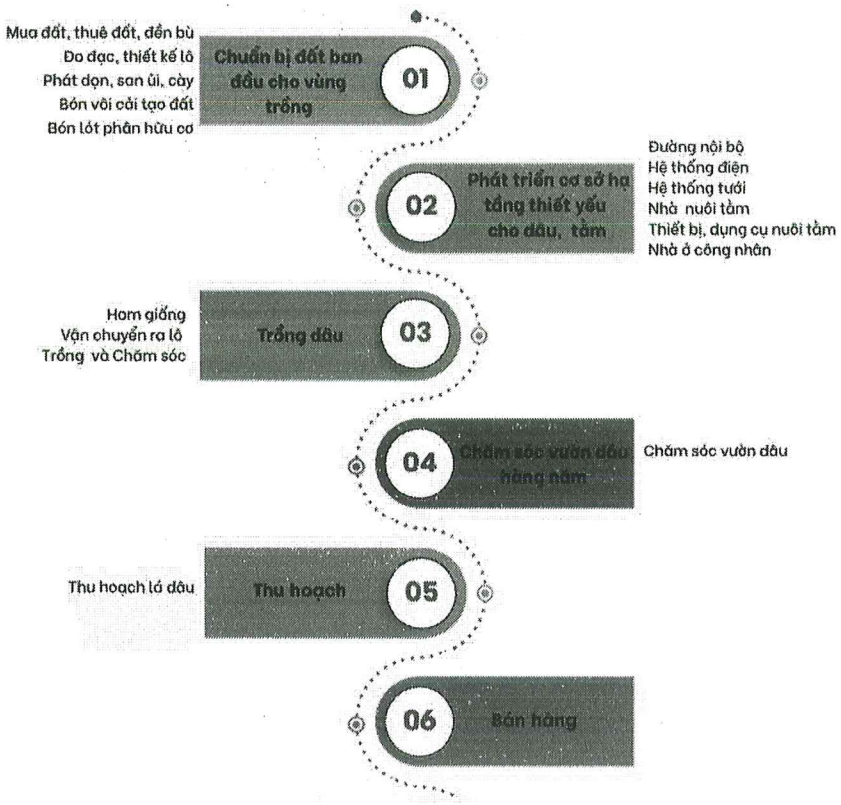
Công ty đang triển khai phát triển 476 ha dâu tằm tại Lào với các giống dâu năng suất cao (S7-CB, VA-201, TBL-03) và giống tằm LQ2 được lựa chọn nhằm tối ưu năng suất. Công ty đầu tư phát triển vùng trồng dâu tằm quy mô lớn, nằm biệt lập tập trung tại các khu vực có điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp, trong đó cây dâu được canh tác theo quy trình kỹ thuật đồng bộ để tạo nguồn lá sạch, chất lượng cao làm thức ăn cho tằm. Lá dâu của Công ty phục vụ chủ yếu cho hoạt động nuôi tằm và nhà máy kéo sợi của HAGL.

Các sản phẩm từ dâu tằm hiện chưa chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của HGI. Năm 2025, doanh thu từ dâu tằm của Công ty đạt 3,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, từ năm 2027, mảng này được kỳ vọng sẽ gia tăng đóng góp đáng kể khi vùng trồng dâu tằm dần được ổn định và đi vào khai thác hiệu quả.

Hình 11. Trang trại dâu tằm



Lưu đồ quy trình trồng và kinh doanh dâu tằm của Công ty



Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Công nghệ áp dụng:

Hệ thống tưới tiêu và điều tiết sinh trưởng: Công ty triển khai hệ thống tưới phun mưa áp lực thấp giúp duy trì độ ẩm tối ưu cho tầng lá, kích thích quá trình quang hợp và tích lũy dưỡng chất trong lá dâu. Hệ thống này cho phép điều tiết lượng nước chính xác, kết hợp với bón phân qua nước giúp lá dâu dày, xanh và có hàm lượng protein cao, tạo nguồn thức ăn chất lượng tốt nhất cho tằm.

Quy trình canh tác và thu hoạch lá chuyên biệt: Với định hướng ứng dụng các giống dâu năng suất cao như S7-CB, VA-201, kết hợp giống tằm LQ2 được tuyển chọn kỹ lưỡng, nhằm bảo đảm khả năng thích nghi và tối ưu năng suất. Công ty áp dụng kỹ thuật đốn tỉa tạo hình theo đúng chu kỳ nuôi tằm để đảm bảo nguồn lá non và lá bánh tẻ luôn sẵn có. Quy trình thu hoạch được thực hiện vào sáng sớm hoặc chiều mát để giữ lá tươi lâu, không bị héo hoặc mất nước. Lá dâu sau thu hoạch được bảo quản trong môi trường thoáng mát, sạch sẽ, ngăn ngừa sự xâm nhập của nấm mốc và vi khuẩn.

Quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc: Công ty thực hiện quản lý số hóa đồng bộ từ diện tích vùng trồng dâu đến sản lượng lá dâu thu hoạch. Công ty theo dõi chi tiết lịch bón phân và thời gian cách ly (nếu có), việc kiểm soát chặt chẽ này giúp đảm bảo nguồn lá dâu của

Công ty đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn sinh học cao nhất, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của chuỗi sản xuất tơ tằm.

❖ **Cà phê:**

Cà phê là kỳ vọng tăng trưởng dài hạn và sẽ bắt đầu đóng góp doanh thu đáng kể cho Công ty từ năm 2028. Tính đến hiện tại, Công ty đang trực tiếp quản lý và phát triển 1.649 ha vùng trồng cà phê tại Lào.

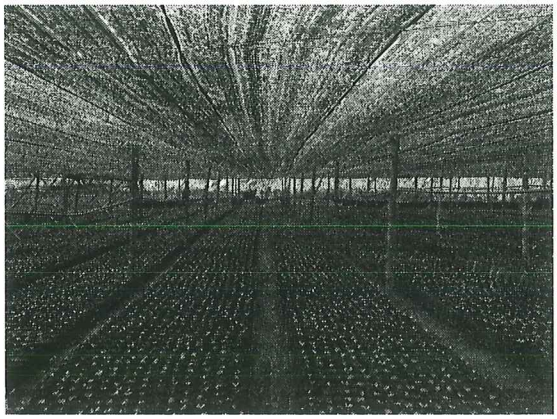
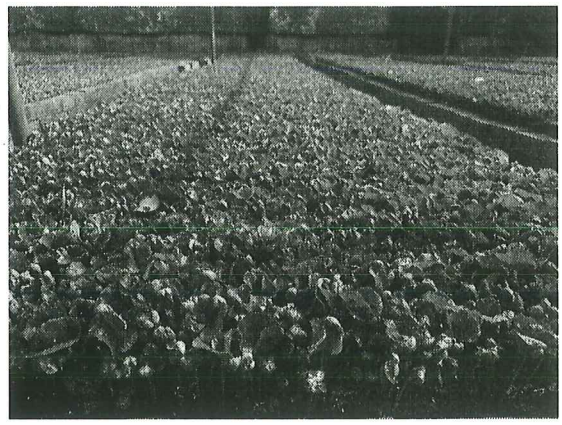
Các vùng trồng cà phê của Công ty chủ yếu là giống cà phê Arabica. Cà phê Arabica là cây ưa khí hậu mát mẻ, cường độ chiếu sáng vừa phải và được trồng ở độ cao phù hợp từ 1.000 m – 1.500 m (một số nghiên cứu chỉ ra từ 800 m – 2.000 m). Cao nguyên Bolaven ở miền Nam Lào là trái tim của ngành cà phê quốc gia, chiếm tới 95% tổng sản lượng cà phê của Lào. Cà phê Arabica từ huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào nổi tiếng với hương vị độc đáo nhờ vào những đặc tính thổ nhưỡng và điều kiện tự nhiên như sau:

- **Khí hậu và độ cao phù hợp:** Paksong nằm trên cao nguyên Bolaven, có độ cao từ 800 đến 1.400 m so với mực nước biển. Đây là độ cao lý tưởng cho cây cà phê Arabica phát triển, giúp hạt cà phê có hương vị tinh tế và chất lượng cao. Nhiệt độ trung bình ở Paksong giao động từ 19,5°C đến 22°C, rất thích hợp cho Arabica.
- **Đất đai màu mỡ:** Cao nguyên Bolaven là khu vực núi lửa cổ, với đất đỏ bazan giàu khoáng chất. Loại đất này thoát nước tốt và cực kỳ màu mỡ, cung cấp dinh dưỡng dồi dào cho cây cà phê, góp phần tạo nên hương vị đặc trưng của cà phê Paksong.
- **Lượng mưa dồi dào:** Paksong có lượng mưa hàng năm lớn, thường vượt quá 1.500 mm (ví dụ: Paksong 3.474 mm), đảm bảo đủ nước cho cây cà phê.

Chính vì vậy, Công ty theo định hướng chung của Tập đoàn HAGL đã tiên phong đầu tư vào trồng cà phê Arabica tại Lào nhằm tận dụng những lợi thế tự nhiên to lớn và đồng thời phát triển toàn bộ chuỗi giá trị, từ canh tác, chế biến sản phẩm giá trị cao đến xuất khẩu.

Trong năm 2025, Tập đoàn HAGL đã ký kết Hợp đồng tư vấn kỹ thuật và cung ứng với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI). Theo hợp đồng được ký kết, Viện WASI (và đơn vị trực thuộc là Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ Cà phê Eakmat) sẽ cung cấp cho HAGL và Công ty 30 triệu cây giống cà phê chất lượng cao, bao gồm giống cà phê Arabica và giống cà phê Robusta. Theo đó, Công ty sẽ được tiếp cận cây giống cà phê chất lượng cao nhằm phục vụ cho chương trình phát triển vùng nguyên liệu cà phê của Công ty. Bên cạnh việc cung ứng giống, Viện WASI sẽ phối hợp tư vấn cho Công ty các biện pháp kỹ thuật canh tác, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và xử lý ra hoa đậu quả, đảm bảo hiệu quả tối ưu và chất lượng đồng đều cho toàn bộ diện tích trồng mới.

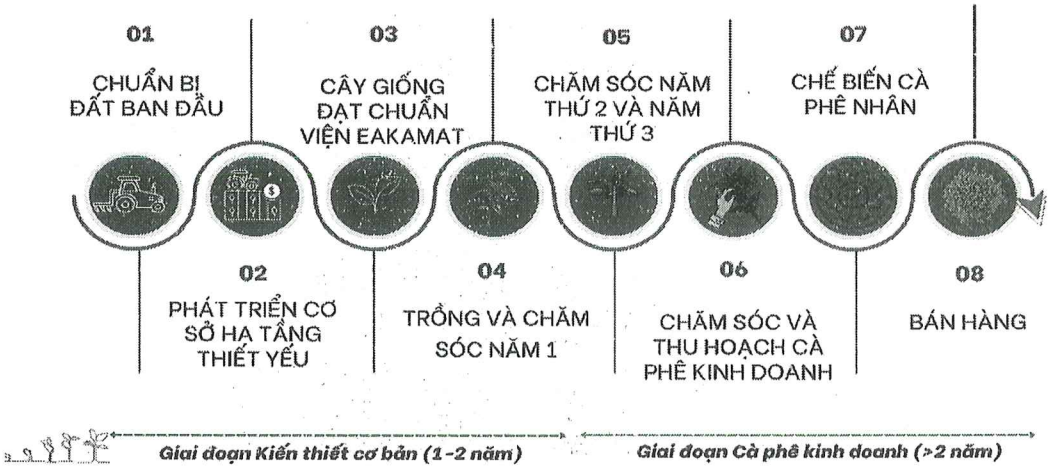
Hình 12. Vườn ươm cà phê

Hình 13. Trang trại cà phê




Lưu đồ quy trình trồng và kinh doanh cà phê của Công ty



Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Công nghệ áp dụng:

Hệ thống tưới tiêu: Công ty áp dụng hệ thống tưới phun mưa tại gốc hoặc tưới nhỏ giọt nhằm tối ưu hóa lượng nước cung cấp cho cây cà phê, đặc biệt trong giai đoạn mùa khô và giai đoạn phân hóa mầm hoa. Hệ thống này cho phép kết hợp bón phân qua nước, giúp dinh dưỡng thẩm thấu trực tiếp đến bộ rễ, nâng cao hiệu quả hấp thụ, tiết kiệm chi phí nhân công và đảm bảo cây phát triển đồng đều ngay cả trong điều kiện thời tiết không thuận lợi.

Quy trình canh tác và sơ chế sau thu hoạch: Trong quá trình sản xuất, Công ty chú trọng kỹ thuật cắt tỉa cành, tạo tán để tăng diện tích quang hợp và kiểm soát chiều cao cây, tạo thuận lợi cho việc thu hoạch. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng mô hình canh tác đa tầng, xen canh hợp lý nhằm cải thiện hệ sinh thái vườn cây và đa dạng hóa nguồn thu nhập trên cùng một diện tích đất.

Công ty định hướng xây dựng hệ sinh thái sản xuất khép kín theo chuỗi giá trị gia tăng cao. Nguồn nguyên liệu sau thu hoạch sẽ tiếp tục được ứng dụng công nghệ chế biến hiện đại, bao gồm sơ chế ướt, lên men chủ động và rang xay chuyên sâu nhằm tối ưu chất lượng đầu ra.

Tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp: Hoạt động trồng, chăm sóc và sản xuất cà phê tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn 4C, Rainforest Alliance, và đặc biệt tiêu chuẩn EUDR cùng các quy định về an toàn thực phẩm. Công ty đặc biệt chú trọng việc kiểm soát dư lượng hóa chất thông qua việc quản lý danh mục thuốc bảo vệ thực vật theo quy định. Các quy trình bón phân hữu cơ và vi sinh được ưu tiên nhằm cải tạo đất và đảm bảo cây phát triển bền vững, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn cho người tiêu dùng.

Quản lý thông tin và truy xuất nguồn gốc: Công ty áp dụng các hệ thống quản lý thông tin để theo dõi hoạt động sản xuất, quản lý kho và diện tích vùng trồng. Các sản phẩm được quản lý theo mã số vùng trồng nhằm đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu. Việc ứng dụng các công nghệ và quy trình nêu trên góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của Công ty trên thị trường.

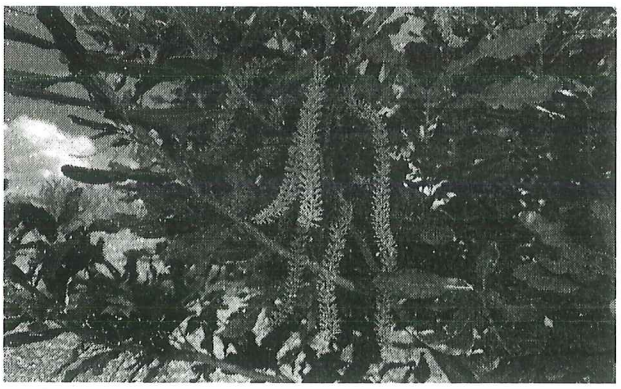
❖ **Macca:**

Bên cạnh các cây trồng chủ lực, Công ty đang thử nghiệm và phát triển 590 ha macca (QN1, A38, 816) và các mô hình xen canh đa tầng nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất và giảm rủi ro phụ thuộc vào một loại cây trồng. Với tiềm năng lớn về giá trị dinh dưỡng và thương mại, macca được xem là nữ hoàng của các loại hạt. Đồng thời, Công ty cũng đầu tư quy trình canh tác theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng hạt, phục vụ cả thị trường nội địa và quốc tế. Dự kiến từ năm 2028, macca sẽ bắt đầu mang lại nguồn doanh thu ổn định cho Công ty.

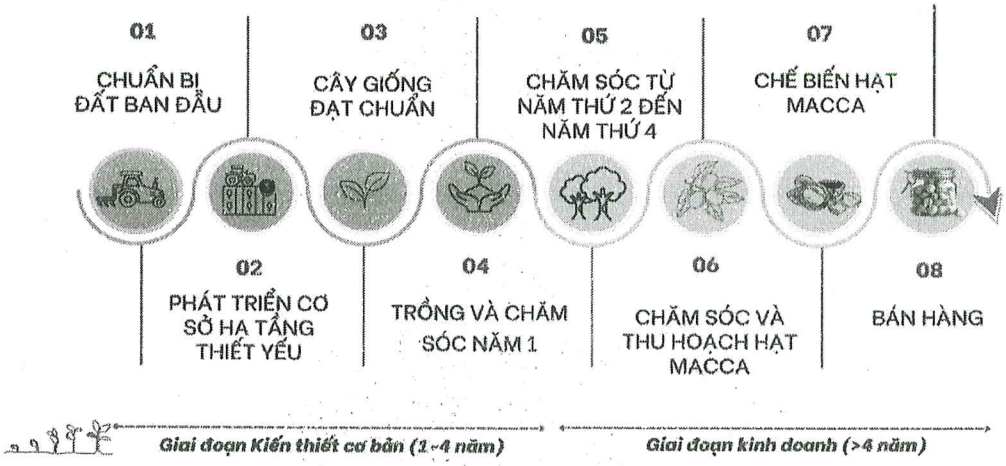
Hình 14. Trang trại macca







Lưu đồ quy trình trồng và kinh doanh macca của Công ty



Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Công nghệ áp dụng:

Hệ thống tưới tiêu và quản lý dinh dưỡng chuyên sâu: Công ty ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt bù áp tại gốc, đảm bảo cung cấp lượng nước ổn định và chính xác trong các giai đoạn nhạy cảm như phân hóa mầm hoa và nuôi hạt. Hệ thống này kết hợp với kỹ thuật bón phân qua nước, tập trung bổ sung các nguyên tố vi lượng và kali ở giai đoạn tích lũy tinh dầu, giúp hạt macca đạt kích cỡ tối ưu, tỷ lệ nhân cao và chất lượng hương vị đồng nhất..

Quy trình canh tác và sơ chế sau thu hoạch: Với các giống chủ lực QN1, A38 và 816 được lựa chọn thông qua quy trình đánh giá và sàng lọc giống theo định hướng công nghệ cao, nhằm bảo đảm khả năng thích nghi thổ nhưỡng, tối ưu năng suất, chất lượng hạt và hiệu quả canh tác bền vững. Trong quá trình canh tác, Công ty thực hiện tỉa cành tạo tán để vườn cây thông thoáng, hạn chế nấm bệnh và dễ dàng thu hoạch. Hạt macca được thu hoạch khi đạt độ chín sinh lý hoàn toàn (vỏ chuyển sang màu nâu đặc trưng). Sau khi thu hoạch, quả được đưa vào hệ thống tách vỏ xanh ngay trong vòng 24 giờ để tránh tình trạng lên men. Sau đó, hạt được đưa vào quy trình sấy hạ ẩm tầng (sấy gió và sấy nhiệt kiểm soát) để đưa độ ẩm về mức chuẩn, giúp bảo quản hạt lâu dài mà không làm biến chất lượng tinh dầu bên trong.

Tiêu chuẩn canh tác bền vững và an toàn thực phẩm: Hoạt động sản xuất macca của Công ty tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalG.A.P. Công ty chú trọng việc canh tác bền vững, hạn chế tối đa việc sử dụng hóa chất và ưu tiên các loại phân bón hữu cơ từ chính vỏ quả macca tái chế. Toàn bộ quy trình từ chăm sóc đến nhà máy chế biến đều kiểm soát chặt chẽ các yếu tố về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và nấm mốc, đảm bảo sản phẩm hạt macca đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cao nhất khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Quản lý thông tin và truy xuất nguồn gốc: Công ty áp dụng hệ thống quản lý số hóa để định danh từng lô vùng trồng macca. Thông tin về giống, lịch trình chăm sóc, bón phân và thời điểm thu hoạch đều được cập nhật vào nhật ký điện tử.

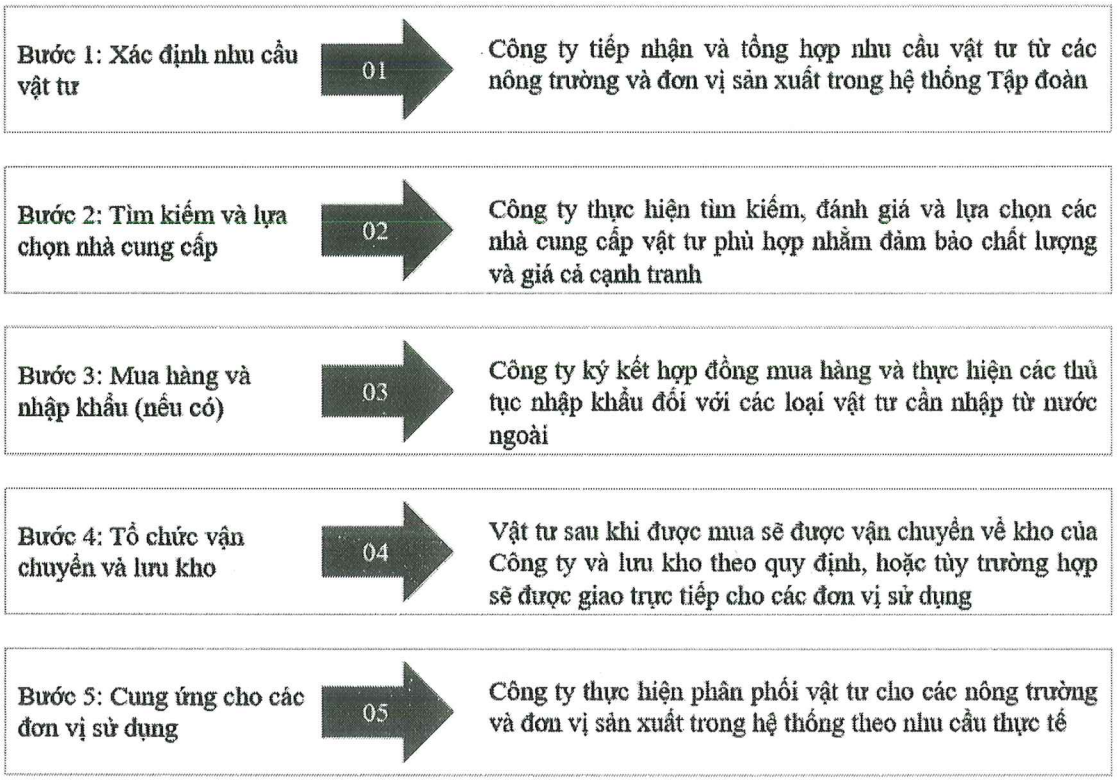
b. Lĩnh vực kinh doanh thương mại

Công ty là nhà cung cấp vật tư nông nghiệp chính cho các nông trường thuộc hệ thống Tập đoàn HAGL. Theo đó, Công ty phụ trách đàm phán đối tác thay cho các công ty sản xuất trong Tập đoàn HAGL, đồng thời điều phối hàng hóa, vật tư trong hệ thống, qua đó làm giảm sự biến động giá cả và nguồn cung từ các nhà cung cấp bên ngoài hệ thống.

Năm 2025, doanh thu từ kinh doanh thương mại đạt 852 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,45% doanh thu thuần.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

Lưu đồ quy trình kinh doanh vật tư nông nghiệp của Công ty



Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh doanh vật tư nông nghiệp. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất phụ thuộc vào từng lĩnh vực kinh doanh, cụ thể:

- Hoạt động trồng trọt của Công ty chịu ảnh hưởng nhất định bởi chu kỳ sinh trưởng của cây trồng và điều kiện tự nhiên, do đó có thể mang yếu tố mùa vụ. Tuy nhiên, đối với cây trồng như chuối sản phẩm chủ lực của Công ty, sản lượng thu hoạch có thể được phân bổ tương đối đều trong năm nhờ việc tổ chức sản xuất và chăm sóc theo kế hoạch.
- Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh thương mại các sản phẩm trái cây và cung ứng vật tư nông nghiệp được thực hiện thường xuyên trong năm, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.

Vì vậy, nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không tập trung vào một thời điểm cụ thể trong năm.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a. Cơ cấu sản lượng sản xuất đối với một số sản phẩm của Công ty

Bảng 3. Cơ cấu sản lượng lĩnh vực trồng trọt (Hợp nhất)

STT	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Chuối	Tấn	212.946	254.397	116.517
2	Sầu riêng	Tấn	2.542	3.722	2.574
3	Dâu tằm	Tấn	-	339	4.087

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

b. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp với từng loại sản phẩm, dịch vụ của Công ty:

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần (Hợp nhất)

STT	Sản phẩm	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I	**Trồng trọt**	**2.695.779**	**66,67%**	**4.032.872**	**82,55%**	**1.913.347**	**87,56%**
1	Chuối	2.455.135	60,72%	3.661.344	74,95%	1.624.929	74,36%
2	Sầu riêng	240.644	5,95%	367.773	7,53%	251.136	11,49%
3	Dâu tằm	-	-	3.755	0,08%	37.282	1,71%
II	**Kinh doanh thương mại và khác**	**1.347.429**	**33,33%**	**852.472**	**17,45%**	**271.744**	**12,44%**
Tổng cộng		**4.043.208**	**100%**	**4.885.344**	**100%**	**2.185.091**	**100%**

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp (Hợp nhất)

STT	Sản phẩm	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)
I	**Trồng trọt**	**1.394.024**	**34,48%**	**1.974.955**	**40,42%**	**976.316**	**44,68%**
1	Chuối	1.268.084	31,36%	1.786.539	36,57%	817.528	37,41%
2	Sầu riêng	125.941	3,11%	185.281	3,79%	132.599	6,07%
3	Dâu tằm	-	-	3.135	0,06%	26.189	1,20%

STT	Sản phẩm	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)
II	**Kinh doanh thương mại và khác**	**88.440**	**2,19%**	**11.621**	**0,24%**	**90.457**	**4,14%**
Tổng		**1.482.465**	**36,67%**	**1.986.576**	**40,66%**	**1.066.773**	**48,82%**

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

10.1.4. Nguồn đầu vào và mức độ ổn định cung ứng

a. Cơ cấu nguồn đầu vào

- Giống cây trồng: Công ty luôn ưu tiên chọn nguồn giống cây trồng từ các đối tác lớn, uy tín và có năng lực chuyên môn cao nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào cho sản xuất. Việc chủ động nguồn cây giống giúp giảm thiểu rủi ro biến động giá và đảm bảo tính liên tục trong sản xuất.
- Đất đai canh tác: Công ty hiện đang triển khai các hoạt động đầu tư và phát triển các dự án nông nghiệp quy mô lớn tại Lào, nơi có điều kiện thổ nhưỡng tốt, đất đai màu mỡ. Chẳng hạn như cao nguyên Bolaven, là khu vực núi lửa cổ, với đất đỏ bazan giàu khoáng chất, khả năng thoát nước tốt nhưng vẫn giữ ẩm hiệu quả, rất phù hợp cho các loại cây trồng giá trị cao như chuối, sầu riêng và cà phê. Điều kiện thổ nhưỡng thuận lợi này giúp cây sinh trưởng tốt, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và tạo nền tảng cho phát triển nông nghiệp bền vững trong dài hạn.
- Phân bón và thuốc bảo vệ thực vật: Nguồn cung tương đối ổn định, tuy nhiên có thể chịu ảnh hưởng từ biến động giá nguyên liệu đầu vào trên thị trường toàn cầu. Do đó, Công ty luôn duy trì mức tồn kho an toàn tương đương 02 tháng sản xuất nhằm giảm thiểu rủi ro từ việc biến động giá nguyên liệu.
- Nhân công: Tổng số lao động thường xuyên là 4.000 người. Nguồn lao động chủ yếu tại địa phương nên có tính ổn định cao. Công ty áp dụng các chính sách đào tạo và đãi ngộ để giữ chân người lao động, nhằm đảm bảo ổn định nguồn nhân lực cho sản xuất quy mô lớn.

b. Mức độ ổn định nguồn cung ứng

Nhìn chung, các yếu tố đầu vào chính như cây giống, vật tư, nhân công có mức độ ổn định cao nhờ:

- Quy mô lớn giúp tăng khả năng đàm phán với các nhà cung cấp;
- Đa dạng hóa nguồn cung, không phụ thuộc duy nhất vào một đối tác;
- Duy trì tồn kho chiến lược đối với các loại vật tư quan trọng.

Rủi ro chính bao gồm:

- Biến động giá phân bón;
- Chi phí nhân công tăng.

Tuy nhiên, nhờ lợi thế quy mô, Công ty có khả năng kiểm soát và phân bổ chi phí hiệu quả hơn so với các đơn vị nhỏ lẻ.

c. Ảnh hưởng của biến động giá đầu vào đến doanh thu và lợi nhuận

Nhờ chiến lược sản xuất quy mô lớn, Công ty sở hữu những lợi thế cạnh tranh như sau:

- Mua vật tư với giá chiết khấu ưu đãi hơn so với thị trường;
- Phân bổ chi phí cố định tối ưu trên diện tích canh tác lớn;
- Ký kết các hợp đồng xuất khẩu dài hạn giúp ổn định doanh thu.

Do đó, mặc dù biến động giá đầu vào có thể ảnh hưởng ngắn hạn đến biên lợi nhuận nhưng tác động tổng thể vẫn được kiểm soát ở mức hợp lý, không ảnh hưởng đáng kể đến tính bền vững tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

10.1.5. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế, nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường xuất khẩu. Hiện tại, Công ty đang áp dụng các tiêu chuẩn GlobalG.A.P, bao gồm:

- Kiểm soát quy trình canh tác và sử dụng vật tư nông nghiệp theo tiêu chuẩn;
- Quản lý nhật ký sản xuất và truy xuất nguồn gốc theo từng lô sản phẩm;
- Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật;
- Đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong toàn bộ chuỗi sản xuất.

Việc áp dụng GlobalG.A.P giúp các sản phẩm của Công ty đáp ứng yêu cầu của các thị trường quốc tế, đặc biệt là các thị trường có tiêu chuẩn cao.

10.2. Tài sản

Bảng 6. Tài sản của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Tài sản	31/12/2024		31/12/2025		30/6/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**1.935.801**	**1.571.847**	**3.153.979**	**2.655.673**	**3.394.793**	**2.812.346**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	783.349	598.678	1.005.224	759.832	1.070.086	788.416

STT	Tài sản	31/12/2024		31/12/2025		30/6/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2	Máy móc, thiết bị	40.055	28.914	55.702	39.438	61.673	41.442
3	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	125.657	90.704	151.022	105.315	156.920	103.799
4	Thiết bị, văn phòng	108	41	108	24	108	20
5	Vườn cây ăn quả	986.632	853.510	1.941.923	1.751.064	2.106.006	1.878.669
II	**Tài sản cố định vô hình**	**68.369**	**55.358**	**267.314**	**248.049**	**267.314**	**245.643**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Bảng 7. Tài sản của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Tài sản	31/12/2024		31/12/2025		30/6/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**67.288**	**50.403**	**67.288**	**44.952**	**67.288**	**42.311**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	36.026	28.082	36.123	25.548	36.122	24.289
2	Máy móc, thiết bị	30.170	21.928	29.899	19.122	29.899	17.829
3	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	1.020	388	1.159	258	1.159	173
4	Thiết bị quản lý	72	5	108	24	108	20

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

Bảng dưới đây liệt kê danh sách một số tài sản cố định lớn của Công ty:

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Tài sản	31/12/2024		31/12/2025		30/6/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Vườn chuối	559.862	434.239	759.660	611.121	835.569	658.487
2	Vườn sầu riêng	431.198	423.602	519.737	491.823	578.495	539.375
3	Hệ thống đường lô	295.926	218.618	338.237	243.604	355.180	248.417
4	Đập chắn nước	275.783	234.232	361.307	300.926	463.713	378.322
5	Hệ thống tưới	84.503	51.776	97.988	56.838	99.635	53.628
6	Nhà tái định cư	48.075	31.901	68.109	40.643	76.767	43.956
7	Dây chuyền sản xuất chuối sấy, nhà máy chế biến hoa quả	61.651	49.096	70.809	52.410	75.850	53.394
8	Vườn dâu	-	-	56.830	56.308	82.199	80.134
9	Hệ thống kho đông lạnh	31.038	20.940	31.353	19.044	31.510	18.105
10	Quyền sử dụng đất	-	-	23.386	21.123	23.386	20.711

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

10.3. Thị trường hoạt động

❖ **Lĩnh vực chuối, sầu riêng**

Thị trường xuất khẩu là thị trường chủ lực đối với các sản phẩm chuối và sầu riêng của Công ty. Hiện nay, Công ty thực hiện kinh doanh thông qua nhiều hình thức linh hoạt, bao gồm xuất khẩu trực tiếp và bán hàng tại kho cho các doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu trong nước. Tùy theo yêu cầu của khách hàng và điều kiện giao dịch, doanh thu có thể được ghi nhận dưới hình thức xuất khẩu trực tiếp hoặc bán hàng trong nước. Tuy nhiên, phần lớn sản lượng chuối và sầu riêng của Công ty được tiêu thụ tại các thị trường quốc tế.

Công ty xác định Trung Quốc là thị trường chiến lược trọng điểm cho hai dòng sản phẩm chủ lực là chuối và sầu riêng với những lý do chính:

- Trung Quốc hiện là quốc gia có sức mua nông sản nhiệt đới dẫn đầu thế giới, đặc biệt là chuối và sầu riêng. Công ty tập trung vào thị trường này nhằm đảm bảo kênh tiêu thụ ổn định cho các vùng trồng quy mô lớn của Công ty.
- Với vị trí địa lý tiếp giáp Việt Nam, các vùng trồng của Công ty sẽ thuận tiện trong việc kết nối hạ tầng giao thông thuận lợi tới các cửa khẩu trọng điểm và vào thị trường này giúp cho Công ty rút ngắn thời gian vận chuyển và tiết giảm chi phí vận chuyển.

Song song với thị trường Trung Quốc, Công ty còn đang xuất khẩu chuối và sầu riêng sang các thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng cao như Nhật Bản, Hàn Quốc.

❖ **Lĩnh vực kinh doanh thương mại**

Công ty duy trì vai trò đầu mối cung ứng vật tư nông nghiệp cho các công ty thành viên của HAGL và các đối tác trong nước. Thị trường của mảng kinh doanh thương mại chủ yếu tại Việt Nam, Lào và Campuchia với doanh thu chiếm 17,1% năm 2025.

Bảng 8. Doanh thu theo thị trường hoạt động

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Thị trường hoạt động	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Việt Nam	2.471.814	61,13%	1.011.691	20,71%	197.123	9,02%
2	Lào	769.218	19,02%	2.002.527	40,99%	1.278.388	58,51%
3	Khác (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc)	802.176	19,84%	1.871.126	38,30%	709.580	32,47%
Tổng cộng		**4.043.208**	**100%**	**4.885.344**	**100%**	**2.185.091**	**100%**

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Bảng 9. Lợi nhuận theo thị trường hoạt động

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Thị trường hoạt động	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)
1	Việt Nam	1.330.409	32,90%	450.328	9,22%	160.090	7,33%

STT	Thị trường hoạt động	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	LNG/ DTT (%)
2	Lào	59.261	1,47%	859.697	17,60%	696.946	31,90%
3	Khác (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc)	92.794	2,30%	676.550	13,85%	209.737	9,60%
Tổng cộng		**1.482.465**	**36,67%**	**1.986.576**	**40,66%**	**1.066.773**	**48.82%**

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

❖ **Tình hình đầu tư và hiệu quả đầu tư**

Công ty hiện đang triển khai các dự án lớn như sau:

Bảng 10. Các Dự án lớn đang triển khai của Công ty

STT	Tên dự án/ Chương trình	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô	Diện tích hiện hữu (ha)	Hiện trạng
1	Chương trình đầu tư trồng cà phê	Tỉnh Champasak và Tỉnh Attapeu, Lào	2025 - 2030	7.000 ha	1.649 ha	Đang thực hiện
2	Chương trình đầu tư trồng dâu tằm	Tỉnh Attapeu, Lào	2025 - 2028	1.000 ha	476 ha	Đang thực hiện
3	Chương trình đầu tư trồng và chế biến sầu riêng	Tỉnh Champasak và Tỉnh Attapeu, Lào	2025 - 2028	Tổng diện tích: 2.000 ha; Đầu tư 1 nhà máy chế biến sầu riêng cấp đông tại Lào và hệ thống	1.647 ha	Đang thực hiện

STT	Tên dự án/ Chương trình	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô	Diện tích hiện hữu (ha)	Hiện trạng
				kho lạnh để bảo quản sầu riêng cấp đông		

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

❖ **Hiệu quả sản xuất kinh doanh**

- **KQKD năm 2024**

Theo BCTC Hợp nhất năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu 4.043 tỷ đồng, tăng 39,66% so với năm 2023. Doanh thu mảng trái cây và kinh doanh thương mại đạt lần lượt 2.696 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 66,67% và 1.347 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,33% tổng doanh thu thuần. Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2024 đạt 1.482 tỷ đồng, tăng 67,30% so với năm 2023, biên lợi nhuận gộp tăng từ 30,61% năm 2023 lên 36,67% năm 2024, nguyên nhân chủ yếu do giá chuối năm 2024 tăng và ổn định hơn so với năm 2023 nên biên lợi nhuận gộp mảng trái cây tốt hơn năm 2023. LNST năm 2024 đạt 851 tỷ đồng, tăng 21,12% so với năm 2023.

- **KQKD năm 2025**

Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2025 đạt 4.885 tỷ đồng, tăng 20,83% so với cuối năm 2024. Doanh thu từ bán trái cây đạt 4.033 tỷ đồng, tăng 49,60% so với năm 2024 và chiếm tỷ trọng 82,55% trên tổng doanh thu thuần. Doanh thu từ bán trái cây tăng cao so với năm 2024 do sản lượng tiêu thụ tăng (Chuối: sản lượng năm 2025 đạt 254.397 tấn so với mức 212.946 tấn năm 2024; Sầu riêng: sản lượng đạt 3.722 tấn so với mức 2.542 tấn năm 2024), đồng thời giá bán trái cây cũng tăng.

Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2025 đạt 1.987 tỷ đồng, tăng 34,00% so với năm 2024, biên lợi nhuận gộp tăng lên 40,66% năm 2025 so với mức 36,67% năm 2024. LNST năm 2025 đạt 1.486 tỷ đồng, tăng 74,63% so với năm 2024.

10.5. Các hợp đồng lớn

Do đặc thù hoạt động kinh doanh nông sản, Công ty chủ yếu ký kết các hợp đồng mua bán theo từng đơn hàng hoặc hợp đồng ngắn hạn. Vì vậy, Công ty không phát sinh nhiều hợp đồng có giá trị lớn mang tính dài hạn.

Hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty được thực hiện thông qua các hợp đồng mua bán theo từng lô hàng với khách hàng trong và ngoài nước cụ thể như sau:

Bảng 11. Một số hợp đồng có giá trị lớn Công ty đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện

Tên Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Khác (**)
I. Hợp đồng đầu vào							
0101/2026/ DTQT-DR	147.305.300.000 VNĐ	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Vật tư	CTCP Nông nghiệp Đăk Ram	Không	Không
0101/2026/ DTQT-CNGL	240.000.000.000 VNĐ	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Chuối	CTCP Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con cùng Công ty mẹ	Không
0101/2026/ DTQT-DVTN	1.460.000.000.000 VNĐ	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Vật tư	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Không có liên quan theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán	Không
0101/2026/ DTQT-KX	7.080.000 USD	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Chuối	Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Không
0101/2026/ DTQT-DT	8.592.000 USD	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Chuối	Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Không
0301/2025/ NNDR-HTL	150.000.000.000 VNĐ	01/01/2025	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Vật tư	CTCP Nông nghiệp Đăk Ram	Không	Không
0301/2025/ CNGL-HTL	240.000.000.000 VNĐ	01/01/2025	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Chuối	CTCP Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con cùng Công ty mẹ	Không
0301/2025/ GSLP-HTL	416.000.000.000 VNĐ	01/01/2025	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Chuối	CTCP Gia Súc Lơ Pang (nay là CTCP Cà phê	Công ty con cùng Công ty mẹ	Không

Tên Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Khác (**)
					Hoàng Anh Gia Lai)		
0301/2024/ KX-HTL	4.037.587 USD	01/01/2024	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Chuối	Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Không
0301/2024/ BM-HTL	2.653.263 USD	01/01/2024	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Chuối	Công ty TNHH Sản Xuất Bột Mì	Công ty con cùng Công ty mẹ	Không
II. Hợp đồng đầu ra							
0101/2026CNGL-DTQT	1.600.000.000.000 VNĐ	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Vật tư	CTCP Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con cùng Công ty mẹ	Không
0101/2026 GSLP-DTQT	1.092.000.000.000 VNĐ	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Vật tư	CTCP Gia súc Lơ Pang (nay là CTCP Cà phê Hoàng Anh Gia Lai)	Công ty con cùng Công ty mẹ	Không
0201/2026BM-DTQT	5.000.000 USD	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Vật tư	Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty con cùng Công ty mẹ	Không
0201/2026/ DT-DTQT	5.700.000 USD	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Vật tư	Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Không

Tên Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Khác (**)
0101/2026/ KX-DTQT	5.200.000 USD	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Vật tư	Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Không
01012026-FM	27.000.000 USD	01/01/2026	Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	Chuối	AGRO RIDGE PARTNERS PTE LTD	Không	Không
0301/2025/ HTL-GSTB	25.000.000.000 VNĐ	01/01/2025	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Vật tư	CTCP Chế Biến Thức Ăn Gia Súc Trà Bá	Không	Không
0301/2025/ HTL-KX	5.200.000 USD	01/01/2025	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Vật tư	Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Không
0301/2025/ HTL-ĐT	5.000.000 USD	01/01/2025	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Vật tư	Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Không
0101/2024/ FRC-HTL	35.177.692.000 VNĐ	20/11/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Chuối	Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Fruitsco Vn	Không	Không
01012024-FM	25.000.000 USD	01/01/2024	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Chuối	FRUITSCO PTE LTD	Không	Không

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, thông tin tại ngày 30/6/2026

Ghi chú:

(*) Mối quan hệ là mối quan hệ của đối tác tham gia và thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty

(**) Khác: là các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty, cụ thể như sau:

Bảng 12. Một số khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

Tên đối tác	Giá trị giao dịch (triệu đồng) năm 2024	Tỷ lệ GTGD /DTT năm 2024 (*)	Giá trị giao dịch (triệu đồng) năm 2025	Tỷ lệ GTGD /DTT năm 2025 (*)	Giá trị giao dịch (triệu đồng) 6 tháng năm 2026	Tỷ lệ GTGD/ DTT 6 tháng năm 2026 (*)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (**)
I. Khách hàng lớn									
CTCP Chăn Nuôi Gia Lai	362.495	8,97%	432.796	8,86%	74.252	8,28%	2024-2025-2026	Vật tư nông nghiệp và chăn nuôi các loại	Công ty con cùng Công ty mẹ
FRUITSCO PTE LTD	358.154	8,86%	761.238	15,58%	208.552	23,25%	2024-2025-2026	Chuối	Không
DALIAN JUNYIJIE INTERNATIONAL TRADE CO., LTD	44.855	1,11%	77.928	1,60%	39.090	4,36%	2024-2025-2026	Chuối	Không
SHANGHAI HUITONG FRESH	58.919	1,46%	67.518	1,38%	8.190	0,91%	2024-2025-2026	Chuối	Không

Tên đối tác	Giá trị giao dịch (triệu đồng) năm 2024	Tỷ lệ GTGD /DTT năm 2024 (*)	Giá trị giao dịch (triệu đồng) năm 2025	Tỷ lệ GTGD /DTT năm 2025 (*)	Giá trị giao dịch (triệu đồng) 6 tháng năm 2026	Tỷ lệ GTGD/ DTT 6 tháng năm 2026 (*)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (**)
FOOD SUPPLY CHAIN CO. , LTD.									
II. Nhà cung cấp lớn									
CTCP Chăn Nuôi Gia Lai	119.056	2,94%	264.761	5,42%	122.789	13,69%	2024-2025-2026	Trái cây, heo	Công ty con cùng Công ty mẹ
CTCP Gia Súc Lơ Pang (nay là CTCP Cà phê Hoàng Anh Gia Lai)	486.991	12,04%	449.016	9,19%	52.731	5,88%	2024-2025-2026	Trái cây, heo	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Sản Xuất Bột Mỳ	43.956	1,09%	106.339	2,18%	1.133	0,13%	2024-2025-2026	Trái cây	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công Ty TNHH PTNN MTV Đại Thắng	669	0,02%	222.156	4,55%	51.752	5,77%	2024-2025-2026	Trái cây	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	81.915	2,03%	170.872	3,50%	97.443	10,86%	2024-2025-2026	Trái cây	Công ty con gián tiếp

Tên đối tác	Giá trị giao dịch (triệu đồng) năm 2024	Tỷ lệ GTGD /DTT năm 2024 (*)	Giá trị giao dịch (triệu đồng) năm 2025	Tỷ lệ GTGD /DTT năm 2025 (*)	Giá trị giao dịch (triệu đồng) 6 tháng năm 2026	Tỷ lệ GTGD/ DTT 6 tháng năm 2026 (*)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (**)
Công ty TNHH MTV Minh Bình Gia Lai	39.815	0,98%	28.187	0,58%	5.217	0,57%	2024-2025-2026	Phân bón, thuốc BVTV	Không
CÔNG TY TNHH AMB JAPAN	22.707	0,56%	25.397	0,52%	12.504	1,39%	2024-2025-2026	Thuốc BVTV	Không
CÔNG TY TNHH ONVISTA	49.120	1,21%	44.496	0,91%	16.179	1,80%	2024-2025-2026	Thức ăn Chăn nuôi	Không

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, thông tin tại ngày 30/6/2026

Ghi chú:

(*) Tỷ lệ GTGD/DTT (Tỷ lệ Giá trị giao dịch/ Doanh thu thuần): được tính theo Giá trị giao dịch của Hợp đồng trên doanh thu thuần của năm có giao dịch.

(**) Mối quan hệ là mối quan hệ của đối tác tham gia và thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

10.7. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty được thành lập vào năm 2016, trải qua hơn 10 năm hoạt động, Công ty đã vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp đầu ngành về mảng nông nghiệp, với danh mục sản phẩm nông nghiệp trải dài từ chuối, sầu riêng, dâu tằm, macca và cà phê.

Trong năm 2025, hai lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty là doanh thu bán trái cây và doanh thu kinh doanh thương mại đạt lần lượt 4.033 tỷ đồng và 852 tỷ đồng, chiếm 82,55% và 17,45%.

Đối với lĩnh vực trồng trọt, Công ty có lợi thế trên thị trường với quỹ đất lớn tại Lào và kinh nghiệm xuất khẩu sang các thị trường lớn trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, đặc biệt là thị trường Trung Quốc – nơi có nhu cầu tiêu thụ cây ăn trái lớn và dư địa tăng trưởng cao. Công ty cũng là một trong số ít doanh nghiệp tiên phong nghiên cứu, phát triển các vùng trồng cây ăn trái ngoài lãnh thổ Việt Nam, khai thác các vùng đất có thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp tại các quốc gia lân cận như Lào. Vì vậy, năng lực sản xuất khả năng mở rộng vùng trồng của Công ty là rất lớn.

Dưới đây là bảng so sánh kết quả kinh doanh và quy mô vốn, tài sản trong năm 2025 của Công ty với một số công ty niêm yết trong ngành nông nghiệp:

Bảng 13. Kết quả kinh doanh và quy mô vốn, tài sản trong năm 2025 của HGI và công ty niêm yết trong ngành nông nghiệp

STT	Tên công ty	VCSH (tỷ đồng)	TTS (tỷ đồng)	DTT (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	ROA (%)	ROE (%)
1	CTCP Mía đường Thành Thành Công – Biên Hoà (*)	10.851	32.679	28.482	834	2,50%	7,59%
2	CTCP Nafoods Group	784	2.323	2.064	146	6,69%	16,46%
3	CTCP Tập đoàn PAN	9.077	15.595	17.586	1.165	5,91%	12,99%
4	CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	1.768	2.532	852	191	7,36%	10,43%
Trung bình ngành		**5.620**	**13.282**	**12.246**	**584**	**5,61%**	**11,87%**
CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HGI)		**4.275**	**10.657**	**4.885**	**1.486**	**16,26%**	**44,37%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2025 kiểm toán của các công ty
(*) CTCP Mía đường Thành Thành Công – Biên Hòa có niên độ tài chính từ 01/7/2024 – 30/6/2025 kiểm toán

Sau hơn 10 năm hoạt động, Công ty có vốn chủ sở hữu và tổng tài sản lần lượt đạt 4.275 tỷ đồng và 10.657 tỷ đồng. Về hiệu quả hoạt động, lợi nhuận sau thuế của Công ty hợp nhất đạt gần 1.486 tỷ đồng trong năm 2025 với tỷ suất ROE và ROA lần lượt đạt 44,37% và 16,26%. ROE của Công ty đang ở mức dẫn đầu trong nhóm doanh nghiệp so sánh. Với việc dự kiến có thêm doanh thu từ dâu tằm từ năm 2026, cà phê và macca từ năm 2028, Công ty kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận sẽ đạt mức tăng trưởng tốt và tiếp tục duy trì vị trí một trong các doanh nghiệp đầu ngành trong mảng nông nghiệp.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ **Triển vọng phát triển ngành rau quả xuất khẩu**

Theo ước tính của Hiệp hội Rau quả Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam đạt mức kỷ lục 8,6 tỷ USD năm 2025, tăng gần 20% so với năm 2024. Giá trị xuất khẩu rau quả đã tăng liên tục kể từ mức 3,7 tỷ USD trong năm 2019 với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 14,8%/năm. Trung Quốc tiếp tục là thị trường chủ lực, chiếm khoảng 64% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành. Xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc tăng 19% trong năm 2025, đạt mức cao kỷ lục 5,5 tỷ USD, đây cũng là mức tăng trưởng hàng năm cao nhất từ trước đến nay. Mỹ là nước mua lớn thứ hai, chiếm 6% lượng hàng xuất khẩu, tiếp theo là Hàn Quốc và Nhật Bản với 4% và 3% tương ứng. Việc mở rộng nghị định thư cho nhiều loại trái cây như chuối, dừa, chanh leo, bưởi,… đã góp phần đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, tạo nền tảng phát triển bền vững hơn cho ngành.

Công ty đánh giá ngành sản xuất và xuất khẩu trái cây tại Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển trong những năm tới nhờ nhu cầu tiêu thụ nông sản ngày càng tăng tại nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc biệt trong khu vực Châu Á, Việt Nam có lợi thế về mặt đa dạng cây trồng nông nghiệp và vị trí địa lý ngay trung tâm trong khu vực, giúp rút ngắn thời gian vận chuyển cho các mặt hàng trái cây vốn có hạn chế về thời gian bảo quản. Đồng thời, Việt Nam cũng tích cực tháo gỡ những vướng mắc về mặt hải quan với các thị trường lớn như Trung Quốc, áp dụng tiêu chuẩn xuất khẩu khắt khe hơn, cải thiện khả năng truy xuất nguồn gốc và đầu tư mạnh vào hệ thống logistics. Với nền tảng tăng trưởng hiện tại, ngành rau quả Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì đà phát triển tích cực trong năm 2026, hướng tới mục tiêu kim ngạch 10 tỷ USD và nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế.

❖ **Triển vọng phát triển ngành chuối**

Ngành chuối tại Việt Nam là một trong những lĩnh vực nông sản xuất khẩu trọng điểm, nổi bật với sản lượng lớn và thị trường tiêu thụ quốc tế ổn định. Việt Nam hiện đứng trong top 10 nước xuất khẩu chuối lớn nhất thế giới. Theo Cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, diện tích chuối của Việt Nam đạt khoảng 160.000 ha và sản lượng hàng năm khoảng 2,8 triệu tấn, trong đó phần lớn được xuất khẩu dưới dạng chuối tươi, chuối đông lạnh hoặc chuối chế biến.

Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu chuối đạt khoảng 380 triệu USD, đứng thứ tư, sau sầu riêng, thanh long và dừa. Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc, Việt Nam xuất khẩu gần 625 nghìn tấn chuối sang thị trường trường này năm 2024, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lượng nhập khẩu chuối. So với năm 2023, sản lượng xuất khẩu của Việt Nam tăng 23,7%, giúp Việt Nam vượt qua Philippines để trở thành nhà cung cấp chuối số 1 cho Trung Quốc, lần đầu tiên sau 10

năm. Với nhu cầu lớn từ thị trường thế giới cùng tiềm năng phát triển của ngành chuối tại Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu chuối được kỳ vọng có thể đạt mốc 1 tỷ USD trong thời gian tới.

❖ **Triển vọng phát triển ngành sầu riêng**

Ngành sầu riêng đang trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng nổi bật của nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu tăng nhanh, đặc biệt tại châu Á. Sầu riêng là loại trái cây có giá trị cao, với thị trường tiêu thụ tập trung chủ yếu ở Trung Quốc – quốc gia nhập khẩu lớn nhất hiện nay. Các nước xuất khẩu chính gồm Thái Lan, Việt Nam và Malaysia, trong đó Thái Lan vẫn giữ vị trí dẫn đầu với doanh thu xuất khẩu năm 2025 khoảng 4 tỷ USD (theo số liệu Bộ Thương mại Thái Lan). Tại Việt Nam, sầu riêng đã có bước phát triển mang tính đột phá trong vài năm gần đây. Từ một loại trái cây tiêu thụ nội địa, sầu riêng đã nhanh chóng vươn lên trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực và trở thành chủng loại nông sản được xuất khẩu nhiều nhất.

Bước ngoặt lớn diễn ra từ tháng 7/2022 khi Việt Nam ký kết Nghị định thư về xuất khẩu chính ngạch sầu riêng sang Trung Quốc. Chỉ trong vòng ba năm, kim ngạch xuất khẩu vượt 3,9 tỷ USD vào năm 2025, chiếm 45% thị phần xuất khẩu rau quả của Việt Nam, khẳng định sầu riêng là mặt hàng chiến lược của nông sản Việt Nam. Việt Nam hiện là quốc gia xuất khẩu sầu riêng lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Thái Lan, và đang có xu hướng thu hẹp khoảng cách nhờ tốc độ tăng trưởng nhanh. Theo số liệu Hải quan Trung Quốc, năm 2025, lần đầu tiên Việt Nam vượt qua Thái Lan về tổng lượng xuất khẩu sầu riêng tươi vào thị trường Trung Quốc. Theo số liệu này, năm 2025 Trung Quốc nhập khẩu tổng cộng 1.868.003 tấn sầu riêng từ 5 quốc gia, gồm: Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Philippines và Campuchia. Trong đó, dẫn đầu là Việt Nam với 941.004 tấn, chiếm tỉ lệ 50,37%; kế đến là Thái Lan với 920.749 tấn, chiếm tỉ lệ 49,29%. Tương tự, Philippines là 3.064 tấn, Malaysia là 3.041 tấn (cùng đạt tỉ lệ 0,16%) và Campuchia là 145 tấn (0,01%).

Sau giai đoạn tăng trưởng nhanh, ngành sầu riêng cũng đối mặt với một vài thách thức đáng kể, bao gồm sự phụ thuộc lớn vào một thị trường xuất khẩu là Trung Quốc *(theo số liệu của Cục Hải Quan, thị trường Trung Quốc chiếm tỷ trọng trên 90% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sầu riêng của Việt Nam),* yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng, truy xuất nguồn gốc, cũng như nguy cơ phát triển nóng dẫn đến dư cung và biến động giá. Do đó, để phát triển bền vững, ngành sầu riêng Việt Nam cần chuyển từ mô hình tăng trưởng theo sản lượng sang mô hình chú trọng chất lượng, tiêu chuẩn hóa và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

❖ **Triển vọng phát triển ngành dâu tằm**

Ngành dâu tằm (tơ lụa) trên thế giới là một thị trường quy mô vừa nhưng giá trị cao. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), sản lượng tơ tằm toàn cầu đạt khoảng 90.000 tấn mỗi năm, trong đó châu Á chiếm tới 90%, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ. Việt Nam hiện đang đứng thứ 3 thế giới về sản lượng tơ, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Dù chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong ngành dệt may toàn cầu (tơ tằm chiếm khoảng 0,2% tổng nguyên liệu dệt của thế giới), tơ tằm lại thuộc phân khúc cao cấp, có giá trị trên đơn vị sản phẩm cao và được thúc đẩy bởi xu hướng tiêu dùng bền vững và vật liệu tự nhiên. Theo Mordor Intelligence, quy mô thị trường tơ tằm trên toàn thế giới khoảng 5 tỷ USD và quy mô ngành tơ lụa nói chung năm 2024 là 14,6 tỷ USD.

Trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu tơ tằm của Việt Nam đạt khoảng 130 triệu USD. Triển vọng của ngành đến từ xu hướng tiêu dùng bền vững và vật liệu tự nhiên trên toàn cầu. Tuy nhiên, hạn chế lớn vẫn là sản xuất phân tán, thiếu thương hiệu mạnh và chủ yếu xuất khẩu ở dạng nguyên liệu. Do đó, dư địa phát triển nằm ở nâng cấp chuỗi giá trị, cải thiện chất lượng và xây dựng thương hiệu.

❖ **Triển vọng phát triển ngành macca**

Ngành macca tại Việt Nam đang nổi lên như một trong những ngành nông sản giá trị cao với tiềm năng xuất khẩu mạnh mẽ. Việt Nam hiện là một trong những nước xuất khẩu macca lớn tại khu vực Đông Nam Á, với thị trường chính là Trung Quốc, Úc, Nhật Bản và các nước châu Âu. Theo báo cáo của Mordor Intelligence, quy mô thị trường hạt macca được dự báo sẽ tăng từ 1,79 tỷ USD vào năm 2025 lên 1,95 tỷ USD vào năm 2026 và dự kiến sẽ đạt 3,02 tỷ USD vào năm 2031, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 9,08% trong giai đoạn 2026 – 2031.

Ngành macca Việt Nam đang hưởng lợi từ nhu cầu toàn cầu đối với các loại hạt dinh dưỡng và thực phẩm cao cấp tăng mạnh, đặc biệt trong bối cảnh người tiêu dùng ưu tiên sản phẩm tự nhiên, giàu dinh dưỡng và thân thiện môi trường. Tuy nhiên, ngành vẫn đối mặt với một số thách thức đáng kể, bao gồm chuỗi cung ứng phân tán, tiêu chuẩn chất lượng chưa đồng bộ, sự phụ thuộc lớn vào một số thị trường xuất khẩu chủ lực và khả năng cạnh tranh với các quốc gia sản xuất macca lâu đời như Úc và Mỹ.

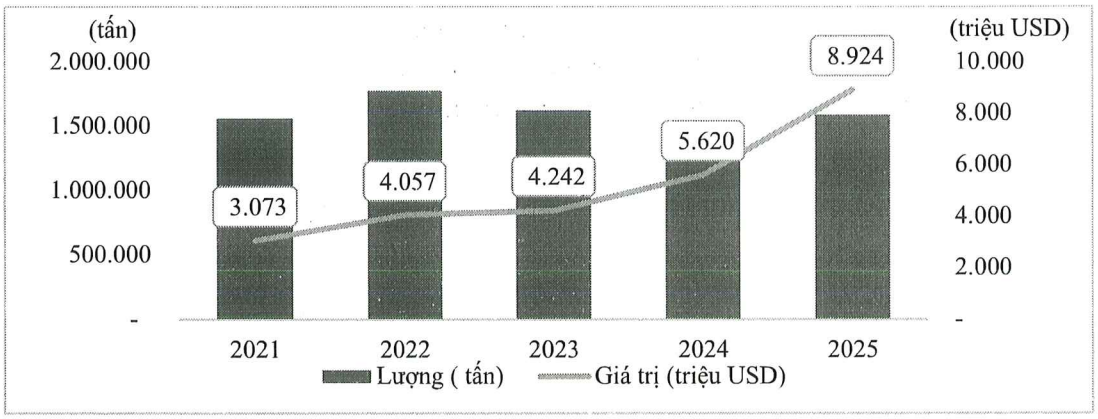
Triển vọng dài hạn của ngành nằm ở nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn xuất khẩu, mở rộng diện tích vùng trồng chất lượng cao, phát triển chế biến sâu như hạt macca rang, sữa macca và các sản phẩm giá trị gia tăng khác. Đồng thời, việc xây dựng thương hiệu macca Việt Nam trên thị trường quốc tế sẽ giúp tăng giá trị xuất khẩu, giảm rủi ro phụ thuộc thị trường đơn lẻ và củng cố vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng macca toàn cầu. Với những nền tảng này, ngành macca được kỳ vọng sẽ duy trì tăng trưởng ổn định và bền vững, trở thành một trong những sản phẩm nông nghiệp chiến lược có giá trị cao cho Việt Nam trong thập kỷ tới.

❖ **Triển vọng phát triển ngành cà phê**

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), giá trị thị trường cà phê toàn cầu đạt 176,6 tỷ USD, tiêu thụ khoảng 10,5 triệu tấn (173,9 triệu bao), mức cao nhất từ trước tới nay. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong năm 2025 tăng trưởng mạnh và thiết lập kỷ lục mới nhờ nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu gia tăng trong khi nguồn cung bị thu hẹp, tồn kho ở mức thấp tại nhiều quốc gia sản xuất lớn. Theo Tổng cục Hải Quan, sản lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt khoảng 1,59 triệu tấn, thu về hơn 8,9 tỷ USD – mức cao kỷ lục từ trước đến nay, tăng 18,3% về lượng và 58,8% về kim ngạch so với năm 2024. Việt Nam xuất khẩu cà phê sang 90 quốc gia, trong đó châu Âu và Hoa Kỳ là 2 thị trường lớn nhất. Tại châu Á, Nhật Bản là khách hàng lớn nhất của cà phê Việt Nam. Trong cơ cấu 10 thị trường lớn nhất, châu Âu vẫn là trụ cột quan trọng nhất của cà phê Việt Nam, trong đó Đức tiếp tục dẫn đầu với 231.000 tấn, kim ngạch gần 1,23 tỷ USD, tăng gần 49% về lượng và hơn 103% về giá trị.

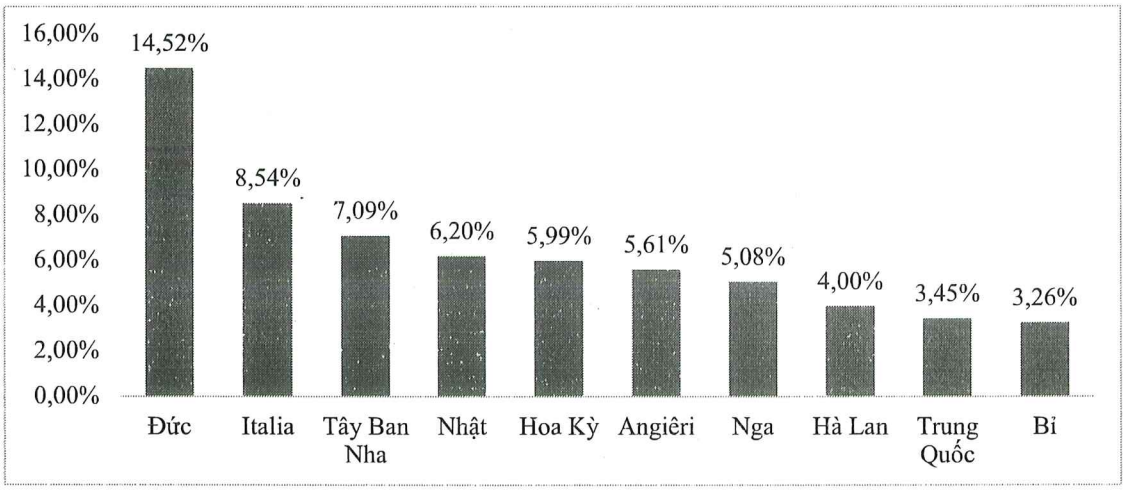
[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

Hình 15. Tổng sản lượng và giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Hình 16. Tỷ trọng top 10 thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam theo sản lượng năm 2025



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, tổng diện tích cà phê tại Việt Nam khoảng 730.000 ha, trong đó 90% là Robusta. Việt Nam cũng là nước sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 40% sản lượng cà phê Robusta toàn cầu. Trong 10 tháng năm 2025, xuất khẩu cà phê Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ở hầu hết các chủng loại. Xuất khẩu cà phê Robusta vẫn giữ vai trò chủ lực, đạt gần 1,08 triệu tấn, trị giá 5,54 tỷ USD, tăng 11,8% về lượng và 60,5% về trị giá nhờ giá xuất khẩu tăng.

Thị trường cà phê Arabica tại Việt Nam dù có quy mô khiêm tốn nhưng đang nổi lên như một phân khúc giá trị cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Hiện nay, Arabica chỉ chiếm khoảng 10% tổng sản lượng cà phê Việt Nam. Trong khi đó, trên phạm vi thế giới, theo số liệu của USDA, Arabica lại là dòng chủ đạo, chiếm khoảng 60% tổng sản lượng cà phê, cho thấy dư địa lớn để Việt Nam mở rộng thị phần nhờ xu hướng tiêu dùng cà phê cao cấp toàn cầu. Trong 10 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cà phê Arabica đạt 62,9 nghìn tấn, trị giá 416,0 triệu USD, tăng 8,2% về lượng và tăng 108,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Hỗ trợ từ Chính phủ và tổ chức: Chính phủ Việt Nam và Lào cùng các tổ chức quốc tế đang khuyến khích phát triển ngành cà phê, đặc biệt là Arabica, do tiềm năng kinh tế và khả năng nâng cao thu nhập.

Thương hiệu "Cà phê Bolaven" của Lào và thương hiệu "Cà phê Gia Lai" của Việt Nam được công nhận và ưa chuộng trên thị trường quốc tế, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm cà phê từ vùng này.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Phát Hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Chiến lược phát triển của Công ty tại Việt Nam và Lào được xây dựng dựa trên chính sách kinh tế của hai quốc gia. Tại Lào, Công ty tập trung quy hoạch các vùng chuyên canh cây ăn trái (chuối, sầu riêng) và cà phê quy mô lớn, chuyển đổi nông nghiệp truyền thống sang sản xuất hàng hóa xuất khẩu và tối ưu hạ tầng liên vận theo chủ trương thu hút FDI của Chính phủ nước Lào.

Trên bình diện quốc tế, chiến lược của Công ty phù hợp với xu hướng gia tăng nhu cầu đối với thực phẩm an toàn, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất theo tiêu chuẩn cao và phát triển bền vững. Với quỹ đất quy mô lớn đang được quản lý và khai thác tại Lào, Công ty có điều kiện chuẩn hóa quy trình canh tác và đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, giúp tối ưu chi phí và đảm bảo nguồn cung ổn định cho các thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Qua đó, Công ty không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn góp phần thúc đẩy vị thế nông sản Việt Nam trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

10.8. Hoạt động Marketing

a. Quảng cáo

Trong những năm qua, Công ty đã triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường quốc tế chuyên sâu, nhằm mục đích nhanh chóng cập nhật xu hướng tiêu dùng của người tiêu dùng, thu thập các phản hồi về sản phẩm của Công ty. Điều này cho phép Công ty có những chính sách thay đổi linh hoạt, kịp thời trong chiến lược cung ứng, đảm bảo các chính sách thương mại luôn cạnh tranh và đáp ứng kịp thời những tiêu chuẩn khắt khe nhất của thị trường

Bên cạnh đó, hoạt động quảng cáo tiếp thị của Công ty được xây dựng tập trung vào hai mục tiêu chính:

- Tăng cường sự hiện diện của sản phẩm Công ty tại các thị trường tiềm năng.
- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách quảng bá nhằm duy trì mức giá xuất khẩu ổn định, tạo lợi thế cạnh tranh tối đa cho đối tác.

Nhờ những nỗ lực đó, thương hiệu Công ty hiện nay được định vị là đơn vị cung ứng trái cây tươi chất lượng cao, đáp ứng hoàn hảo các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế, khẳng định uy tín và giá trị nông sản Việt trên bản đồ thế giới.

b. Phân phối

Hiện nay, các sản phẩm dịch vụ của Công ty được cung ứng tập trung vào thị trường xuất khẩu thông qua mạng lưới liên kết với nhiều đối tác uy tín đảm bảo đầu ra ổn định.

Hình thức phân phối chủ đạo là bán buôn (Wholesale) dựa trên các quan hệ thương mại dài hạn với đối tác. Công ty trực tiếp giao dịch với các nhà nhập khẩu quốc tế để tối ưu hóa giá trị thương mại.

Bên cạnh đó, Công ty phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận chuyển chuyên nghiệp để thiết lập quy trình vận chuyển khép kín từ vùng nguyên liệu đến các cảng xuất khẩu.

Ngoài ra, Công ty luôn có một đội ngũ chuyên trách giám sát lộ trình hàng hóa, đảm bảo tiến độ giao hàng nhanh chóng và duy trì tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình vận chuyển tới các nước xuất khẩu.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đang thực thiện các thủ tục đăng ký các nhãn hiệu với cơ quan quản lý nhà nước vì vậy đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty chưa có quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế đã được đăng ký.

Đối với các sản phẩm cây ăn trái chủ lực gồm chuối và sầu riêng, với vai trò là công ty thành viên trong hệ sinh thái của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Công ty hiện sử dụng nhãn hiệu và tên thương mại HAGL trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tận dụng uy tín, độ nhận diện thương hiệu và giá trị thương mại đã được xây dựng trên thị trường của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, nhằm phù hợp với đặc thù hoạt động thương mại quốc tế và yêu cầu của từng thị trường nhập khẩu, một số sản phẩm xuất khẩu của Công ty được phân phối dưới thương hiệu hoặc định danh riêng của đối tác nhập khẩu.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công ty định hướng hoạt động nghiên cứu – phát triển (R&D) là động lực để làm chủ công nghệ giống, tối ưu hóa quy trình canh tác và đẩy mạnh chế biến sâu. Hoạt động này nhằm gia tăng giá trị chuỗi nông sản xuất khẩu đồng thời đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật và an thực phẩm (theo Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả chuối tươi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc và Quyết định số 3015/QĐ-BNNMT ngày 04/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành "Quy trình kiểm soát an toàn thực phẩm đối với quả sầu riêng tươi xuất khẩu). Chính sách R&D của Công ty cụ thể như sau:

- Duy trì nghiên cứu và hoàn thiện các giống cây có năng suất cao kháng bệnh tốt, phù hợp thổ nhưỡng vùng trồng như giống chuối già Nam Mỹ (Cavendish);
- Áp dụng hệ thống tưới tự động; chuẩn hóa quy trình sơ chế, đóng gói theo tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo chất lượng đồng nhất trên hành trình vận chuyển dài ngày;
- Nghiên cứu canh tác theo tiêu chuẩn GlobalG.A.P và mã số vùng trồng xuất khẩu chính ngạch;

- Ứng dụng công nghệ cấp đông nhanh đối với sản phẩm sầu riêng và bảo quản lạnh tiên tiến nhằm đa dạng hóa kênh phân phối và tối ưu thời vụ;
- Nghiên cứu thị hiếu các thị trường để định hướng dòng cà phê đặc sản và quy trình chế biến sâu, thay thế xuất khẩu thô.
- Bên cạnh hoạt động trực tiếp tại nông trường, Công ty từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành văn phòng và hệ thống quản lý nội bộ. Mục tiêu là nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu luồng thông tin giữa các bộ phận vận hành và bộ phận quản lý, tạo sự liên thông trong công tác điều hành sản xuất – kinh doanh.

Hoạt động xây dựng chiến lược và kế hoạch triển khai của Công ty tập trung vào thực hiện việc nghiên cứu nhu cầu thị trường bài bản nhằm hỗ trợ cho định hướng phát triển các sản phẩm nông nghiệp của Công ty. Bên cạnh đó, các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới cũng hướng đến mục tiêu xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty ở lĩnh vực nông nghiệp. Chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty sẽ được thực hiện trong thời gian tới phù hợp với nhu cầu và tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng thời điểm.

10.11. Chiến lược kinh doanh

"Phát triển nông nghiệp quy mô lớn – Tạo giá trị bền vững cho thị trường toàn cầu".

Công ty định hướng phát triển mô hình nông nghiệp quy mô lớn với các sản phẩm chủ lực gồm chuối, sầu riêng và cà phê. Chiến lược kinh doanh tập trung vào việc phát huy lợi thế quỹ đất tập trung lớn tại Lào, nơi có điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng thuận lợi, phù hợp với các loại cây trồng giá trị cao như chuối, sầu riêng và cà phê. Đây là nền tảng quan trọng giúp nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn cho Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững và nông nghiệp tuần hoàn nhằm tối ưu nguồn lực, giảm chi phí sản xuất, ứng dụng kỹ thuật canh tác hiện đại, nâng cao năng suất và từng bước xây dựng chuỗi giá trị khép kín từ trồng trọt, thu hoạch, chế biến đến thương mại và xuất khẩu.

Ngoài ra, Công ty cũng tập trung mở rộng thị trường tiêu thụ quốc tế, hướng tới mục tiêu trở thành nhà cung cấp nông sản quy mô lớn, ổn định và đáng tin cậy cho thị trường toàn cầu. Nhu cầu tiêu thụ nông sản trên thị trường quốc tế tiếp tục duy trì ở mức cao, đặc biệt đối với chuối, sầu riêng và cà phê. Trong đó, ngành cà phê được đánh giá có tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ xu hướng tiêu dùng cà phê chất lượng cao trên toàn cầu.

Kế hoạch triển khai

Trong năm 2026, Công ty tập trung nâng cao hiệu quả các vùng trồng hiện hữu, mở rộng diện tích các cây trồng chiến lược và đầu tư hệ thống chế biến nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và tối ưu hiệu quả hoạt động.

- Đối với chuối, Công ty tiếp tục duy trì ổn định diện tích 2.670 ha, nâng cao năng suất và chất lượng để phục vụ xuất khẩu, trong đó thị trường trọng điểm là Nhật Bản và Trung Quốc.

- Đối với sầu riêng, Công ty dự kiến trồng mới 305 ha, nâng tổng diện tích lên khoảng 2.000 ha, đồng thời đầu tư nhà máy chế biến sầu riêng cấp đông và hệ thống kho lạnh tại Lào nhằm kéo dài thời gian bảo quản, nâng cao giá trị sản phẩm và giảm thiểu rủi ro mùa vụ.
- Đối với cà phê, Công ty dự kiến trồng mới 5.401 ha, nâng tổng diện tích lên khoảng 7.000 ha và đầu tư 02 nhà máy chế biến ướt quy mô lớn tại Lào nhằm kiểm soát chất lượng đồng nhất, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu quốc tế. Song song đó, Công ty định hướng xây dựng hệ sinh thái sản xuất cà phê khép kín với các công đoạn chế biến sâu như sơ chế ướt, lên men và rang xay nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Nguồn vốn

Công ty định hướng chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền dài hạn và ổn định nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các kế hoạch đầu tư chiến lược. Đồng thời, Công ty chủ động triển khai các phương án huy động vốn phù hợp để đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động và thực hiện các kế hoạch đầu tư, kinh doanh đã đề ra. Đồng thời, Công ty tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, minh bạch thông tin và hoàn thiện hệ thống vận hành nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn và tiêu chuẩn của thị trường vốn.

Nguồn lực

Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi tạo nên giá trị và nền tảng cho sự phát triển bền vững. Do đó, Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên môn cao, giàu nhiệt huyết và gắn bó lâu dài thông qua các chính sách và định hướng trọng tâm sau:

- *Thu hút và phát triển nhân tài:*

  Tập trung thu hút đội ngũ chuyên gia và nhân sự chất lượng cao trong và ngoài nước, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong lĩnh vực nông nghiệp, đồng thời xây dựng cơ chế đãi ngộ cạnh tranh nhằm tạo động lực làm việc và giữ chân nhân sự.

- *Đào tạo và nâng cao năng lực:*

  Đẩy mạnh công tác đào tạo, xem đây là nền tảng quan trọng để phát triển nguồn nhân lực bền vững. Công ty tạo điều kiện để cán bộ nhân viên tham gia các chương trình đào tạo nội bộ, chuyên sâu và cập nhật kiến thức thực tiễn nhằm nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng chuyên môn và hiệu quả công việc.

- *Xây dựng môi trường làm việc và chính sách phúc lợi:*

  Cam kết xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và tích cực; tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả kết nối và phối hợp trong công việc. Đồng thời, Công ty triển khai các chính sách phúc lợi phù hợp nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, ghi nhận và tưởng thưởng xứng đáng dựa trên hiệu quả công việc và đóng góp thực tế của từng cá nhân.

10.12. Trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và Công ty con là 330 lao động.

Bảng 14. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

STT	Tiêu chí	Năm 2024	Năm 2025
I	**Phân loại theo trình độ người lao động**	**329**	**330**
1	Đại học và trên Đại học	77	89
2	Cao đẳng/ Cao đẳng nghề	53	45
3	Trung cấp/ trung cấp nghề	26	22
4	Chưa qua đào tạo	173	174
II	**Phân loại theo thời hạn hợp đồng lao động**	**329**	**330**
1	Không xác định thời hạn	329	330
2	Xác định thời hạn	0	0
3	Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng	0	0

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

11.2.1. Về tiền lương

Công ty xây dựng chính sách tiền lương phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức lương của người lao động được xác định trên cơ sở vị trí công việc, trình độ chuyên môn, năng lực và hiệu quả công việc. Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty năm 2024 là 17.562.320 đồng, năm 2025 là 18.581.389 đồng.

Ngoài tiền lương theo hợp đồng lao động, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp và chế độ phúc lợi theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành, bao gồm các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Công ty cũng áp dụng các chính sách khen thưởng phù hợp nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

11.2.2 Về công tác đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc của người lao động.

Người lao động được tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo nội bộ và các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí công việc. Công ty khuyến khích người lao động nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển kỹ năng nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và sự phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc công bằng, tạo cơ hội phát triển và thăng tiến cho người lao động dựa trên năng lực và hiệu quả công việc.

11.2.3 Về chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định pháp luật có liên quan.

Người lao động được hưởng các chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép năm, nghỉ việc riêng và các chế độ khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định hiện hành.

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc ổn định, an toàn và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty.

11.2.4 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong các năm qua, Công ty chú trọng đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy chủ trương giữ lại lợi nhuận. Trong năm 2024 và đến tháng 11/2025, Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH và không thực hiện phân phối lợi nhuận cho các thành viên góp vốn. Từ tháng 11/2025 đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty hoạt động theo mô hình CTCP và chưa thực hiện chi trả cổ tức.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

Tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Công ty hiện đang có 01 trái phiếu chưa đáo hạn với tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá là 1.000 tỷ đồng và các hợp đồng thuê sử dụng đất như sau:

13.1. Trái phiếu chưa đáo hạn

- Mã trái phiếu: HTL12501
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành (mệnh giá): 1.000.000.000.000 đồng
- Lãi suất: 10,5%/năm
- Kỳ trả lãi: 3 tháng
- Kỳ hạn: 36 tháng
- Ngày phát hành: 08/8/2025
- Ngày đáo hạn: 08/8/2028
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức tín dụng
- Mục đích phát hành: Thực hiện chương trình đầu tư vào các dự án trồng cà phê Arabica và dâu tằm dưới hình thức hợp tác kinh doanh với các tổ chức pháp nhân.
- Đến thời điểm hiện tại, tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành theo mệnh giá là 1.000.000.000.000 đồng. Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để phát triển các dự án trồng trọt cà phê Arabica và dâu tằm ở Gia Lai, Việt Nam và Champasak, Attapeu, Lào. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

13.2. Các hợp đồng thuê đất

Tính đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (công ty mẹ) không trực tiếp ký hợp đồng thuê đất; các hợp đồng thuê đất được thực hiện bởi các công ty con.

Bảng 15. Các hợp đồng thuê đất

STT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê	Loại đất	Diện tích (ha)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng				**1.709,54**
1	Bản Pha Nua Đông, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	100,00
2	Bản Pha Nua Đông, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	50,00

STT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê	Loại đất	Diện tích (ha)
3	Bản Pha Nua Đông, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	34,00
4	Bản Pha Nua Đông, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	31,00
5	Bản Pha Nua Đông, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	29,00
6	Bản Pha Nua Đông, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	3,00
7	Bản Pha Nua Đông, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	3,00
8	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
9	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
10	Bản Nong Khuong Nhầy, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (21/01/2016 đến 21/01/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	389,48
11	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	38,10
12	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	33,30
13	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	6,70
14	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	60,00
15	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	118,20
16	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	3,90

STT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê	Loại đất	Diện tích (ha)
17	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	2,40
18	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	50,30
19	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/01/2019 đến 30/12/2048)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	3,50
20	Bản Houy Chot, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (06/10/2016 đến 06/10/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
21	Bản Houy Chot, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (01/09/2016 đến 01/09/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
22	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (06/10/2016 đến 06/10/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	74,40
23	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (06/10/2016 đến 06/10/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	43,28
24	Bản Houy Kong, Paksong, Chăm Pa Săk, Lào	30 năm (06/10/2016 đến 06/10/2046)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	35,97
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay				**2.052,93**
1	Bản Hạt Xăn, Xaysetha, Attapeu, Lào	35 năm (26/01/2021 đến 26/01/2056)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	128,00
2	Bản Hạt Xăn, Xaysetha, Attapeu, Lào	30 năm (01/2021 đến 01//2051)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	146,35
3	Bản Hạt Xăn, Xaysetha, Attapeu, Lào	35 năm (01/2021 đến 01/2056)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	149,00
4	Bản Hạt Xăn, Xaysetha, Attapeu, Lào	35 năm (14/08/2020 đến 14/08/2055)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	147,70
5	Bản Hạt Xăn, Xaysetha, Attapeu, Lào	35 năm (15/01/2021 đến 15/01/2056)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	148,00
6	Bản Hatsan, huyện Saysettha, tỉnh Attapeu, Lào	35 năm (05/06/2022 đến 05/06/2057)	Đất trồng trọt, xây nhà máy đóng gói và văn phòng Đất thuê trả tiền hằng năm	165,30

STT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê	Loại đất	Diện tích (ha)
7	Bản Hatsan, huyện Saysettha, tỉnh Attapeu, Lào	35 năm (05/06/2022 đến 05/06/2057)	Đất trồng trọt, xây nhà máy đóng gói và văn phòng Đất thuê trả tiền hằng năm	162,10
8	Bản Hatsan, huyện Saysettha, tỉnh Attapeu, Lào	35 năm (05/06/2022 đến 05/06/2057)	Đất trồng trọt, xây nhà máy đóng gói và văn phòng Đất thuê trả tiền hằng năm	1,30
9	Bản Hatsan, huyện Saysettha, tỉnh Attapeu, Lào	35 năm (05/06/2022 đến 05/06/2057)	Đất trồng trọt, xây nhà máy đóng gói và văn phòng Đất thuê trả tiền hằng năm	2,40
10	Bản Hatsan, huyện Saysetha, tỉnh Attapeu	35 năm (05/2022 đến 05/2057)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	3,90
11	Bản Hạt Xăn, Xaysetha, Attapeu, Lào	35 năm (01/2021 đến 01/2056)	Đất xây dựng văn phòng và kho	6,83
12	Bản Kaeng Nhai, Xaysetha, Attapeu, Lào	30 năm (08/02/2023 đến 08/02/2053)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
13	Bản Hạt Xan, huyện Xaysetha, tỉnh Attapeu, Lào	30 năm (10/07/2023 đến 10/07/2053)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	48,25
14	Bản Kaeng Nhai, Xaysetha, Attapeu, Lào	30 năm (10/07/2023 đến 10/07/2053)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	15,86
15	Bản Hatsan, huyện Saysetha, tỉnh Attapeu, Lào	30 năm (24/07/2023 đến 24/07/2053)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	38,22
16	Bản Kaeng Nhai, Xaysetha, Attapeu, Lào	30 năm (10/07/2023 đến 10/07/2053)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	39,72
17	Huyện Xaysetha, tỉnh Attapeu, Lào	20 năm (01/03/2025 đến 01/03/2045)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	100,00
18	Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào	20 năm (01/10/2025 đến 01/10/2045)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
19	Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào	20 năm (01/05/2025 đến 01/05/2045)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
20	Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào	20 năm (01/02/2025 đến 01/02/2045)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00

STT	Địa điểm thuê	Thời hạn thuê	Loại đất	Diện tích (ha)
21	Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào	20 năm (01/04/2025 đến 01/04/2045)	Đất trồng trọt Đất thuê trả tiền hằng năm	150,00
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven				**30,77**
1	Bản Houaykong, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào	30 năm (11/04/2022 đến 11/04/2051)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	30,77
Công ty TNHH Phát triển Nông - Lâm nghiệp Sanamxay				**980,00**
1	Bản Kaeng Nhai, Saysettha, Attapeu, Lào	50 năm (04/07/2024 đến 04/07/2074)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	896,00
2	Bản Kaeng Nhai, Saysettha, Attapeu, Lào	20 năm (01/05/2025 đến 01/05/2045)	Đất trồng trọt, chăn nuôi Đất thuê trả tiền hằng năm	84,00

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Các hợp đồng thuê đất được liệt kê ở bảng trên đều là đất trả tiền hằng năm. Vì vậy, đối với các hợp đồng thuê sau 2025, Công ty đều có nghĩa vụ trả tiền hằng năm theo quy định pháp luật của nước sở tại.

Ngoài ra, Công ty không có các cam kết nhưng chưa thực hiện khác như các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả kinh doanh năm 2025 cho kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 17/11/2025 (trước khi chuyển đổi thành CTCP) và từ ngày 18/11/2025 đến ngày 31/12/2025 (sau khi chuyển đổi thành CTCP), cụ thể như sau:

Bảng 16. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất) hai thời kỳ kế toán trong năm 2025

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 1/1/2025 đến ngày 17/11/2025	Từ ngày 18/11/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm 2025
1	Tổng giá trị tài sản	11.110.731	10.656.644	10.656.644
2	Doanh thu thuần	4.384.912	500.433	4.885.344
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.309.262	262.143	1.571.406
4	Lợi nhuận/ (lỗ) khác	(71.013)	(14.869)	(85.882)
5	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	1.238.249	247.274	1.485.524
6	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	1.238.249	247.274	1.485.524
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-
8	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu	-	-	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất GĐ 01/01/2025-17/11/2025 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11/2025-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất năm 2025. Số liệu năm 2025 được lập theo thuyết minh tại mục 2. Khái niệm và định nghĩa trên trang 22 của Bản Cáo Bạch.

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh Công ty (hợp nhất) 02 năm 2024, 2025, cụ thể như sau:

Bảng 17. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(giảm) 2024-2025	6 tháng đầu năm 2026 (*)
1	Tổng giá trị tài sản	7.614.195	10.656.644	39,96%	10.989.248
2	Doanh thu thuần	4.043.208	4.885.344	20,83%	2.185.091

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(giảm) 2024-2025	6 tháng đầu năm 2026 (*)
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	868.566	1.571.406	80,92%	796.216
4	Lợi nhuận/ (lỗ) khác	(17.031)	(85.882)	404,28%	(6.739)
5	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	851.536	1.485.524	74,45%	789.477
6	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	850.651	1.485.524	74,63%	781.826
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
8	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu	-	-	-	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất năm 2025 và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026. Số liệu năm 2025 được lập theo thuyết minh tại mục 2. Khái niệm và định nghĩa trên trang 22 của Bản Cáo Bạch

(*) BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 ("Thông tư 99").

Tổng tài sản hợp nhất của Công ty đến ngày 31/12/2025 đạt 10.657 tỷ đồng, tăng 39,96% so với cuối năm 2024. Mức tăng mạnh này đến từ việc tăng tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn tăng từ 3.987 tỷ đồng lên 6.974 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đến từ tài sản cố định tăng từ 1.627 tỷ đồng lên 2.904 tỷ đồng và tài sản dở dang dài hạn tăng từ 1.227 tỷ đồng lên 3.422 tỷ đồng.

Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2025 đạt 4.885 tỷ đồng, tăng 20,83% so với cuối năm 2024. Doanh thu từ bán trái cây đạt 4.033 tỷ đồng, tăng 49,60% so với năm 2024 và chiếm tỷ trọng 82,55% trên tổng doanh thu thuần. Doanh thu từ bán trái cây tăng cao so với năm 2024 do sản lượng tiêu thụ tăng (Chuối: sản lượng năm 2025 đạt 254.397 tấn so với mức 212.946 tấn năm 2024; Sầu riêng: sản lượng đạt 3.722 tấn so với mức 2.542 tấn năm 2024), đồng thời giá bán trái cây cũng tăng. Doanh thu bán chuối đạt 3.661 tỷ đồng, tăng 49,13% so với năm 2024, chiếm tỷ trọng 74,95%; và doanh thu bán sầu riêng đạt 368 tỷ đồng, tăng 52,83% so với năm 2024, chiếm tỷ trọng 7,53%. Năm 2025, Công ty lần đầu tiên ghi nhận doanh thu từ mảng dâu tằm, đạt 3,75 tỷ đồng. Doanh thu từ mảng kinh doanh thương mại và khác đạt 852 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,45% doanh thu thuần và giảm 36,73% so với năm 2025.

Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2025 đạt 1.987 tỷ đồng, tăng 34,08% so với năm 2024. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2025 được cải thiện lên 40,66% năm 2025 từ mức 36,67% năm 2024, trong đó chủ yếu nhờ tăng tỷ trọng đóng góp của mảng bán trái cây trong cơ cấu lợi nhuận gộp. Cụ thể, từ năm 2024 so với năm 2025, lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần từ bán chuối tăng từ

31,36% lên 36,57% và sầu riêng tăng từ 3,11% lên 3,79%. LNST năm 2025 đạt 1.486 tỷ đồng, tăng 74,62% so với năm 2024.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 2.185 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ bán trái cây và kinh doanh thương mại đạt lần lượt 1.913 tỷ đồng và 272 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lần lượt 87,56% và 12,44%. Đối với mảng bán trái cây, doanh thu bán chuối đạt 1.625 tỷ đồng, tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn nhất trên tổng doanh thu thuần, chiếm tỷ trọng 74,36% với sản lượng đạt 116.517 tấn. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu bán sầu riêng đạt 251 tỷ đồng với sản lượng 2.574 tấn, so với mức doanh thu 368 tỷ đồng và sản lượng 3.722 tấn của cả năm 2025. Trong quý 1 năm 2026, Công ty bắt đầu xuất thử nghiệm sầu riêng cấp đông sang Trung Quốc nhằm đánh giá phản ứng thị trường. Bên cạnh sầu riêng, doanh thu dâu tằm cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng với doanh thu đạt 37 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2026, so với mức 3,75 tỷ đồng của cả năm 2025. Tổng giá trị lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2026 đạt 1.067 tỷ đồng, với biên lợi nhuận gộp đạt 48,82%. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 782 tỷ đồng. Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 29,31% kế hoạch doanh thu và 43,08% kế hoạch lợi nhuận sau thuế đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Kết quả kinh doanh năm 2025 (riêng lẻ) cho kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 17/11/2025 (trước khi chuyển đổi thành CTCP) và từ ngày 18/11/2025 đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

Bảng 18. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ) hai thời kỳ kế toán trong năm 2025

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 17/11/2025	Từ ngày 18/11/2025 đến ngày 31/12/2025	Năm 2025
1	Tổng giá trị tài sản	6.136.033	6.742.612	6.742.612
2	Doanh thu thuần	2.236.473	277.289	2.513.762
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(17.702)	197.098	179.396
4	Lợi nhuận /(lỗ) khác	(8.869)	(2.870)	(11.740)
5	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(26.571)	194.228	167.657
6	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	(26.571)	194.228	167.657
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-
8	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu	-	-	-

Nguồn: BCTC Riêng lẻ GĐ 01/01-17/11/2025 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ năm 2025. Số liệu năm 2025 được lập theo thuyết minh tại mục 2. Khái niệm và định nghĩa trên trang 22 của Bản Cáo Bạch

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh Công ty (riêng lẻ) 02 năm 2024, 2025, cụ thể như sau:

Bảng 19. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/Giảm 2024-2025	6 tháng đầu năm 2026 (*)
1	Tổng giá trị tài sản	4.252.060	6.742.612	58,57%	6.957.042
2	Doanh thu thuần	2.306.806	2.513.762	8,97%	896.980
3	Lợi nhuận từ HĐKD	(94.364)	179.396	-	533.978
4	Lợi nhuận/(lỗ) khác	(12.371)	(11.740)	-	(5.561)
5	Lợi nhuận trước thuế	(106.735)	167.657	-	528.417
6	Lợi nhuận sau thuế	(107.620)	167.657	-	520.766
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
8	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu	-	-	-	-

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ năm 2025 và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026. Số liệu năm 2025 được lập theo thuyết minh tại mục 2. Khái niệm và định nghĩa trên trang 22 của Bản Cáo Bạch

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Tổng tài sản theo BCTC riêng lẻ của Công ty đến ngày 31/12/2025 đạt 6.743 tỷ đồng, tăng 58,57% so với cuối năm 2024, trong đó chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng từ 3.582 tỷ đồng tại 31/12/2024 lên 5.499 tỷ đồng tại 31/12/2025. Doanh thu thuần của Công ty theo BCTC riêng lẻ năm 2025 đạt 2.514 tỷ đồng, tăng 8,97% so với cuối năm 2025. Trong đó, doanh thu từ bán trái cây đạt 1.415 tỷ đồng, tăng 45,29% so với năm 2024; ngược lại doanh thu từ mảng kinh doanh thương mại và khác đạt 1.099 tỷ đồng, giảm 17,57% so với năm 2024. Lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 398 tỷ đồng, tăng 7,76% so với năm 2024. LNST đạt 168 tỷ đồng năm 2025 so với mức lỗ 108 tỷ đồng năm 2024. Công ty mẹ ghi nhận doanh thu thuần đạt 897 tỷ đồng với LNST đạt 521 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2026.

Các chỉ tiêu khác để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh: Không có.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

a. Những nhân tố thuận lợi

- **Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên ưu đãi:** Công ty hiện đang triển khai các hoạt động đầu tư và phát triển các dự án nông nghiệp quy mô lớn tại Lào, nơi có điều kiện thổ nhưỡng tốt, đất đai màu mỡ. Chẳng hạn như cao nguyên Bolaven, là khu vực núi lửa cổ, với đất đỏ bazan giàu khoáng chất, khả năng thoát nước tốt nhưng vẫn giữ ẩm hiệu quả, rất phù hợp cho các loại cây trồng giá trị cao như chuối, sầu riêng và cà phê. Điều kiện thổ nhưỡng thuận lợi này giúp cây sinh trưởng tốt, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và tạo nền tảng cho phát triển nông nghiệp bền vững trong dài hạn.

- **Nhu cầu thị trường xuất khẩu lớn:** Nhu cầu tiêu thụ nông sản trên thị trường quốc tế tiếp tục duy trì ở mức cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu của Công ty. Theo thống kê của Hải Quan Trung Quốc, Việt Nam xuất khẩu gần 625 nghìn tấn chuối sang thị trường này năm 2024, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lượng nhập khẩu chuối. Với nhu cầu lớn từ thị trường thế giới cùng tiềm năng phát triển của ngành chuối tại Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu chuối được kỳ vọng có thể đạt mốc 1 tỷ USD trong thời gian tới.

  Ngoài ra, sầu riêng đang trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng nổi bật của nông sản Việt Nam trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu tăng nhanh, đặc biệt tại châu Á. Sầu riêng là loại trái cây có giá trị cao, với thị trường tiêu thụ tập trung chủ yếu ở Trung Quốc – quốc gia nhập khẩu lớn nhất hiện nay. Trong năm 2025, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng vượt 3,9 tỷ USD vào năm 2025, chiếm 45% thị phần xuất khẩu rau, quả của Việt Nam, khẳng định sầu riêng là mặt hàng chiến lược của nông sản Việt Nam.

  Đối với mảng cà phê, thương hiệu "Cà phê Bolaven" của Lào được công nhận và ưa chuộng trên thị trường quốc tế, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm cà phê từ vùng này. Trên phạm vi thế giới, theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), cà phê Arabica là dòng chủ đạo, chiếm khoảng 60% tổng sản lượng cà phê, cho thấy dư địa lớn để Công ty mở rộng thị phần nhờ xu hướng tiêu dùng cà phê cao cấp toàn cầu. Theo số liệu của USDA, giá trị thị trường cà phê toàn cầu năm 2025 đạt 176,6 tỷ USD, tiêu thụ khoảng 10,5 triệu tấn (173,9 triệu bao), mức cao nhất từ trước tới nay.

- **Chính sách hỗ trợ từ Nhà nước và xu hướng phát triển nông nghiệp bền vững:** Công ty đang tận dụng các ưu đãi từ Chính phủ Việt Nam và Lào, bao gồm tín dụng ưu đãi cho nông nghiệp công nghệ cao, giảm thủ tục hành chính, hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất.

  Chiến lược phát triển nông nghiệp hữu cơ và bền vững của Công ty phù hợp với xu hướng gia tăng nhu cầu đối với thực phẩm an toàn, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất theo tiêu chuẩn cao và phát triển bền vững. Với quỹ đất quy mô lớn đang được quản lý và khai thác tại Lào, Công ty có điều kiện chuẩn hóa quy trình canh tác và đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tối ưu chi phí và đảm bảo nguồn cung ổn định cho các thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.

b. Những nhân tố bất lợi

- **Biến đổi khí hậu:** Thời tiết bất thường, nhiệt độ tăng cao và suy giảm mực nước ngầm có thể dẫn đến hạn hán, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng cây trồng. Ngoài ra, hiện tượng mưa trái mùa có thể làm gián đoạn quá trình sinh trưởng, điển hình như gây hư hại hoa cà phê, làm giảm tỷ lệ đậu quả hoặc ảnh hưởng đến chất lượng sầu riêng.

  Đặc điểm chu kỳ sinh trưởng dài của các cây trồng lâu năm như sầu riêng và cà phê đòi hỏi thời gian đầu tư kéo dài trước khi tạo ra dòng tiền. Điều này làm gia tăng rủi ro về hiệu quả đầu tư trong trường hợp điều kiện tự nhiên không thuận lợi hoặc quy trình canh tác không đạt kỳ vọng, qua đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn và lợi nhuận của Công ty.

- **Áp lực cạnh tranh và điều kiện xuất khẩu:** Đối với thị trường xuất khẩu, Công ty cạnh tranh gay gắt với các nguồn hàng từ các cường quốc sầu riêng như Thái Lan, Malaysia. Sự cạnh tranh về giá bán, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, cũng như các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc ngày càng khắt khe từ các thị trường xuất khẩu có thể ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

  Công ty đã và đang tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp bền vững, mở rộng thị trường xuất khẩu và xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác chiến lược nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty được thành lập và đăng ký lần đầu ngày 12/10/2016 với VĐL ban đầu là 100 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/6/2026, VĐL của Công ty đã được nâng lên 1.685 tỷ đồng, phản ánh quá trình tăng trưởng quy mô vốn và năng lực tài chính theo từng giai đoạn phát triển.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty duy trì việc quản trị vốn hiệu quả, đảm bảo phân bổ nguồn lực tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Công ty đã thực hiện điều chỉnh VĐL 05 lần nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh và tối ưu cấu trúc vốn. Song song đó, Công ty chủ động sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức hợp lý để gia tăng quy mô hoạt động, đầu tư phát triển các dự án trồng trọt như chuối, sầu riêng, dâu tằm, macca, cà phê cũng như bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh của Công ty được trình bày chi tiết như bảng dưới đây:

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

Bảng 20. Chi tiết vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/ (giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
I	**Vay ngắn hạn**	**2.120.583**	**2.501.520**	**17,96%**	**2.686.882**
II	**Vay dài hạn**	**785.432**	**1.471.680**	**87,37%**	**1.666.644**
III	**Vốn chủ sở hữu**	**2.420.338**	**4.122.930**	**70,35%**	**5.180.010**
1	Vốn cổ phần	1.285.000	1.685.000	31,13%	1.685.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(661.678)	(843.057)	-	(719.989)
6	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.797.016	3.280.987	82,58%	4.056.334
8	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	152.186	-	158.665

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Bảng 21. Chi tiết vốn kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
I	**Vay ngắn hạn**	**1.610.484**	**1.990.668**	**23,61%**	**2.198.970**
II	**Vay dài hạn**	**718.485**	**1.399.668**	**94,81%**	**1.613.882**
III	**Vốn chủ sở hữu**	**901.378**	**1.469.035**	**62,98%**	**1.989.801**
1	Vốn cổ phần	1.285.000	1.685.000	31,13%	1.685.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
6	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(383.622)	(215.965)	-	304.801
8	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Bảng 22. Tình hình sử dụng vốn của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
1	Tiền	132.159	23.060	50.805
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	1.461.818
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.279.920	3.205.822	1.052.551
4	Hàng tồn kho	165.934	382.778	114.918
5	Tài sản sinh học ngắn hạn	-	-	257.194
6	Tài sản ngắn hạn khác	48.521	71.186	48.073
7	Các khoản phải thu dài hạn	627.375	-	1.814
8	Tài sản cố định	1.627.205	2.903.722	3.057.989
9	Tài sản dở dang dài hạn	1.226.858	3.422.182	4.305.574
10	Tài sản sinh học dài hạn	-	-	1.272
11	Đầu tư tài chính dài hạn	315.241	321.399	315.241
12	Tài sản dài hạn khác	190.982	326.494	321.999

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

(*) BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Bảng 23. Tình hình sử dụng vốn của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
1	Tiền	124.119	2.870	38.422
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	2.474.456
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.374.447	4.628.619	2.176.264
4	Hàng tồn kho	59.489	112.099	68.460
5	Tài sản ngắn hạn khác	23.459	18.309	37.793
6	Các khoản phải thu dài hạn	31.549	-	-
7	Tài sản cố định	50.403	44.952	42.312
8	Tài dở dang dài hạn	-	-	116
9	Đầu tư tài chính dài hạn	588.038	1.932.507	2.116.182
10	Tài sản dài hạn khác	556	3.254	3.036

Nguồn BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

2.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

➢ **Tài sản cố định hữu hình**

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
2	Máy móc thiết bị	3 – 20 năm
3	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	6 – 25 năm
4	Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
5	Vườn cây ăn quả	20 năm
6	Quyền sử dụng đất	20 năm
7	Phần mềm máy tính	5 – 8 năm
8	Tài sản khác	8 – 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

➢ **Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Vườn cây ăn quả

Ban Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

(i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0109/2024/QĐ-HAGL ngày 01 tháng 09 năm 2024 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác là 20 năm.

(ii) Khấu hao đối với vườn cây sầu riêng được thực hiện dựa trên Quyết định số 109/QĐ-HAGL ngày 01 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây sầu riêng theo chu kỳ khai thác là 20 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của nhóm Công ty mà các dự án này chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển, cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định, tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (đã được sửa đổi, bổ sung tuỳ từng thời điểm). Chính sách khấu hao của Công ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi và đúng quy định pháp luật.

2.1.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty năm 2025 đạt 18,58 triệu đồng/người/tháng. Căn cứ số liệu của Tổng cục thống kê (nay là Cục thống kê - Bộ Tài chính) thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2024 và 2025 lần lượt là 5,4 triệu đồng/người/tháng và 5,9 triệu đồng/người/tháng. Theo đó, mức thu nhập bình quân của người lao động của HGI được đánh giá là tương đối cao so với mặt bằng chung.

Bảng 24. Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	17,56	18,58

Nguồn: CTCP Đầu Tư Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai

Thu nhập bình quân của người lao động của Công ty (Hợp nhất) trong năm 2024, năm 2025 lần lượt là: 17,56 triệu đồng/người/tháng và 18,58 đồng/người/tháng.

Dựa vào tổng số lượng nhân viên và chi phí nhân công được trình bày tại BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của một số doanh nghiệp cùng ngành như CTCP Nafoods Group, CTCP Tập đoàn PAN, CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa, CTCP Cao su Đắk Lắk và CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, mức thu nhập bình quân của người lao động tại Tổ Chức Phát Hành được xem là cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành, cụ thể như sau:

Công ty	Năm 2024			Năm 2025		
	Số lượng nhân viên	Chi phí nhân công (triệu đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)	Số lượng nhân viên	Chi phí nhân công (triệu đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)
CTCP Nafoods Group	1.395	182.954	10,93	1.480	233.846	13,17
CTCP Tập đoàn PAN	10.850	2.009.599	15,43	10.349	1.970.274	15,87
CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa (*)	2.499	748.719	24,97	2.651	944.764	29,70
CTCP Cao su Đắk Lắk	5.084	396.078	6,49	2.659	307.417	9,63

Công ty	Năm 2024			Năm 2025		
	Số lượng nhân viên	Chi phí nhân công (triệu đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)	Số lượng nhân viên	Chi phí nhân công (triệu đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)
CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	2.156	429.693	16,61	1.999	436.087	18,18

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 kiểm toán của các công ty

(*) CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa có niên độ tài chính từ 1/7 – 30/6 nên số liệu được căn cứ trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024

2.1.3 Tình hình công nợ

Bảng 25. Tình hình công nợ Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
1	Tổng nợ phải thu	3.907.295	3.205.822	2.516.183 (**)
2	Tổng nợ phải trả	5.193.858	6.381.527	5.809.238

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026

(**) Tổng nợ phải thu bao gồm các Các khoản phải thu ngắn hạn, Các khoản phải thu dài hạn. và khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo Thông tư 99/2025/TT-BTC.

Bảng 26. Tình hình công nợ Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
1	Tổng nợ phải thu	3.405.996	4.628.619	4.650.720 (**)
2	Tổng nợ phải trả	3.350.681	5.273.577	4.967.240

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

(**) Tổng nợ phải thu bao gồm các Các khoản phải thu ngắn hạn, Các khoản phải thu dài hạn. và khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo Thông tư 99/2025/TT-BTC.

2.1.4 Các khoản phải thu

Bảng 27. Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
I	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	-	-	-	**1.461.818 (**)**
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	1.340.244
2	Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	121.573
II	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**3.279.920**	**3.205.822**	**-2,26%**	**1.052.551**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	826.367	452.816	-45,20%	418.649
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	855.813	258.706	-69,77%	212.369
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.502.728	807.193	-46,28%	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	215.047	1.687.107	684,53%	421.533
5	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(120.036)	-	-	-
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	-
III	**Các khoản phải thu dài hạn**	**627.375**	-	-	**1.814**
1	Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	627.375	-	-	1.814
	Tổng cộng	**3.907.295**	**3.205.822**	**-17,95%**	**2.516.183**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

(**) Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 tại báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2025 (được trình bày lại)	30/6/2026 (*)
1	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**	-	**1.662.786**	**1.662.786**	**1.340.244**
	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	-	801.000	801.000	801.000
	Cho vay tổ chức, cá nhân	-	807.193	807.193	350.058
	Cho vay bên liên quan	-	-	-	107.158
	Lãi từ Hợp đồng HTKD	-	32.319	32.319	77.998
	Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	-	22.273	22.273	4.029
2	**Đầu tư ngắn hạn khác**	-	**376.922**	**376.922**	**121.573**
	Phải thu HTKD bên liên quan	-	96.848	96.848	121.573
	Phải thu HTKD bên thứ ba		280.074	280.074	-
3	**Phải thu về cho vay ngắn hạn**	**807.193**	**(807.193)**	**-**	**-**
	Cho vay tổ chức, cá nhân	807.193	(807.193)	-	-
4	**Phải thu ngắn hạn khác**	**1.687.107**	**(1.232.515)**	**454.593**	**421.533**
	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	1.177.922	(1.177.922)	-	-
	Lãi từ Hợp đồng HTKD	32.319	(32.319)	-	-
	Cấn trừ công nợ	444.654	0	444.654	416.612
	Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	22.273	(22.273)	-	-
	Các khoản khác	9.939	0	9.939	4.921

Nguồn: BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Bảng 28. Các khoản phải thu của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/ (giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
I	**Đầu tư tài chính ngắn hạn khác**	-	-	-	**2.474.456 (**)**
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	2.474.456
II	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**3.374.447**	**4.626.326**	**37,17%**	**2.176.264**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	702.089	417.750	-40,50%	623.169
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	901.828	273.032	-69,72%	570.183
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.518.877	543.173	-64,24%	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	435.192	3.394.664	680,04%	982.912
5	Dự phòng các khoản phải thu Ngắn hạn khó đòi	(183.539)	-	-	-
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	-
III	**Các khoản phải thu dài hạn**	**31.549**	-	-	-
1	Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	31.549	-	-	-
	Tổng cộng	**3.405.996**	**4.628.619**	**35,90%**	**4.650.720**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

(**) Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 tại báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2025 (được trình bày lại)	30/6/2026
1	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**	-	**1.809.696**	**1.809.696**	**2.474.456**
	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	-	1.178.000	1.178.000	1.178.000
	Cho vay tổ chức, cá nhân	-	543.173	543.173	1.144.382
	Lãi từ Hợp đồng HTKD	-	39.921	39.921	107.100
	Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	-	48.602	48.602	44.975
2	**Phải thu về cho vay ngắn hạn**	**543.173**	**(543.173)**	-	-
	Cho vay tổ chức, cá nhân	543.173	(543.173)	-	-
3	**Phải thu ngắn hạn khác**	**3.394.664**	**(1.266.523)**	**2.128.141**	**982.912**
	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	1.178.000	(1.178.000)	-	-
	Lãi từ Hợp đồng HTKD	39.921	(39.921)	-	-
	Cấn trừ công nợ	1.880.109	-	1.880.109	282.351
	Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	48.602	(48.602)	-	-
	Phải thu cổ tức từ các bên liên quan	246.940	-	246.940	696.940
	Các khoản khác	1.092	-	1.092	3.621

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Theo BCTC hợp nhất, tổng các khoản phải thu (ngắn hạn và dài hạn) của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 đạt 3.206 tỷ đồng, giảm 17,95% so với cuối năm 2024. Mức giảm chủ yếu đến từ mức giảm của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (giảm 45,20%), trả trước cho người bán ngắn hạn (giảm 69,77%) và phải thu về cho vay ngắn hạn (giảm 46,28%). Tại ngày 31/12/2025, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên thứ ba đạt 807 tỷ đồng. Đây là các khoản cho bên thứ ba vay có tài sản đảm bảo với thời hạn hoàn trả trong năm 2026 và hưởng lãi suất 7,95% - 12%/năm. Đến ngày 30/6/2026, Công ty đã tiến hành thu hồi xong các khoản phải thu về cho vay bên thứ ba trị giá 807 tỷ đồng này.

Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2025, khoản thu ngắn hạn khác tăng lên 1.687 tỷ đồng từ mức 215 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024, trong đó chủ yếu đến từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (HTKD) với giá trị 1.178 tỷ đồng nhằm mục tiêu phát triển các dự án trồng cà phê Arabica, dâu tằm và trồng trọt khác tại tỉnh Gia Lai – Việt Nam và các tỉnh Champasak, tỉnh Attapeu – Lào.

Tại ngày 30/6/2026, các khoản Hợp đồng HTKD này được trình bày lại tại mục Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 801 tỷ đồng và Đầu tư ngắn hạn khác với giá trị 122 tỷ đồng.

Tiến độ thực hiện các Hợp đồng HTKD đến thời điểm 30/6/2026 như sau:

STT	Thông tin Hợp đồng HTKD	Mục tiêu Hợp đồng HTKD	Giá trị tại ngày 31/12/2025 (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện
1	Hợp đồng HTKD số 02/2025/HĐHTKD/HTL-GSLP ngày 24/7/2025	Phát triển dự án trồng 500 hecta cà phê Arabica.	326.000	Đã trồng đủ diện tích theo Hợp đồng
2	Hợp đồng HTKD số 01/2025/HĐHTKD/HTL-CNGL ngày 24/7/2026	Hợp tác để trồng 200 hecta cà phê Arabica và 300 hecta dâu tằm	295.000	Đã trồng đủ diện tích theo Hợp đồng
3	Hợp đồng HTKD số 01/05/25KX-DTBLV ngày 1/5/2025	Phát triển trồng trọt và kinh doanh sinh lợi trên tổng diện tích 150 hecta.	191.874	Đã trồng đủ diện tích theo Hợp đồng và đã hoàn tất thu hồi khoản HTKD
4	Hợp đồng HTKD số 03/2025/HĐHTKD/HTL-BLV ngày 24/7/205	Phát triển dự án trồng 350 hecta cà phê Arabica.	180.000	Đã trồng đủ diện tích theo Hợp đồng
5	Hợp đồng HTKD ngày 1/11/2022	Phát triển trồng trọt và kinh doanh sinh lợi trên tổng diện tích 152,2 hecta.	96.848	Đã trồng đủ diện tích theo Hợp đồng
6	Hợp đồng HTKD số 01/07/25KX-MCCF ngày 1/7/2025	Phát triển trồng trọt và kinh doanh sinh lợi trên tổng diện tích 150 hecta	88.200	Đã trồng đủ diện tích theo Hợp đồng và đã hoàn tất thu hồi khoản HTKD
Tổng cộng			**1.177.922**	

Nguồn: CTCT Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Các dự án phát triển theo Hợp đồng HTKD nêu trên được Công ty đánh giá kỹ lưỡng trên cơ sở tư vấn của các đối tác uy tín, đồng thời, tiến độ thực hiện dự án và dòng tiền được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng đúng mục đích. Đến thời điểm hiện tại, các dự án này đang được các bên thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch đã phê duyệt. Vì vậy, khả năng thu hồi gốc và lãi đối với các hợp đồng HTKD là khả thi cũng như rủi ro phát sinh nếu các dự án không đạt tiến độ/kết quả dự kiến là rất thấp.

Việc lập BCTC của Công ty và các Công ty nhận vốn HTKD đảm bảo tuân thủ theo chuẩn mực Thông tư 200/2014/TT-BTC (cho năm tài chính trước 01/01/2026) và Thông tư 99/2025/TT-BTC (cho năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026) và theo đúng quy định tại nước sở tại.

Ngoài ra, tại ngày 31/12/2025 theo BCTC riêng lẻ, Công ty có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là 543 tỷ đồng. Đây là khoản cho vay các công ty con bao gồm CTCP Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai (tỷ lệ sở hữu 99%) và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (tỷ lệ sở hữu 100%) có tài sản đảm bảo và thời hạn hoàn trả trong năm 2026 và hưởng lãi suất 7,68 – 8,75%/năm. Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con, trong đó, Công ty mẹ đóng vai trò chủ lực trong việc huy động nguồn vốn và điều phối nguồn vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc Công ty mẹ cho vay các Công ty con nhằm triển khai trực tiếp sản xuất và đóng góp chung vào kết quả kinh doanh của cả hệ thống. Phần chênh lệch lãi suất (nếu có) giữa chi phí huy động vốn của Công ty mẹ và lãi suất cho công ty con vay lại là nhằm hỗ trợ các công ty con ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh và được Công ty mẹ chi trả và tính vào chi phí chung.

2.1.5 Các khoản phải trả

Bảng 29. Các khoản phải trả Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
I	**Nợ ngắn hạn**	**4.210.654**	**3.602.493**	**-14,44%**	**3.839.162**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	817.021	711.127	-12,96%	645.219
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	370.455	163.387	-55,90%	239.680
3	Thuế và các khoản phải nộp	392	448	14,52%	2.772
4	Phải trả người lao động	11.444	23.701	107,10%	14.985
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	150.667	167.390	11,10%	169.492
6	Phải trả ngắn hạn khác	740.092	34.919	-95,28%	80.134
7	Vay ngắn hạn	2.120.583	2.501.520	17,96%	2.686.882
II	**Nợ dài hạn**	**983.204**	**2.779.034**	**182,65%**	**1.970.076**
1	Chi phí phải trả dài hạn	37.594	75.815	101,67%	93.275
2	Phải trả dài hạn khác	160.178	1.226.004	665,40%	204.621
3	Vay dài hạn	785.432	1.471.680	87,37%	1.666.644

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	5.536	-	5.536
	Tổng cộng	**5.193.858**	**6.381.527**	**22,87%**	**5.809.238**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Bảng 30. Các khoản phải trả Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	30/6/2026 (*)
I	**Nợ ngắn hạn**	**2.434.424**	**2.784.429**	**14,38%**	**3.081.646**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	625.224	542.775	-13,19%	454.847
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	37.184	103.478	178,29%	214.944
3	Thuế và các khoản phải nộp	122	6	-94,98%	2.536
4	Phải trả người lao động	611	751	22,88%	799
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	12.409	28.724	131,48%	31.521
6	Phải trả ngắn hạn khác	148.390	118.026	-20,46%	178.029
7	Vay ngắn hạn	1.610.484	1.990.668	23,61%	2.198.970
II	**Nợ dài hạn**	**916.257**	**2.489.148**	**171,66%**	**1.885.594**
1	Chi phí phải trả dài hạn	37.594	50.706	34,88%	64.890
2	Phải trả dài hạn khác	160.178	1.038.774	548,51%	206.822
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	718.485	1.399.668	94,81%	1.613.882
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
	Tổng cộng	**3.350.681**	**5.273.577**	**57,39%**	**4.967.240**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Theo BCTC hợp nhất, tổng các khoản nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn ghi nhận 6.382 tỷ đồng tại 31/12/2025, tăng 22,87% so với 31/12/2024. Trong đó, tổng khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn ghi nhận 3.973 tỷ đồng tại 31/12/2025, chiếm 62,25% tổng nợ phải trả và tăng 36,72% so với 31/12/2024.

2.1.6 Tình hình thanh toán các khoản nợ

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành (công ty mẹ) đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

Bảng 31. Chi tiết dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
I	**Vay ngắn hạn**	**2.120.583**	**2.501.520**	**2.686.882**
1	Vay ngắn hạn ngân hàng	1.766.837	2.168.101	2.387.465
2	Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	342.746	333.418	292.787
3	Vay ngắn hạn khác	11.000	-	-
4	Vay ngắn hạn bên liên quan	-	-	6.629
II	**Vay dài hạn**	**785.432**	**1.471.680**	**1.666.644**
1	Vay dài hạn từ bên liên quan	756.484	472.012	672.190
2	Vay dài hạn ngân hàng	15.462	-	-
3	Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác	13.485	12.335	7.935
4	Trái phiếu thường trong nước	-	987.332	986.518
	Tổng nợ vay	**2.906.015**	**3.973.199**	**4.353.526**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Bảng 32. Chi tiết dư nợ vay của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
I	**Vay ngắn hạn**	**1.610.484**	**1.990.668**	**2.198.970**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
1	Vay ngắn hạn từ ngân hàng	1.599.484	1.961.247	2.169.548
2	Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả	-	29.421	29.421
3	Vay đơn vị khác	11.000	-	-
II	**Vay dài hạn**	**718.485**	**1.399.668**	**1.613.882**
1	Vay các bên liên quan	705.000	400.000	619.428
2	Vay các đơn vị khác	13.485	12.335	7.935
3	Trái phiếu thường trong nước	-	987.332	986.518
	Tổng nợ vay	**2.328.970**	**3.390.336**	**3.812.852**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Đối với khoản vay Trái phiếu, Công ty hiện đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư. Tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành theo mệnh giá là 1.000.000.000.000 đồng.

Bảng 33. Chi tiết tình hình thanh toán gốc, lãi năm trong 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 (mã trái phiếu: HTL12501)

ĐVT: Triệu Đồng

Ngày thanh toán dự kiến	Thanh toán lãi		
	Số tiền phải thanh toán trong kỳ	Số tiền đã thanh toán trong kỳ	Ngày thanh toán thực tế (*)
08/11/2025	26.466	26.466	10/11/2025
08/02/2026	26.466	26.466	09/02/2026
08/05/2026	25.603	25.603	08/5/2026

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

(*) Ngày thanh toán thực tế đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán dự kiến vào ngày không làm việc)

Theo BCTC Hợp nhất tại 31/12/2025, các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan đạt mức 472 tỷ đồng so với mức 756 tỷ đồng tại 31/12/2024, bao gồm 02 khoản vay từ: HAGL 400 tỷ đồng với lãi suất 7,675%/năm và khoản vay từ bà Hồ Thị Kim Chi với lãi suất 10,0%/năm.

2.1.7 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc hạch toán đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp đối với các khoản Thuế giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân và các khoản thuế, phí phải nộp khác theo quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 34. Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.440
4	Thuế thu nhập cá nhân	287	448	332
5	Các loại thuế, phí khác	105	-	-
	Tổng cộng	**392**	**448**	**2.772**

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán, BCTC Hợp nhất GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Bảng 35. Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026 (*)
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	17	6	96
5	Các loại thuế, phí khác	105	-	2.440
	Tổng cộng	**122**	**6**	**2.536**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán, BCTC Riêng lẻ GĐ 18/11-31/12/2025 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

(*) BCTC Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

2.1.8 Trích lập các quỹ

Không có.

2.1.9 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	Lần	0,86	1,02
- Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,82	0,92
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,60
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,15	1,49
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	Vòng	0,59	0,53
- Vòng quay Vốn lưu động: *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)*	Vòng	1,19	1,34
- Vòng quay hàng tồn kho: *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	Vòng	17,12	10,57
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)*	%	21,04%	30,41%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): *(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)*	%	12,48%	16,26%
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE) *(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)*	%	43,26%	44,37%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ Cổ phiếu	6.620	10.004

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán và BCTC Hợp nhất năm 2025

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty (Hợp nhất)

Khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,02 lần và 0,92 lần năm 2025, tăng nhẹ so với mức 0,86 lần và 0,82 lần ở năm 2024. Mức hệ số tăng lên mức 1 lần cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn đang cải thiện, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát rủi ro thanh khoản.

Cơ cấu vốn

Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản giảm từ 0,68 lần năm 2024 xuống 0,60 lần năm 2025, trong khi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giảm từ 2,15 lần năm 2024 xuống 1,49 lần năm 2025. Sự cải thiện này thể hiện nỗ lực tối ưu hóa cơ cấu vốn, giảm dần mức độ phụ thuộc vào nợ vay và tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu.

Năng lực hoạt động

Vòng quay vốn lưu động cải thiện từ 1,19 vòng năm 2024 lên 1,34 vòng năm 2025, cho thấy tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn để tạo ra doanh thu đang được tối ưu hóa.

Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 0,59 vòng năm 2024 xuống 0,53 vòng năm 2025 và vòng quay hàng tồn kho từ 17,12 vòng giảm xuống 10,57 vòng.

Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời tiếp tục được cải thiện với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS) tăng từ 21,04% năm 2024 lên 30,41% năm 2025, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROA) tăng từ 12,48% năm 2024 lên 16,26% năm 2025, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng nhẹ từ 43,26% năm 2024 lên 44,37% năm 2025. Thu nhập trên cổ phần (EPS) đạt mức tăng đáng kể từ 6.620 đồng năm 2024 lên 10.004 đồng năm 2025.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty: Không có.

Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	ĐVt	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	Lần	1,47	1,71
- Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,45	1,67
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,79	0,78
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,72	3,59

Chỉ tiêu	ĐVt	Năm 2024	Năm 2025
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	Vòng	0,56	0,46
- Vòng quay Vốn lưu động: *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)*	Vòng	0,66	0,60
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	38,84	24,66
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)*	%	-4,67%	6,67%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA): *(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)*	%	-2,59%	3,05%
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE) *(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)*	%	-11,27%	14,15%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ Cổ phiếu	(838)	1.129

Nguồn: BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán và BCTC Riêng lẻ năm 2025

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty (Riêng lẻ)

Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều cải thiện, lần lượt tăng từ 1,47 lần và 1,45 lần lên 1,71 lần và 1,67 lần vào năm 2025.

Cơ cấu vốn

Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản duy trì ổn định ở mức 0,78 lần, trong khi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm nhẹ từ 3,72 lần năm 2024 xuống 3,59 lần năm 2025.

Năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu vòng quay tài sản duy trì ổn định dù có giảm nhẹ: vòng quay tổng tài sản từ 0,56 vòng năm giảm xuống 0,46 vòng năm 2025, vòng quay vốn lưu động từ 0,66 vòng năm 2024 xuống 0,60 vòng năm 2025, và vòng quay hàng tồn kho giảm từ 38,84 vòng xuống còn 24,66 vòng.

Khả năng sinh lời

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt về hiệu quả kinh doanh của Công ty với sự lội ngược dòng ở tất cả các chỉ tiêu sinh lời. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS) đạt 6,67%, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 3,05% và đặc biệt tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 14,15%.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập năm 2024

BCTC Hợp nhất năm 2024 kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*.

Vấn đề cần nhấn mạnh: *"Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 584.120.524 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này."*.

BCTC Riêng lẻ năm 2024 kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tinh hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."*.

Vấn đề cần nhấn mạnh: *"Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 107.619.817 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 383.621.555 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này."*.

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập năm 2025

BCTC Hợp nhất năm 2025 kiểm toán

- **Kỳ kế toán từ ngày 1/1/2025 – 17/11/2025**

Ý kiến của Kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 17 tháng 11 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*.

Vấn đề cần nhấn mạnh: *"Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 (là ngày cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức sở hữu là công ty trách nhiệm hữu hạn). Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.*

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.".

- **Kỳ kế toán từ ngày 18/11/2025 – 31/12/2025**

Ý kiến của Kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*.

Vấn đề cần nhấn mạnh: *"Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất là từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 (là ngày Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.*

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.".

BCTC Riêng lẻ năm 2025 kiểm toán

- **Kỳ kế toán từ ngày 1/1/2025 – 17/11/2025**

Ý kiến của Kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 17 tháng 11 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."*.

Vấn đề cần nhấn mạnh: *"Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 (là ngày cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức sở hữu là công ty trách nhiệm hữu hạn). Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.*

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.".

- **Kỳ kế toán từ ngày 18/11/2025 – 31/12/2025**

Ý kiến của Kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.*

Vấn đề cần nhấn mạnh: "*Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng là từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 (là ngày Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.*

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.".

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01A/NQ-ĐHĐCĐ/HGI.26 ngày 16/4/2026 về việc thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư năm 2026, cụ thể như sau:

Bảng 38. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

STT	Chỉ tiêu	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
1	Doanh thu thuần	7.456	52,62%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.815	22,18%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	24,34%	-
4	Tỷ lệ cổ tức	Dự kiến chi cổ tức bằng tiền mặt với tổng số tiền cổ tức bằng 50% VĐL Công ty	-

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

❖ Trong năm 2026, Công ty dự kiến triển khai các dự án đầu tư với các nội dung chủ yếu như sau:

Đối với chuối: Tiếp tục chăm sóc, duy trì ổn định diện tích 2.670 ha, tập trung nâng cao năng suất và chất lượng, phục vụ xuất khẩu sang các thị trường như Nhật Bản và Trung Quốc, trong đó chủ lực là thị trường Nhật Bản.

Đối với sầu riêng: Dự kiến trồng mới 305 ha, nâng tổng diện tích lên 2.000 ha. Đồng thời, Công ty sẽ đầu tư nhà máy chế biến sầu riêng cấp đông tại Lào cùng hệ thống kho lạnh nhằm kéo dài thời gian bảo quản, nâng cao giá trị sản phẩm và giảm thiểu rủi ro mùa vụ của thị trường sầu riêng tươi.

Đối với cà phê: Dự kiến trồng mới 5.401 ha, nâng tổng diện tích lên 7.000 ha. Bên cạnh đó, Công ty sẽ xây dựng 02 nhà máy chế biến ướt quy mô lớn tại Lào nhằm kiểm soát chất lượng đồng nhất, đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu của thị trường quốc tế.

Đối với dâu tằm: Tiếp tục trồng thêm, chăm sóc, duy trì ổn định diện tích 600 ha.

❖ Đánh giá của Tổ chức tư vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, CTCP Chứng khoán OCBS (OCBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho OCBS và cung cấp trong Bản Cáo Bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Tổ Chức Phát Hành đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN. GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp:

"Trong thời hạn ba 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó"

Công ty được cấp Giấy CN ĐKDN số 5901046432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2016. Tính đến thời điểm hiện tại các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập doanh nghiệp đều hết hiệu lực theo Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

2. Thông tin về cổ đông lớn

a. Đối với cổ đông là cá nhân

Tại ngày 22/4/2026, Công ty không có cổ đông là cá nhân nắm giữ trên 5% vốn cổ phần.

b. Đối với cổ đông là tổ chức

Tại ngày 22/4/2026, danh sách cổ đông là tổ chức nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

❖ **Thông tin về tổ chức**

Tên	CTCP Hoàng Anh Gia Lai
Năm thành lập	2006
Số Giấy CN ĐKDN	Số 5900377720 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 01/6/2006, được Sở Tài Chính tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 35 ngày 01/10/2025
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính	15 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Vốn điều lệ	12.674.679.470.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Xuân Thắng – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại HGI	Ông Đoàn Nguyên Đức – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

❖ **Thông tin sở hữu cổ phần**

STT	Họ và Tên	Hiện tại (tại ngày 22/4/2026)		Dự kiến sau đợt chào bán	
		Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	142.251.366	84,43%	142.251.366	75,95%

❖ **Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn HAG hiện đang nắm giữ cổ phần của HGI:** Không có.

c. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành và những người có liên quan của họ

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Tình trạng thực hiện
1	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Hợp đồng vay	700.000 triệu VND	Không có	- HĐQT của HAGL - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
2	Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Hợp đồng kinh tế	1.868.087,58 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Đại Thắng - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
3	Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Hợp đồng kinh tế	1.983.524,40 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Đại Thắng - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Tình trạng thực hiện
4	Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Hợp đồng vay	637.060,54 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Đại Thắng - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
5	Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Hợp đồng vay	42.361.791,28 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Đại Thắng - HĐTV/ HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
6	Công ty TNHH MTV PTNN Souk Houng Heang	Công ty con gián tiếp	Hợp đồng vay	348.415,43 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Souk Houng Heang - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
7	Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Hợp đồng kinh tế	4.126.178,35 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Khăn Xay - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
8	Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Hợp đồng kinh tế	3.742.327 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Khăn Xay - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Tình trạng thực hiện
9	Công ty TNHH MTV PTNN Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Hợp đồng vay	6.703.644,39 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Khăn Xay - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
10	Chi nhánh Cơ khí CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của công ty mẹ	Hợp đồng nguyên tắc	3.851 triệu VND	Không có	- HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
11	Chi nhánh Cơ khí CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của công ty mẹ	Hợp đồng nguyên tắc	4.266 triệu VND	Không có	- HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
12	CTCP Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con cùng Công ty mẹ	Hợp đồng nguyên tắc	74.252 triệu VND	Không có	- HĐQT của Công ty Chăn nuôi Gia Lai - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
13	CTCP Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con cùng Công ty mẹ	Hợp đồng nguyên tắc	122.789 triệu VND	Không có	- HĐQT của Công ty Chăn Nuôi Gia Lai - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Tình trạng thực hiện
14	CTCP Gia Súc Lơ Pang	Công ty con cùng Công ty mẹ	Hợp đồng nguyên tắc	37.213 triệu VND	Không có	- HĐQT của Công ty Gia Súc Lơ Pang - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
15	CTCP Gia Súc Lơ Pang	Công ty con cùng Công ty mẹ	Hợp đồng kinh tế	52.731 triệu VND	Không có	- HĐQT của Công ty Gia Súc Lơ Pang - HDTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
16	Công ty TNHH Sản Xuất Bột Mì	Công ty con của Công ty trong cùng Tập đoàn HAGL	Hợp đồng kinh tế	2.756.276,85 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Sản xuất Bột Mì - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
17	Công ty TNHH Sản Xuất Bột Mì	Công ty con của Công ty trong cùng Tập đoàn HAGL	Hợp đồng kinh tế	43.520,40 USD	Không có	- Chủ sở hữu của Công ty Sản xuất Bột Mì - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
18	CTCP Chế Biến Thức Ăn Gia	Công ty con của Công ty trong cùng	Hợp đồng nguyên tắc	19.131 triệu VND	Không có	- HĐQT của Công ty Chế biến thức ăn Gia Súc Trà Bá	Đang thực hiện

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Tình trạng thực hiện
	Súc Trà Bá	Tập đoàn HAGL				- HĐTV/HĐQT của TCPH	
19	CTCP Chế Biến Thức Ăn Gia Súc Trà Bá	Công ty con của Công ty trong cùng Tập đoàn HAGL	Hợp đồng nguyên tắc	15.207 triệu VND	Không có	- HĐQT của Công ty Chế biến thức ăn Gia Súc Trà Bá - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện
20	CTCP Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Hợp đồng vay	100.000 triệu VND	Không có	- HĐQT của Công ty Phú Quý Gia Lai - HĐTV/HĐQT của TCPH	Đang thực hiện

Nguồn: CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, thông tin tại ngày 30/6/2026

d. Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

Không có.

e. Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành

Lợi ích liên quan của CTCP Hoàng Anh Gia Lai (cổ đông lớn) tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành như sau:

STT	Tên doanh nghiệp	Đối tượng doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ (*)
1	CTCP Chăn nuôi Gia Lai (CNGL)	- Là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH - Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực	- Hoạt động chính: Chăn nuôi, trồng trọt - Địa bàn hoạt động: tỉnh Gia Lai - Sản phẩm, dịch vụ: heo, chuối - Phân khúc khách hàng: heo bán tại thị trường trong nước, chuối xuất khẩu sang Trung Quốc, Nhật Bản, …	- HAGL là công ty mẹ sở hữu 165.750.000 cổ phần, tương ứng 85,00% vốn điều lệ của CNGL - Bà Hồ Thị Kim Chi – Phó Tổng Giám đốc HAGL đồng thời là Chủ tịch HĐQT của CNGL, sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ của CNGL.
2	CTCP Gia súc Lơ Pang (GSLP) (nay là CTCP Cà phê Hoàng Anh Gia Lai)	- Là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH - Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực	- Hoạt động chính: Chăn nuôi, trồng trọt - Địa bàn hoạt động: tỉnh Gia Lai - Sản phẩm, dịch vụ: heo, chuối - Phân khúc khách hàng: heo bán tại thị trường trong nước, chuối xuất khẩu sang Trung Quốc, Nhật Bản, …	- HAGL là công ty mẹ sở hữu 105.000.000 cổ phần, tương ứng 83,00% vốn điều lệ của GSLP - Bà Hồ Thị Kim Chi – Phó Tổng Giám đốc HAGL đồng thời là Chủ tịch HĐQT của GSLP, sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ của GSLP.

(*) Mối quan hệ của Cổ đông lớn, người có liên quan của Cổ đông lớn với Doanh nghiệp

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Thành viên HĐQT, người quản lý có lợi ích liên quan (nếu có) với cổ đông lớn không tham gia biểu quyết đối với các giao dịch với bên có liên quan theo đúng quy định pháp luật. Tổ Chức Phát Hành cam kết xây dựng quy trình rà soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm kiểm soát xung đột lợi ích và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT
3	Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT
4	Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên độc lập HĐQT

3.1.1. Ông Đoàn Nguyên Đức – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Đoàn Nguyên Đức
- Năm sinh : 06/12/1963
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Năng lực chuyên môn : Có năng lực quản lý và đầu tư đa ngành, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1993 đến nay	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 11/2025 đến nay	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Chủ tịch HĐQT từ tháng 11/2025 đến nay.
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT HAGL
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : 142.251.366 cổ phần, chiếm tỷ lệ 84,43% VĐL
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 142.251.366 cổ phần,

chiếm tỷ lệ 84,43% VĐL

- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL

- Thông tin về những người có liên quan của ông Đoàn Nguyên Đức đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Em ruột: Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên là Phó Giám đốc tài chính Công ty

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với ông Đoàn Nguyên Đức và những người có liên quan của họ: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.1.2. Ông Võ Thị Mỹ Hạnh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Võ Thị Mỹ Hạnh
- Năm sinh : 10/06/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân luật, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2001 đến năm 2006	Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh Gia Lai	Nhân viên
Từ năm 2006 đến năm 2008	Chi nhánh Nhà máy Gỗ nội thất HAGL	Phó Giám đốc chi nhánh
Từ năm 2009 đến năm 2017	HAGL	Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư và Dự án
	CTCP Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Phó Giám đốc
	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Phó Tổng Giám đốc
	Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai	Phó Giám đốc tài chính
Từ năm 2017 đến năm 2021	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
	HAGL	Thành viên HĐQT
Từ năm 2021 đến tháng 4/2026	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT
Từ năm 2021 đến tháng 11/2025	HAGL	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
	Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	HAGL	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật từ năm 2021 đến nay

  Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc từ tháng 11/2025 đến nay

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc của HAGL

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL

- Thông tin về những người có : Không có

liên quan của bà Võ Thị Mỹ Hạnh đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : ▪ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với bà Võ Thị Mỹ Hạnh và những người có liên quan của họ: Không có
  ▪ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.1.3. Bà Hồ Thị Kim Chi – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Hồ Thị Kim Chi
- Năm sinh : 05/01/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Tài chính
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1998 đến năm 2006	Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh Gia Lai	Kế toán trưởng tại Xí nghiệp Hoàng Anh Gia Lai

Từ năm 2006 đến năm 2014	HAGL	Kế toán trưởng
Từ năm 2014 đến năm 2021	HAGL	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2021 đến năm 2022	HAGL	Phó Tổng Giám đốc
	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2022 đến tháng 6/2025	HAGL	Phó Tổng Giám đốc
	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Chủ tịch HĐQT
	CTCP Gia súc Lơ Pang (nay là CTCP Cà phê Hoàng Anh Gia Lai)	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 6/2025 đến đến tháng 11/2025	HAGL	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Chủ tịch HĐQT
	CTCP Gia súc Lơ Pang (nay là CTCP Cà phê Hoàng Anh Gia Lai)	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 11/2025 đến nay	HAGL	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Chủ tịch HĐQT
	CTCP Gia súc Lơ Pang (nay là CTCP Cà phê Hoàng Anh Gia Lai)	Chủ tịch HĐQT
	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên HĐQT từ tháng 11/2025 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
  - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc HAGL
  - Chủ tịch HĐQT CTCP Gia súc Lơ Pang (nay là CTCP Cà phê Hoàng Anh Gia Lai) (từ ngày 01/4/2022 đến nay)
  - Chủ tịch HĐQT CTCP Chăn nuôi Gia Lai (từ ngày 12/4/2021 đến nay)
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan của bà Hồ Thị Kim : Không có

Chi đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : ▪ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với bà Hồ Thị Kim Chi và những người có liên quan của họ: Không có
  ▪ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.1.4. Bà Hà Kiết Trân – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Hà Kiết Trân
- Năm sinh : 11/03/1986
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ tài chính
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2010 đến năm 2012	CTCP Chứng khoán Phương Đông	Nhân viên
Từ năm 2012 đến năm 2014	Ngân hàng TMCP Đông Á	Chuyên viên
Từ năm 2014 đến năm 2015	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Đông Á	Chuyên viên

Từ năm 2015 đến năm 2017	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Trưởng bộ phận
Từ năm 2017 đến năm 2021	CTCP TMDV Ofood	Giám đốc tài chính
Từ năm 2021 đến nay	CTCP Hướng Việt Holdings	Giám đốc đầu tư
Từ tháng 06/2025 đến tháng 4/2026	HAGL	Thành viên HĐQT
Từ tháng 4/2026 đến nay	HAGL	Thành viên HĐQT
	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên HĐQT tháng 4/2026 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
  - Thành viên độc lập HĐQT HAGL
  - Trưởng BKS CTCP Sợi Thế Kỷ
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan của bà Hà Kiết Trân đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với bà Hà Kiết Trân và những người có liên quan của họ: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh : Không có

doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành

3.1.5. Ông Nguyễn Ngọc Mai – Thành viên độc lập HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Ngọc Mai
- Năm sinh : 14/10/1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Kỹ sư
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm1996 đến năm 1998	Công ty Xây lắp Điện Tuy Phước Bình Định	Tổ trưởng tổ xây lắp điện
Từ năm 1998 đến năm 2007	Công ty Điện Gia Lai	Đội trưởng
Từ năm 2008 đến năm 2010	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Nhân viên phòng khoáng sản
Từ năm 2010 đến năm 2012	CTCP Andong Mia Campuchia	Giám đốc
Từ năm 2012 đến năm 2013	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Phó Giám đốc
Từ năm 2013 đến tháng 5/2025	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Giám đốc
Từ tháng 5/2025 đến tháng 11/2025	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Giám đốc
	CTCP Nông nghiệp Mang Yang	Thành viên HĐQT
Từ tháng 11/2025 đến nay	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Giám đốc
	CTCP Nông nghiệp Mang Yang	Thành viên HĐQT

	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên HĐQT từ tháng 11/2025 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
  - Giám đốc CTCP Chăn nuôi Gia Lai
  - Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Mang Yang
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan của ông Nguyễn Ngọc Mai đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với ông Nguyễn Ngọc Mai và những người có liên quan của họ: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Mơ	Trưởng BKS

STT	Họ và tên	Chức danh
2	Lê Trương Y Trâm	Thành viên BKS
3	Nguyễn Duy Lâm	Thành viên BKS

3.2.1. Bà Nguyễn Thị Mơ – Trưởng BKS

- Họ và tên : Nguyễn Thị Mơ
- Năm sinh : 05/06/1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngữ văn Anh
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2010 đến 2011	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Nhân viên Phòng Kế hoạch – Đầu tư
Từ năm 2011 đến năm 2018	CTCP Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng Phòng Kế hoạch – Đầu tư
Từ năm 2018 đến tháng 7/2019	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng Phòng Tài chính
Từ tháng 8/2019 đến tháng 11/2025	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng Phòng Tài chính
Từ tháng 11/2025 đến nay	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng Phòng Tài chính
	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Trưởng BKS từ tháng 11/2025 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Trưởng Phòng Tài chính HAGL
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan của bà Nguyễn Thị Mơ đồng thời là cổ đông, : Không có

người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : ▪ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với bà Nguyễn Thị Mơ và những người có liên quan của họ: Không có
  ▪ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: năm 2024: 32.400.000 đồng; năm 2025: 29.280.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.2.2. Bà Lê Trương Y Trâm – Thành viên BKS

- Họ và tên : Lê Trương Y Trâm
- Năm sinh : 06/07/1990
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ tài chính
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 9/2012 đến hết tháng 8/2016	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Chuyên viên phòng kiểm toán nội bộ
Từ tháng 9/2016 đến hết tháng 5/2017	CTCP Nông nghiệp Quốc tế HAGL	Kế toán viên

Từ tháng 6/2017 đến hết tháng 7/2018	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Kế toán viên - bộ phận hợp nhất
Từ tháng 8/2018 đến tháng 11/2025	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Kế toán trưởng
Từ tháng 11/2025 đến nay	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Kế toán trưởng
	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên BKS từ tháng 11/2025 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Kế toán trưởng HAGL
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan của bà Lê Trương Y Trâm đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích Liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với bà Lê Trương Y Trâm và những người có liên quan của họ: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.2.3. Ông Nguyễn Duy Lâm – Thành viên BKS

- Họ và tên : Nguyễn Duy Lâm
- Năm sinh : 06/10/1988
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 07/2011 đến 11/2020	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Phụ trách bộ phận Quản lý Đất đai và Bản đồ
Từ tháng 12/2020 đến tháng 11/2025	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Phụ trách bộ phận Quản lý Đất đai và Bản đồ
Từ tháng 11/2025 đến nay	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Phụ trách bộ phận Quản lý Đất đai và Bản đồ
	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên BKS từ tháng 11/2025 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
  - Phụ trách bộ phận quản lý Đất đai và bản đồ của HAGL
  - Tham gia bộ phận quản lý chi phí xây dựng cơ bản của HAGL
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan của ông Nguyễn Duy Lâm đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích Liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với ông Nguyễn Duy Lâm và những

người có liên quan của họ: Không có

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.3. Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc
2	Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc tài chính
3	Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc kinh doanh
4	Nguyễn Đình Tình	Kế toán trưởng

3.3.1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh – Giám đốc

Thông tin đã được nêu tại mục VI.3.1.2

3.3.2. Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên – Phó Giám đốc tài chính

- Họ và tên : Đoàn Thị Nguyên Nguyên
- Năm sinh : 15/01/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế: Chuyên ngành Tài chính
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/2007 đến 08/2009	Chi nhánh Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai - CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Nhân viên Kinh doanh
Từ 09/2009 đến 09/2023	Chi nhánh Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai - CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Giám đốc
Từ 06/2017 đến 15/02/2024	Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Phó Giám đốc
Từ 10/2023 đến 07/2024	Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Hoàn Sinh Gia Lai	Giám đốc
Từ 12/2024 đến 11/2025	Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Phó Giám đốc
Từ 11/2025 đến nay	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Phó Giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Phó Giám đốc tài chính từ 11/2025 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan của bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Ông Đoàn Nguyên Đức (anh ruột) là chủ tịch HĐQT Công ty
- Lợi ích Liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên và những người có liên quan của họ: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: năm 2024: 35.750.000 đồng; năm 2025: 452.155.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ : Không có

Chức Phát Hành

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.3.3. Bà Lâm Thị Kiều Chinh – Phó Giám đốc kinh doanh

- Họ và tên : Lâm Thị Kiều Chinh
- Năm sinh : 16/05/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân ngoại ngữ
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1998 đến tháng 5/2006	Xí nghiệp Tư Doanh Hoàng Anh	Nhân viên
Từ tháng 6/2006 đến tháng 12/2007	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Nhân viên
Từ tháng 8/2007 đến tháng 12/2007	CTCP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Phó Giám đốc Chi nhánh nhà máy gỗ
Từ tháng 1/2008 đến tháng 11/2009	CTCP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ tháng 12/2009 đến tháng 5/2017	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ tháng 6/2017 đến tháng 10/2021	CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ tháng 11/2021 đến tháng 11/2025	Cty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Phó Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Phó Giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Phó Giám đốc kinh doanh phụ trách xuất khẩu từ tháng 11/2025 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan với bà Lâm Thị Kiều Chinh đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích Liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với bà Lâm Thị Kiều Chinh và những người có liên quan của họ: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: năm 2024: 518.164.200 đồng; năm 2025: 516.944.300 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành : Không có

3.3.4. Ông Nguyễn Đình Tình - Kế toán trưởng

- Họ và tên : Nguyễn Đình Tình
- Năm sinh : 06/08/1987

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2008 đến năm 2009	CTCP khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Nhân viên kế toán
Từ năm 2009 đến năm 2016	Công ty TNHH Hoàng Anh Attapeu	Nhân viên kế toán
Từ năm 2016 đến năm 2017	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Kế toán Tổng hợp
Từ năm 2017 đến năm 2018	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Kế toán trưởng
Từ năm 2018 đến năm 2021	Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	PGĐ Tài chính
Từ năm 2021 đến năm 2023	CTCP Chăn nuôi Gia Lai	Nhân viên kế hoạch
Từ năm 2023 đến nay	CTCP Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Kế toán trưởng

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành : Kế toán trưởng từ năm 2023 đến nay
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ : Sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan với ông Nguyễn Đình Tình đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Lợi ích liên quan đối với : Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức

	Tổ Chức Phát Hành	Phát Hành với ông Nguyễn Đình Tình và những người có liên quan của họ: Không có ▪ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: năm 2024: 456.699.000 đồng; năm 2025: 455.319.000 đồng
-	Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành	: Không có
-	Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	: Không có

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng là 18.800.000 cổ phiếu (Bằng chữ: Mười tám triệu tám trăm nghìn cổ phiếu), tương đương 11,157% (*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu được Tổ Chức Phát Hành phát hành mới: 18.800.000 cổ phiếu (Bằng chữ: Mười tám triệu tám trăm nghìn cổ phiếu), tương đương 11,157% (*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành; và
- Số lượng cổ phiếu được chào bán thuộc sở hữu của cổ đông hiện hữu: 0 (không) cổ phiếu, tương đương 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

(*) Tỷ lệ này được làm tròn lên từ số thập phân 18.800.000/ 168.500.000 ≈ 11,157%

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

188.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám tỷ đồng)

5. Giá chào bán dự kiến

60.600 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là mức giá do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên nguyên tắc xác định giá đã được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026. Trên cơ sở mức giá trị sổ sách của cổ phiếu HGI tại thời điểm 31/12/2025 là 25.372 đồng/cổ phiếu, giá trị cổ phiếu theo kết quả thẩm định do tổ chức thẩm định giá độc lập là 79.320 đồng/cổ phiếu, ĐHĐCĐ đã thông qua mức giá chào bán là **60.600** đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.
- **Phương thức phân phối:** Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua đại lý phân phối được chỉ định là:

  Công ty Cổ phần Chứng Khoán OCBS

  - Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 09 năm 2014, sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm.
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 26 The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trách nhiệm của Đại lý phân phối

- Cung cấp và tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua Cổ Phiếu của Nhà đầu tư. Tổ chức nhận đăng ký mua Cổ Phiếu là các công ty chứng khoán được lựa chọn và đã được UBCKNN cấp giấy phép thực hiện nghiệp vụ kinh doanh môi giới chứng khoán;
- Hướng dẫn Nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu của Tổ Chức Phát Hành;
- Gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua Cổ Phiếu của Nhà đầu tư cho Tổ Chức Phát Hành ngay sau khi kết thúc đợt chào bán; và
- Các công việc khác có liên quan để quá trình chào bán diễn ra thành công.

- **Nguyên tắc phân phối Cổ phiếu**

Công ty sẽ thực hiện phân phối Cổ Phiếu một cách công khai, công bằng và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Đại lý phân phối sẽ không phải cam kết số lượng bán tối thiểu hay bán tối đa và các đại lý phân phối sẽ được chào bán cho nhà đầu tư theo số lượng mà Công ty được phép phát hành.

- **Phương án xử lý số lượng Cổ Phiếu đăng ký mua vượt số lượng Cổ Phiếu được phép chào bán**

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua lớn hơn số lượng cổ phiếu được phép chào bán, cổ phiếu sẽ được phân phối tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài. Số cổ phiếu nhà đầu tư được phân phối sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Tổ Chức Phát Hành sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư (nếu có) theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty ("Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu"). Công ty không phân chia số lượng Cổ Phiếu chào bán cho từng đại lý mà sẽ đảm bảo nguyên tắc phân phối theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Chứng Khoán và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua Cổ Phiếu, Công ty sẽ tổng hợp danh sách nhà đầu tư đăng ký mua và do đó nhà đầu tư sẽ được phân bổ theo đúng một tỷ lệ phân bổ công bằng theo quy định của pháp luật liên quan.

- **Phương án cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết**

Nếu còn cổ phiếu chưa phân phối hết sau khi kết thúc đợt chào bán (bao gồm cả số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ) ("Cổ Phiếu Cần Phân Phối") thì số Cổ Phiếu Cần Phân Phối đó sẽ được xử lý theo cách thức chào bán tiếp cho các nhà đầu tư với các điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư, giá chào bán không được thuận lợi hơn các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu, cụ thể như sau:

- Tiêu chí xác định nhà đầu tư: Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, nhà đầu tư được lựa

chọn theo các tiêu chí do HĐQT xây dựng như sau:

- Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bày tỏ quan tâm, mong muốn và có năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành; hoặc
- Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Tổ Chức Phát Hành.

- Nguyên tắc xác định giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối: Giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu.
- Cổ Phiếu Cần Phân Phối được chào bán cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, và đảm bảo tuân thủ phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 ("Nghị Định 155"), và các điều kiện theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết thời gian phân phối Cổ Phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu số Cổ Phiếu Cần Phân Phối vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu chưa được phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ thực hiện các thủ tục để xin gia hạn thời gian chào bán Cổ Phiếu (nếu cần thiết).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- **Số lượng đăng ký mua**

Tối thiểu 100 (bằng chữ: một trăm) Cổ Phiếu/nhà đầu tư và tối đa không quá 9.360.000 (Bằng chữ: Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn) Cổ Phiếu/nhà đầu tư, tương ứng 4,997% vốn điều lệ của Công ty dự kiến sau đợt chào bán (đáp ứng không quá 5% vốn điều lệ của Công ty dự kiến sau đợt chào bán). Số lượng cổ phiếu đăng ký là bội số của 100 (Bằng chữ: một trăm) Cổ Phiếu.

- **Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu**

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong bản thông báo chào bán Cổ Phiếu ra công chúng ("Bản Thông Báo Chào Bán") và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- **Phương thức thanh toán**

Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ Chức Phát Hành theo thông tin tại Tiểu mục 11, Mục VII của Bản Cáo Bạch này.

- **Phương thức đăng ký mua cổ phiếu**

Theo thông báo tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối dự kiến: trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình chào bán cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực.	D
2	Tổ Chức Phát Hành thực hiện công bố thông tin về đợt chào bán, bao gồm việc công bố Bản Thông Báo Chào Bán trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp.	D+1 đến D+3
3	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Cổ Phiếu:	D+4 đến D+32
	- Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu dự kiến.	D+4
	- Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu dự kiến.	D+23
	- Tổ Chức Phát Hành thông báo kết quả đăng ký đặt mua cho nhà đầu tư.	D+24 đến D+25
	- Nhà đầu tư hoàn thành việc nộp tiền đăng ký đặt mua cổ phiếu theo thông báo kết quả đăng ký đặt mua của Tổ Chức Phát Hành.	D+26 đến D+32
4	Tổ Chức Phát Hành ban hành quyết định về việc xử lý số Cổ Phiếu Cần Phân Phối và triển khai phân phối số cổ phiếu này (nếu có).	D+33 đến tối đa D+90
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả đợt chào bán.	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	Tổ Chức Phát Hành hoàn trả tiền cho nhà đầu tư (nếu có) trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán.	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được xác nhận của UBCKNN về kết

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
		quả đợt chào bán cổ phiếu
7	Thời gian chuyển giao Cổ Phiếu cho nhà đầu tư.	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú: Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về thời gian phân phối cụ thể của đợt chào bán tại Bản Thông Báo Chào Bán và Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Toàn bộ Cổ Phiếu chào bán (không bao gồm Cổ Phiếu Cần Phân Phối) sẽ được chuyển nhượng tự do. Số lượng Cổ Phiếu Cần Phân Phối trong đợt chào bán được HĐQT phân phối tiếp (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong toả do Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Số tài khoản: 8888666699
- Tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Trung Tâm Kinh Doanh Hội Sở
- Loại tiền tệ: VND

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn, hoặc các trường hợp khác được quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán;
- Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể

từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp và thu hồi số Cổ Phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

Phương thức thu hồi cổ phiếu đã phát hành:

- Đối với cổ phiếu đã được nhà đầu tư lưu ký: Công ty sẽ phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và các thành viên lưu ký (các công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản chứng khoán và lưu ký cổ phiếu Công ty) để thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu theo quy định của VSDC.
- Đối với cổ phiếu chưa được nhà đầu tư lưu ký: Nhà đầu tư thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu tại trụ sở chính của Công ty (vào các ngày làm việc trong tuần) theo thông báo của Công ty về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ phiếu nêu trên.

Phương thức hoàn trả tiền mua cổ phiếu:

Tổ Chức Phát Hành thực hiện chuyển khoản toàn bộ số tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư về tài khoản ngân hàng của NĐT do đại lý phân phối cung cấp trong Danh sách NĐT (Đại lý phân phối căn cứ thông tin NĐT cung cấp trong Giấy Đăng ký Mua).

Các điều khoản cam kết bồi thường cho nhà đầu tư nếu không tuân thủ trong thời hạn nêu trên:

Trong trường hợp quá thời hạn hoàn trả toàn bộ tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ phải chịu trách nhiệm trả lãi chậm trả tính trên số tiền đã được tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thực tế hoàn trả số tiền cho nhà đầu tư. Lãi chậm trả bằng 100% lãi suất tiền gửi bình quân 12 tháng trở lại của bốn ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) tại Việt Nam là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), tính trên số ngày chậm trả tương ứng. Lãi suất này được xác định tại ngày đến hạn thanh toán.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo thông tin tại tiểu mục 9, mục IV của Bản Cáo Bạch này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% (Bằng chữ: Bốn mươi chín phần trăm).

Theo danh sách cổ đông ngày 22/4/2026, Tổ Chức Phát Hành có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 2,54%.

Trong đợt chào bán này, tổng số cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng là 18.800.000 (Mười tám triệu tám trăm nghìn) cổ phiếu, tương đương 11,157% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, Tổ Chức Phát Hành không giới hạn nhà đầu tư nước ngoài đặt mua Cổ Phiếu phát hành ra công chúng.

Tổ Chức Phát Hành cam kết việc chào bán đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức… theo các quy định hiện hành của luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) quy định:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%.

Thu nhập từ cổ tức

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.
- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

15.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 và Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026 (sau đây gọi chung là "Luật Thuế TNDN") thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

- Tổ chức nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu Tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Luật Thuế TNDN.

16. Thông tin về các cam kết

16.1. Cam kết của cổ đông lớn

HAGL hiện tại với tư cách là cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành cam kết nắm giữ ít nhất 20% VĐL của Tổ Chức Phát Hành tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của HGI.

16.2. Các cam kết của Tổ Chức Phát Hành

a. Cam kết về việc thực hiện niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán:

Tổ Chức Phát Hành cam kết triển khai thực hiện đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán hoặc trong trường hợp sau khi kết thúc đợt chào bán mà Công ty đáp ứng các điều kiện trở thành công ty đại chúng mà không đáp ứng điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty cam kết sẽ triển khai thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức, vận hành theo quy định của pháp luật trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật.

b. Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:

Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- Tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của HGI được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn như được quy định tại Điểm (d) Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng Khoán;
- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích như được quy định tại Điểm (e) Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng Khoán;
- Việc phát hành Cổ Phiếu hoặc xử lý Cổ Phiếu Cần Phân Phối (nếu có) đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại HGI như được quy định Điều 139 Nghị Định 155;
- Tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155 về việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua;
- Tuân thủ quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị Định 155;

- Việc phân phối Cổ Phiếu đáp ứng quy định về việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ, công ty con như được quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;
- Đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên HĐQT áp dụng đối với công ty đại chúng. Đồng thời, các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, BKS, và Ban Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mở rộng quy mô và nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, đồng thời tái cấu trúc tài chính để nâng cao các chỉ số tài chính phù hợp tiến trình phát triển và niêm yết trong tương lai, bao gồm: (i) thanh toán các hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp, cây giống, phân bón; và (ii) cơ cấu lại tình hình tài chính, trả nợ vay của Công ty.

2. Phương án khả thi

Không áp dụng vì Công ty không sử dụng vốn từ đợt chào bán để thực hiện dự án.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không áp dụng vì Công ty không sử dụng vốn từ đợt chào bán để thực hiện dự án.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền Tổ Chức Phát Hành dự kiến thu được từ đợt chào bán là **1.139.280.000.000 đồng** sẽ được phân bổ theo từng mục đích sử dụng, chi tiết như sau:

Bảng 39. Phân bổ số tiền TCPH thu được từ đợt chào bán theo từng mục đích sử dụng

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (Triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán	Thời gian dự kiến giải ngân
1	**Thanh toán các hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp, cây giống, phân bón**	**76.000**	**6,67%**	
1.1	Thanh toán Hợp đồng mua vật tư số 0201/2026/DTQT-DVTN ngày 02/01/2026 của Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	76.000	6,67%	Trong năm 2026

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (Triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán	Thời gian dự kiến giải ngân
2	**Cơ cấu lại tình hình tài chính, trả nợ vay của Công ty**	**1.063.280**	**93,33%**	
2.1	Trả nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (OCB) theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0009/2025/HĐTD-OCB-DN ngày 15/5/2025 và các khế ước nhận nợ	510.000	44,77%	Trong năm 2026
2.2	Trả nợ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB) theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 05/2025/HDTD/TTDT KHDNL1 ngày 07/10/2025 và các Khế ước nhận nợ	100.000	8,78%	Trong năm 2026
2.3	Trả nợ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	453.280	39,79%	Trong năm 2026
Tổng cộng		**1.139.280**	**100%**	

(*) Giả định số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 18.800.000 cổ phiếu với giá chào bán là 60.600 đồng/cổ phiếu

Tổng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng theo tiến độ phù hợp với tiến độ của các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tùy thuộc số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán, thứ tự ưu tiên sử dụng vốn và/hoặc sửa đổi, điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 155 và báo cáo lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ nguồn vốn dự kiến theo kế hoạch cho các mục đích nêu trên, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty ưu tiên sử dụng theo thứ tự như sau:

- Thanh toán các hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp, cây giống, phân bón chi tiết tại Mục 1 của Mục đích sử dụng vốn;
- Trả nợ các bên liên quan chi tiết tại Mục 2.3, sau đó, trả nợ các Ngân hàng theo thứ tự: OCB, TPB chi tiết tại Mục 2.1, 2.2 của Mục đích sử dụng vốn.

Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

1. Thanh toán các hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp, cây giống, phân bón

Hợp đồng mua vật tư của Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên

- Tên nhà cung cấp: Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên.
- Số hợp đồng: số 0201/2026/DTQT-DVTN ngày 02/01/2026.
- Nội dung: cung cấp các loại vật tư, hàng hóa bao gồm các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ống nhựa, các loại hạt, bột ngũ cốc, khô dầu, khô đậu, các loại cám gạo, các loại vi chất, vi lượng, vật tư nông nghiệp, vật tư xây dựng, máy móc, thiết bị, trang thiết bị y tế, máy móc, thiết bị nông cơ, các dịch vụ vận chuyển, bảo trì, sửa chữa máy móc, công cụ và các loại vật tư trang thiết bị khác…
- Thời gian thanh toán: Thanh toán theo từng lần cung cấp hàng hóa.
- Thời gian dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán hợp đồng cung cấp: dự kiến trong năm 2026.
- Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành: Không có liên quan theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

2. Tái cấu trúc tài chính công ty

a. Trả nợ vay ngân hàng

Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (OCB)

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0009/2025/HĐTD-OCB-DN ngày 15/5/2025 và các khế ước nhận nợ.
- Hạn mức cho vay: 1.800.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn tám trăm tỷ đồng).
- Phương thức giải ngân: Cấp tín dụng hạn mức. giải ngân từng lần theo nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.
- Lãi suất cho vay: theo quy định tại từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
- Kỳ hạn vay: 6 tháng kể từ ngày giải ngân.
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trái cây, quả gia vị, con giống, sản phẩm/phụ phẩm từ chăn nuôi/trồng trọt, vật tư nông nghiệp và vật tư xây dựng.
- Tài sản đảm bảo: (i) Cổ phiếu CTCP Hoàng Anh Gia Lai Phát hành (mã chứng khoán HAG); (ii) Cổ phiếu chưa niêm yết do CTCP Lê Me phát hành; (iii) Tài sản bổ sung sau.
- Dư nợ đến ngày 30/6/2026: 1.299.998.490.891 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng).

- Thời gian dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để trả nợ cho OCB: Trong năm 2026.
- Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành: Không có liên quan theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 05/2025/HDTD/TTDT KHDNL1 ngày 07/10/2025 và các Khế ước nhận nợ.
- Hạn mức cho vay: 480.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi tỷ đồng chẵn).
- Phương thức giải ngân: Chuyển khoản từng lần vào tài khoản của nhà cung cấp.
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể theo từng Khế ước nhận nợ của Công ty.
- Kỳ hạn vay: Thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức không kéo dài quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ.
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại chuối/ vật tư chăn nuôi của Công ty.
- Tài sản đảm bảo: Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và các bên liên quan, bao gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2020/HĐBĐ/TTDT MB/01 ngày 26/10/2020; số 11/2021/HĐBĐ/TTDT MB/01 ngày 23/12/2021; số 07/2022/HĐBĐ/TTDT MB ngày 07/10/2022; số 0103/2022/HĐTC-BTB/LAOVIETBANK ngày 01/03/2022; số 026/2023/HĐTC-BTB/LAOVIETBANK và số 027/2023/HĐTC-BTB/LAOVIETBANK cùng ngày 08/02/2023, ký giữa TPBank, Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt Chi nhánh Attapeu và các bên liên quan (bao gồm Công ty và các bên thứ ba).
- Dư nợ đến ngày 30/6/2026: 463.217.069.333 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi ba tỷ, hai trăm mười bảy triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).
- Thời gian dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để trả nợ cho TPB: Trong năm 2026.
- Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành: Không có liên quan theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

b. Trả nợ vay các công ty liên quan

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng vay số 02/2024/HĐV/HAG-HTL ngày 24/04/2024 giữa Công ty và Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.
- Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành: Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai là công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành.
- Giá trị hợp đồng cho vay: 700.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng)

- Phương thức giải ngân: Giải ngân một lần hoặc nhiều lần, chuyển khoản vào tài khoản của Công ty.
- Lãi suất cho vay: 7,95%/năm và thay đổi khi có thông báo từ bên cho vay.
- Kỳ hạn vay: 60 tháng (sáu mươi tháng) kể từ ngày nhận vốn vay đầu tiên.
- Mục đích vay nợ: Bổ sung nguồn vốn lưu động để hoạt động kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn hoạt động mua bán vật tư nông nghiệp, trái cây, thức ăn chăn nuôi… và thanh toán các khoản nợ.
- Tài sản đảm bảo: Không có.
- Dư nợ đến ngày 30/6/2026:

  + Nợ gốc: 400.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng);

  + Nợ lãi: 55.563.097.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).
- Thời gian dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để trả nợ cho Công ty: Trong năm 2026.
- Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành: Công ty mẹ của TCPH.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 26 The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: +84 28 7108 8848 Fax: +84 28 3915 2931

Website: https://ocbs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 8, số 265 Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 7108 8848 Fax: (024) 3944 5889

Ý kiến của Tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Trên cơ sở các thông tin mà CTCP Chứng khoán OCBS đã thu thập được về CTCP Đầu Tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, CTCP Chứng khoán OCBS có một số nhận định như sau:

Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, quỹ đất nông nghiệp quy mô lớn đang quản lý và khai thác, đội ngũ HĐQT và Ban Giám đốc, cán bộ nhân viên công ty giàu kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp định hướng phát triển Công ty.

Bên cạnh đó, định hướng phát triển Công ty là tập trung vào nông nghiệp bền vững phù hợp với triển vọng của ngành.

Đồng thời, số lượng chào bán cổ phiếu đợt này là tối đa 18.800.000 cổ phiếu là đợt chào bán có quy mô tương tự với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Với vị thế hiện tại của Công ty, Tổ chức tư vấn đánh giá tính khả thi của đợt chào bán này là cao.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3824 5252

Website: https://www.ey.com/vi_vn

3. Tổ chức kiểm toán vốn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3547 2970

Website: https://a-c.com.vn/vn

4. Đại lý phân phối

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 26 The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 7108 8848 Fax: +84 28 3915 2931

Website: https://ocbs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 8, số 265 Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 7108 8848 Fax: +84 24 3944 5889

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[phần còn lại của trang được chủ ý để trống]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Gia Lai ngày 29 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐOÀN NGUYÊN ĐỨC

GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
VÕ THỊ MỸ HẠNH	NGUYỄN ĐÌNH TÌNH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Giấy CN ĐKDN số 5901046432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12/10/2016, được Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 18/11/2025.

2. Phụ lục II

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01B/NQ-ĐHĐCĐ/HGI.26 ngày 16/4/2026 thông qua phương án phát hành, thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán kèm các tài liệu: Tờ trình số 02/26/TTr-HGI-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026 và toàn văn Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và các nội dung liên quan;
- Nghị quyết HĐQT số 07/NQ-HĐQT/HGI.26 ngày 12/5/2026 về việc thông qua triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và các nội dung liên quan đến phương án chào bán;
- Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HĐQT/HGI.26 ngày 15/5/2026 về việc thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

3. Phụ lục III

Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

4. Phụ lục IV

- BCTC riêng lẻ và hợp nhất năm 2024 được kiểm toán;
- BCTC riêng lẻ và hợp nhất vào ngày 17/11/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 17/11/2025 được kiểm toán;
- BCTC riêng lẻ và hợp nhất và vào ngày 31/12/2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 18/11/2025 đến 31/12/2025 được kiểm toán;
- BCTC riêng lẻ và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

5. Phụ lục V

- Báo cáo về vốn điều lệ đã góp từ ngày thành lập (ngày 12/10/2016) đến ngày 31/12/2025 được kiểm toán.